



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING



SỔ TAY
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC

Hà Nội, tháng 12 năm 2022



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC

Nhóm tác giả:

TS. Lê Minh Công – TS. Nguyễn Thị Bích Thủy

TS. Nguyễn Văn Trường – ThS. Nguyễn Thị Thanh Tùng

ThS. Nguyễn Đức Nam

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

LỜI MỞ ĐẦU

Công tác xã hội ra đời từ đầu thế kỷ XX và phát triển như một ngành khoa học, hướng vào việc trợ giúp cho cá nhân, nhóm, cộng đồng trong xã hội, nâng cao năng lực của họ để khắc phục các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, ngành công tác xã hội đóng vai trò không thể thay thế trong việc hỗ trợ cung cấp các dịch vụ xã hội. Công tác xã hội trường học có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết vấn đề của nhà trường thông qua quá trình tác động vào 04 đối tượng chính ở trường học đó là học sinh, phụ huynh, thầy cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục với những hoạt động từ phòng ngừa đến giải quyết vấn đề. Công tác xã hội trường học trở thành cầu nối giữa học sinh, gia đình và nhà trường nhằm giúp các em có điều kiện và phát huy khả năng học tập tốt nhất, phòng ngừa và giải quyết các vấn đề sức khỏe tâm thần. Có thể thấy rằng công tác xã hội hiện nay là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp nhà trường giải quyết những vấn đề các em gặp phải một cách hiệu quả nhất.

Nhận thấy vai trò của cán bộ, giáo viên trong việc thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với tổ chức UNICEF biên soạn Sổ tay hướng dẫn thực hành công tác xã hội trường học, nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, giáo viên các trường phổ thông về quy trình, nguyên tắc, kỹ năng của công tác xã hội trường học trong hỗ trợ học sinh; hướng dẫn thực hành các kỹ năng công tác xã hội, các bước triển khai công tác xã hội trong trường học.

Trân trọng cảm ơn tổ chức UNICEF đã phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng cuốn Sổ tay này, cảm ơn nhóm chuyên gia đến từ Trường Đại học KHXX&NV, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh đã tham gia biên soạn cuốn Sổ tay này.

**Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên,
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	5
GIỚI THIỆU SỔ TAY.....	6
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	8
PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC.....	12
1.1. Đối tượng của công tác xã hội trường học	13
1.2. Nội dung của công tác xã hội trường học.....	13
1.3. Vai trò của công tác xã hội trường học	13
1.4. Nhiệm vụ cụ thể của người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học.	14
1.5. Một số cách tiếp cận trong công tác xã hội trường học	14
1.6. Các hình thức hoạt động của công tác xã hội trường học	18
1.7. Một số nguyên tắc đạo đức cơ bản khi thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học.....	20
1.8. Chính sách và luật pháp liên quan đến công tác xã hội trong trường học	24
PHẦN 2. CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC.....	25
2.1. Hoạt động truyền thông trong trường học.....	25
2.2. Tư vấn và hỗ trợ tâm lý trong trường học.....	29
2.3. Phối hợp liên ngành và chuyển gửi.....	33
2.4. Phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng.....	39
2.5. Thu thập thông tin và lưu trữ	42
PHẦN 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI	46
TRONG TRƯỜNG HỌC.....	46
3.1. Các vấn đề và các hoạt động phòng ngừa trong trường học.....	46
3.1.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần.....	46
3.1.2. Bạo lực và bắt nạt học đường, xâm hại trẻ em	49
3.1.3. Các vấn đề liên quan đến nghiện chất.	56
3.1.4. Các vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật	61
3.1.5. Các vấn đề liên quan tới khó khăn học tập	65
3.1.6. Các vấn đề liên quan tới gia đình và cộng đồng.....	68

3.2. Các vấn đề và các hoạt động can thiệp trong trường học.....	73
3.2.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần.....	73
3.2.2. Bạo lực và xâm hại.....	75
3.2.3. Các vấn đề liên quan tới nghiện chất.....	77
3.2.4. Các vấn đề liên quan tới hành vi vi phạm pháp luật.....	79
3.2.5. Các vấn đề liên quan tới khó khăn học tập.....	81
3.2.6. Các vấn đề liên quan tới gia đình và cộng đồng.....	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	83
PHỤ LỤC.....	86

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Phần 1

Hình 1.1. Nội dung của công tác xã hội trong trường học	13
Hình 1.2. Tháp nhu cầu của A. Maslow	15
Hình 1.3. Các chỉ số phát triển.....	17
Hình 1.4. Quy trình can thiệp và trợ giúp.....	19
Hình 1.5. Các cam kết với giá trị và đạo đức nghề nghiệp.....	21
Hình 1.6. Mô hình nguyên tắc bảo vệ thân chủ	22

Phần 2

Hình 2.1. Tiến trình thành lập nhóm liên ngành trong nhà trường	35
Hình 2.2. Mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng	39

Phần 3

Hình 3.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh	48
Hình 3.2. Quy trình thiết lập mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh.....	49
Hình 3.3. Nhóm chất gây nghiện bị lạm dụng	57
Hình 3.4. Các yếu tố nguy cơ dẫn đến vấn đề lạm dụng chất gây nghiện ở trẻ em.....	57
Hình 3.5. Các dấu hiệu và hành vi nguy cơ nghiện chất ở học sinh.. Error! Bookmark not defined.	
Hình 3.6. Các kỹ năng phòng chống nghiện chất ở học sinh	59
Hình 3.7. Dấu hiệu học sinh có nguy cơ vi phạm pháp luật.....	61
Hình 3.8. Biểu hiện của các rối loạn học tập đến học sinh.....	65
Hình 3.9. Giả thuyết bệnh sinh của các rối loạn học tập	66
Hình 3.10. Các biểu hiện tiêu cực của học sinh.....	71
Hình 3.11. Các hoạt động phòng ngừa các vấn đề ở học sinh do tác động từ gia đình và cộng đồng.....	72
Hình 3.12. Quy trình can thiệp dựa trên nguyên tắc đảm bảo quyền và nguồn lực	74
Hình 3.13. Các hoạt động chuyên sâu các vấn đề sức khỏe tâm thần	75
Hình 3.14. Các hoạt động can thiệp sớm với học sinh bị bạo lực và xâm hại.....	76
Hình 3.15. Các hoạt động can thiệp khẩn cấp khi học sinh bị bạo lực và xâm hại	76
Hình 3.16. Can thiệp chuyên sâu với học sinh bị xâm hại và bạo lực.....	77
Hình 3.17. Các bước cụ thể khi lập kế hoạch can thiệp với học sinh nghiện chất	79
Hình 3.18. Các biện pháp xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật	80
Hình 3.19. Nội dung bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khó khăn học tập	81

DANH MỤC BẢNG BIỂU**Phần 2**

Bảng 2.1. Các bước lập kế hoạch truyền thông27

Phần 3

Bảng 3.1. Các phương diện của sức khỏe tinh thần.....47

Bảng 3.2. Phân biệt hành vi bạo lực học đường và hành vi bắt nạt học đường50

Bảng 3.3. Một số hình thức xâm hại tình dục trẻ em.....51

Bảng 3.4. Các rối loạn học tập thường gặp ở học sinh.....66

GIỚI THIỆU SỐ TAY

Số tay này dành cho ai?

Số tay này được thiết kế dành cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường trường phổ thông trong cả nước, một số nội dung của Số tay được sử dụng cho cả cha mẹ học sinh (hoặc người nuôi dưỡng và chăm sóc).

Tại sao cần sử dụng Số tay này?

Việc sử dụng Số tay này nhằm giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên trong trường học có thể áp dụng trong quá trình thực hiện các nội dung, hoạt động công tác xã hội trong trường học. Điều này giúp cho phòng ngừa, nhận diện sớm và can thiệp kịp thời những vấn đề sức khoẻ tâm thần, hành vi, cảm xúc, và các mối quan hệ xã hội của học sinh.

Số tay này được sử dụng ở đâu?

Số tay này được sử dụng trong hệ thống các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết đào tạo với nước ngoài tại Việt Nam có người học dưới 18 tuổi, bao gồm cả cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngoài ra, một số nội dung của Số tay có thể được chia sẻ với cha mẹ học sinh để thực hiện trong gia đình, dưới sự hướng dẫn của cán bộ, giáo viên, góp phần tư vấn, hỗ trợ cho học sinh.

Sử dụng Số tay như thế nào?

Số tay được được các cán bộ, giáo viên và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường sử dụng để thực hiện các hoạt động của công tác xã hội trong trường học nhằm chăm sóc, hỗ trợ, phòng ngừa, sàng lọc và can thiệp bước đầu học sinh có các nguy cơ tổn thương sức khoẻ tinh thần, khó khăn học tập hoặc các vấn đề khác như bị bạo lực, bắt nạt, vi phạm pháp luật ...

Nội dung và hướng dẫn trong Số tay được viết rất cơ bản hoạt động công tác xã hội trong trường học vì thế tất cả các cán bộ, giáo viên có thể sử dụng dễ dàng. Quý thầy cô có thể đọc phần những vấn đề chung thực hành công tác xã hội trong trường học để có thể hiểu một cách cơ bản chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc đạo đức, văn bản của nhà nước về thực hành công tác xã hội trong trường học. Đồng thời, nghiên cứu, tham khảo các hướng dẫn cơ bản và các phụ lục biểu mẫu để triển khai các hoạt động công tác xã hội trong trường học về phòng ngừa, hỗ trợ, sàng lọc và can thiệp bước đầu với các vấn đề của học sinh. Nếu các vấn đề của học sinh nằm ngoài khả năng của quý thầy cô, Số tay cũng đã giới thiệu hệ thống các cơ sở thực hành Công tác xã hội địa phương để quý thầy cô kết nối chuyên gửi, hoặc quý thầy cô có thể tìm kiếm sự trợ giúp từ các cơ quan, tổ chức địa phương đủ chức năng để nhờ sự hỗ trợ.

Cấu trúc của nội dung Số tay

Nội dung Sổ tay bao gồm 03 phần, mỗi phần bao gồm mục đích, nội dung hướng dẫn thực hành các hoạt động công tác xã hội trong trường học.

+ Phần 1. Những vấn đề chung về thực hành công tác xã hội trường học: đối tượng, nội dung, vai trò của công tác xã hội trường học; nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trường học; các cách tiếp cận trong công tác xã hội trường học; một số nguyên tắc đạo đức trong thực hành công tác xã hội; một số văn bản pháp lý liên quan đến triển khai công tác xã hội trường học.

+ Phần 2. Các hoạt động công tác xã hội trong trường học: phần này hướng dẫn các nguyên tắc và cách thức thực hiện một số hoạt động công tác xã hội cơ bản trong trường như như các hoạt động truyền thông trong trường học, hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lý trong trường học, hoạt động phối hợp liên ngành và chuyên gửi, hoạt động phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng, hoạt động thu thập thông tin và lưu trữ. Các hoạt động này giúp người thực hành công tác xã hội trong trường học có thể thực hiện một cách cơ bản các cách thức phòng ngừa và can thiệp các vấn đề của học sinh trong trường học.

+ Phần 3. Các vấn đề và hoạt động công tác xã hội trong trường học: các vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần, các vấn đề liên quan đến bạo lực và xâm hại, các vấn đề liên quan đến nghiện chất, các vấn đề liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, các vấn đề liên quan đến khó khăn học tập, và các vấn đề liên quan đến gia đình và cộng đồng. Mỗi vấn đề đều được hướng dẫn các hoạt động phòng ngừa và can thiệp một cách cụ thể để người thực hành công tác xã hội trong trường học dễ dàng thực hiện.

+ Phần phụ lục: Mẫu biểu; Mẫu phiếu chuyên gửi; ...

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Công tác xã hội trong trường học

Tại các nước phát triển, Công tác xã hội nói chung, lĩnh vực Công tác xã hội trong trường học nói riêng là một nghề nghiệp chuyên nghiệp, được thực hiện bởi các nhà công tác xã hội được đào tạo và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Lĩnh vực Công tác xã hội trong trường học là những ứng dụng toàn bộ các kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp của ngành Công tác xã hội trong bối cảnh nhà trường. Các nhà công tác xã hội trường học thực hành kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tế của mình và coi nhà trường là phạm vi hoạt động chủ yếu để liên kết giữa học sinh, phụ huynh, giáo viên và cộng đồng dân cư, nhằm đưa ra những dịch vụ tương ứng với mục tiêu giáo dục của nhà trường, từ đó hỗ trợ học sinh giải quyết những vấn đề mà các em gặp phải và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các em, đồng thời cũng giúp nhà trường thực hiện được những tôn chỉ và mục đích đã đề ra.

Trong Sổ tay này, hoạt động Công tác xã hội trong trường học được hiểu là các hoạt động không chuyên và được thực hiện bởi bất cứ lực lượng giáo dục trong nhà trường như nhà quản lý, giáo viên, tổng phụ trách đội, bí thư đoàn thanh niên ... Một số hoạt động còn có thể được thực hiện bởi phụ huynh học sinh.

2. Hoạt động công tác xã hội trong trường học

Các hoạt động công tác xã hội trong trường học bao gồm: Phát hiện các nguy cơ trong và ngoài cơ sở giáo dục có ảnh hưởng tiêu cực đến người học; phát hiện các vụ việc liên quan đến người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, có hành vi bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; Tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ người học rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; Thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp đối với người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các đơn vị cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng, thực hiện việc can thiệp, trợ giúp đối với người học cần can thiệp, trợ giúp khẩn cấp hoặc giáo viên, người học có nhu cầu can thiệp, hỗ trợ; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng cho người học sau can thiệp hoặc người học, giáo viên, phụ huynh có nhu cầu hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng.

(Tham khảo thêm tại Thông tư 33/2018/TT – BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Phòng ngừa

Phòng ngừa trong trường học là thực hiện các hoạt động truyền thông như tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát tại trường giúp cho học sinh (người học), cha mẹ học sinh (hoặc người nuôi dưỡng, giám hộ), giáo viên có hiểu biết về các vấn đề như xâm hại, bỏ học, vi phạm pháp luật, sức khoẻ tâm thần..., đồng thời nâng cao kỹ năng quản lý, ứng phó với các vấn đề trên cũng như tìm kiếm sự trợ giúp từ các tổ chức, cá nhân có năng lực cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp.

4. Rà soát, phát hiện nguy cơ

Rà soát, phát hiện nguy cơ là hoạt động sàng lọc các vấn đề đặc biệt, có nguy cơ rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt của học sinh như bạo lực, xâm hại, bỏ học, sức khỏe tâm thần ... thông qua các hình thức như nắm bắt thông tin, tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh gia đình và các hiện tượng/ biểu hiện bất thường của người học. Việc rà soát, phát hiện này có thể thông qua các hình thức như thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận như hòm thư góp ý, đường dây nóng, qua trang mạng của nhà trường hoặc thông qua các công cụ sàng lọc sức khỏe tâm thần (ví dụ sử dụng thang sàng lọc DASS 21 để xem học sinh có nguy cơ stress, rối loạn lo âu, hay trầm cảm không?).

5. Trợ giúp, can thiệp

Đây là một hệ thống các hoạt động nhằm đánh giá, xây dựng kế hoạch và thực hiện các phương pháp, biện pháp can thiệp, lượng giá, theo dõi và hỗ trợ liên tục với học sinh có các vấn đề trong trường học (bị xâm hại, bạo lực, bắt nạt, bỏ học, vi phạm pháp luật, vấn đề sức khỏe tâm thần ...). Các hoạt động bao gồm tiếp nhận thông tin, và đánh giá ban đầu là các hoạt động tìm hiểu các khó khăn của học sinh, yếu tố kích hoạt và ảnh hưởng, duy trì các khó khăn trên cơ sở quan sát và phỏng vấn bối cảnh sống, mối quan hệ, hành vi, cảm xúc, quá trình phát triển của học sinh. Từ đó người đánh giá xác định mức độ và nhu cầu hỗ trợ, can thiệp với vấn đề học sinh đang gặp phải. Can thiệp tại trường học bao gồm các hoạt động như xác định nhu cầu, xây dựng mục tiêu kế hoạch, phê duyệt và thực hiện các kế hoạch can thiệp, trợ giúp tại trường. Việc can thiệp tại trường phải có sự phối hợp giữa người thực hiện can thiệp, học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh và các bên liên quan, đồng thời theo dõi, điều chỉnh kịp thời để đạt tới hiệu quả tốt nhất. Khi học sinh có các vấn đề nằm ngoài khả năng của việc can thiệp, trợ giúp tại trường thì cần tìm kiếm, chuyển gửi đến tổ chức, cá nhân chuyên nghiệp thực hiện các hoạt động can thiệp.

6. Hỗ trợ phát triển

Đây là việc phối hợp giữa cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, cán bộ bảo vệ trẻ em và các lực lượng giáo dục khác nhằm hỗ trợ học sinh sau khi kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp được tham gia một cách bình đẳng các hoạt động tại trường học và tại cộng đồng.

7. Người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học

Cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường đều có thể thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học. Một số hoạt động cần phối hợp với cha mẹ học sinh hoặc các cán bộ khác tại địa phương như cán bộ bảo vệ trẻ em, cán bộ chính sách...

8. Nguyên tắc đạo đức trong công tác xã hội

Nguyên tắc đạo đức trong công tác xã hội là hệ thống các quy tắc dựa trên nền tảng triết lý, giá trị nghề nghiệp. Những nguyên tắc này được người thực hành công tác xã hội trong trường học sử dụng trong quá trình tiến hành trợ giúp học sinh (hoặc các đối tượng khác).

9. Hoạt động phối hợp liên ngành và chuyển gửi

Hoạt động phối hợp liên ngành và chuyển gửi là hoạt động phối hợp giữa người thực hiện công tác xã hội trường học với các đối tác khác trong và ngoài nhà trường

nhằm trao đổi ý tưởng, nguồn lực, dịch vụ, và chuyên môn giữa các định chế giáo dục và cơ quan khác trong các môi trường khác nhau để hỗ trợ giải quyết nhu cầu của học sinh và cộng đồng như một hệ thống tổng thể. Với những trường hợp bảo vệ trẻ em nhà trường cần chuyển gửi cho cơ quan chức năng theo quy định của luật pháp và phối hợp thực hiện hỗ trợ, can thiệp.

10. Vận động nguồn lực xã hội

Vận động nguồn lực xã hội là sự quản lý các mối quan hệ giữa nhà trường và các đối tác khác như giáo viên, gia đình phụ huynh, bác sĩ tâm thần, bệnh viện, nhà tâm lý, nhà tài trợ hiện vật/ hiện kim ... phòng ngừa, đánh giá và hỗ trợ, can thiệp các vấn đề của học sinh. Việc vận động nguồn lực xã hội quan trọng nhất chính là thúc đẩy mối quan hệ gắn bó giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Vận động nguồn lực xã hội bao gồm vận động nguồn nhân lực và tài chính ở cả bên trong và bên ngoài trường học nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trường học. Các cơ sở giáo dục cần có kế hoạch vận động nguồn lực hàng năm phù hợp với mục tiêu của phát triển công tác xã hội trường học để từ đó có những chiến lược thực hiện kế hoạch phù hợp với văn hóa và bối cảnh địa phương.

11. Trẻ em

Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (1990) trong Điều 1 quy định: Trẻ em có nghĩa rộng là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn. Điều 1 Luật Trẻ em 2016 quy định: Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

12. Người chưa thành niên

Chương III, Mục 1, Điều 21 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Người chưa thành niên là những người chưa đủ 18 tuổi. Bao gồm tất cả trẻ em (những người chưa đủ 16 tuổi) và vị thành niên (những người từ 12 đến chưa đủ 18 tuổi). Đó là người chưa trưởng thành, đang phát triển về thể chất, thần kinh, tâm lý và xã hội.

13. Xâm hại trẻ em

Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác. (Luật Trẻ em, 2016)

14. Bóc lột trẻ em

Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi. (Luật Trẻ em, 2016)

15. Xâm hại tình dục trẻ em

Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức. (Luật trẻ em, 2016)

16. Bỏ rơi trẻ em

Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. (Luật trẻ em, 2016)

17. Bạo lực trẻ em

Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em. (Luật trẻ em, 2016)

18. Hành vi bạo lực học đường

Hành vi bạo lực học đường là những hành động cố ý thức làm hại người khác (về các mặt: thể chất, tinh thần, tình dục hoặc vật chất) xảy ra trong hoặc ngoài phạm vi trường học, được thực hiện bởi một hoặc một nhóm người (là học sinh, thầy cô, nhân viên trường học hoặc người bên ngoài trường học) hướng đến một hoặc một nhóm học sinh khác.

19. Học sinh là nạn nhân của bạo lực học đường

Học sinh là nạn nhân của bạo lực học đường được hiểu là những học sinh bị làm hại về các mặt tinh thần, thể chất, vật chất do một hoặc một nhóm học sinh khác, hoặc thầy cô, nhân viên trường học gây ra ở trong hoặc ngoài phạm vi trường học. Tùy vào tần suất và mức độ nguy hiểm của hành vi bạo lực, học sinh sẽ bị ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần và giá trị vật chất với các mức độ nghiêm trọng khác nhau.

20. Học sinh sử dụng chất gây nghiện

Học sinh sử dụng chất gây nghiện có thể chỉ đơn thuần là sử dụng nhất thời đến rối loạn sử dụng chất gây nghiện một cách nghiêm trọng. Điều này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần cũng như các mối quan hệ xã hội của học sinh, nguy hiểm hơn là đe dọa đến tính mạng của học sinh (phụ thuộc vào chất gây nghiện, hoàn cảnh, và tần suất dùng thuốc). Tuy nhiên, ngay cả khi chỉ là sử dụng nhất thời, thuốc gây nghiện có thể gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe người sử dụng, ví dụ như quá liều, các hành vi bạo lực, và hậu quả của việc quan hệ tình dục không an toàn như mang thai, lây nhiễm bệnh qua đường tình dục.

21. Sức khỏe

Sức khỏe là trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội chứ không chỉ đơn thuần là không có bệnh tật hay ốm đau (Theo Tổ chức Y tế Thế giới).

22. Sức khỏe tinh thần

Sức khỏe tinh thần là trạng thái trạng thái mà trong đó con người nhận thức được khả năng của bản thân, có thể đối phó với những căng thẳng thông thường, vẫn làm việc hiệu quả và đóng góp cho cộng đồng (Theo Tổ chức Y tế Thế giới).

PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC

MỤC ĐÍCH

Việc sử dụng cuốn sổ tay này giúp các cán bộ, giáo viên thực hiện công tác hoạt động công tác xã hội trong trường học có khả năng:

Về kiến thức:

Người sử dụng Sổ tay:

- Hiểu được công tác xã hội trường học là gì, đối tượng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của công tác xã hội trong trường học.
- Hiểu được tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa của các hoạt động công tác xã hội trường học đối với phòng ngừa, sàng lọc và can thiệp các vấn đề nguy cơ của học sinh.
- Biết được một số văn bản pháp lý liên quan đến việc triển khai công tác xã hội trường học tại nơi mình công tác.
- Nắm được các nguyên tắc thực hành công tác xã hội nói chung, công tác xã hội trong trường học nói riêng.
- Nhận diện được các tình huống có nguy cơ vi phạm nguyên tắc thực hành công tác xã hội trong trường học.

Về năng lực:

Người sử dụng Sổ tay:

- Có kỹ năng khai thác thông tin liên quan đến việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học.
- Áp dụng được các kiến thức công tác xã hội trường học trong phạm vi công việc mà mình thực hiện trong bối cảnh trường học.
- Áp dụng hiệu quả các văn bản pháp luật vào các hoạt động công tác xã hội tại trường mình công tác.
- Thực hành các nguyên tắc công tác xã hội hiệu quả, tránh nguy cơ vi phạm các tiêu chuẩn có thể dẫn tới hậu quả nguy hiểm cho học sinh và bản thân người thực hiện công tác xã hội trường học.

Về phẩm chất:

Người sử dụng Sổ tay:

- Ý thức được trách nhiệm của bản thân với vai trò người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học, hướng tới mục tiêu là giúp học sinh, cha mẹ học sinh thực sự khoẻ mạnh và hạnh phúc.
- Ý thức tự giác trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học.
- Ý thức được tầm quan trọng và thực hiện chủ động, thường xuyên các nguyên tắc đạo đức trong thực hành công tác xã hội trường học.

1.1. Đối tượng của công tác xã hội trường học

Đối tượng hỗ trợ trực tiếp của công tác xã hội trường học là học sinh, thầy cô giáo và phụ huynh. Trong quá trình thực hành công tác xã hội trường học, người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học cần phối hợp với các nhà chuyên môn khác (nếu có) như nhà tâm lý học trường học, nhà tham vấn học đường, giáo viên chuyên biệt, và (bắt buộc) giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên y tế học đường, ban giám hiệu, và các lực lượng khác trong nhà trường. Bên cạnh đó, người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học cũng cần phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan công an, tòa án, các tổ chức bảo vệ quyền trẻ em và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.2. Nội dung của công tác xã hội trường học

Các nội dung hoạt động của công tác xã hội trường học bao gồm: sàng lọc & phát hiện; phòng ngừa; can thiệp; chuyển gửi và hỗ trợ phát triển (sau can thiệp). Các nội dung hoạt động này được cụ thể hoá ở bảng dưới đây:

Phát hiện các nguy cơ trong và ngoài trường có ảnh hưởng tiêu cực đến người học; phát hiện các vụ việc liên quan đến người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, có hành vi bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật ...

Tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ người học rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật ...

Thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp đối với người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật ...

Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các đơn vị cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng, thực hiện việc can thiệp, trợ giúp đối với người học cần can thiệp, trợ giúp khẩn cấp hoặc giáo viên, học sinh có nhu cầu cần can thiệp.

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển, hoà nhập cộng đồng cho người học sau can thiệp hoặc người học, giáo viên, cha mẹ có nhu cầu hỗ trợ phát triển, hoà nhập cộng đồng.

Hình 1.1. Nội dung của công tác xã hội trong trường học

1.3. Vai trò của công tác xã hội trường học

Vai trò của công tác xã hội trường học tác động vào 4 đối tượng trong môi trường học đường là học sinh, cha mẹ học sinh, thầy cô giáo và các cán bộ quản lý giáo dục. Cụ thể:

Với học sinh: Giúp giải quyết những căng thẳng và khủng hoảng tâm lý; Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm trí; Giúp học sinh khai thác và phát huy những điểm mạnh và thành công trong học tập; Có được năng lực cá nhân và xã hội, cụ thể là giúp các em giảm những hành vi như: không hoàn thành việc học tập; hung hăng, gây gổ với bạn, không kiểm soát được mình; không có quan hệ với bạn đồng lứa và người lớn; bị lạm dụng thể chất; chán học; bị trầm cảm; có những dấu hiệu, hành vi tự tử...

Với cha mẹ học sinh: Hỗ trợ tham gia một cách có hiệu quả vào giáo dục con cái; Hiểu được những nhu cầu phát triển và giáo dục của trẻ; Tiếp cận các nguồn lực của trường học và cộng đồng; Hiểu các dịch vụ giáo dục đặc biệt; Tăng cường kỹ năng làm cha mẹ.

Với các thầy cô giáo: Giúp cho quá trình làm việc với phụ huynh của học sinh tiến hành hiệu quả; Tìm hiểu những nguồn lực mới; Tham gia vào tiến trình giáo dục, nhất là với các em cần sự giáo dục đặc biệt; Hiểu hơn về gia đình, những yếu tố văn hoá và cộng đồng ảnh hưởng đến trẻ.

Với các nhà quản lý giáo dục: Hỗ trợ và tham gia vào việc xây dựng các chính sách và chương trình phòng ngừa; Đảm bảo thực hiện đúng một số luật pháp có liên quan.

1.4. Nhiệm vụ cụ thể của người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học.

Một cách tổng quát, nhiệm vụ chủ yếu của người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học là:

- Phòng ngừa học sinh trốn học hoặc bỏ học, học sinh tự tử, hành vi bạo lực học đường cũng như nạn bắt nạt trong trường học, vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh...
- Hỗ trợ cha mẹ học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nâng cao kiến thức, kỹ năng và làm tốt vai trò của mình.
- Xây dựng môi trường học tập thân thiện trong nhà trường.
- Hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt như khuyết tật, gặp thiên tai, học sinh cuối cấp, học sinh gặp khủng hoảng, vấn đề sức khỏe tâm thần ...

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, công tác xã hội trường học thường được tiến hành với 3 loại hình sau:

- + Thứ nhất là tổ chức công tác xã hội phi lợi nhuận trong nhà trường, có những dịch vụ phục vụ ngay trong nhà trường, và ít nhất có một người làm công tác xã hội chuyên nghiệp, thường trực trong nhà trường để làm công tác chuyên môn;
- + Thứ hai, là đơn vị công tác xã hội trường học trực thuộc phòng công tác học sinh sinh viên và phòng giáo dục tư tưởng đạo đức trong nhà trường, do nhân viên đã được đào tạo đúng chuyên ngành công tác xã hội trường học đảm nhận;
- + Thứ ba, là nhân viên công tác xã hội trường học được cử từ cơ quan chuyên trách tới làm việc định kỳ tại nhà trường. Công tác xã hội trong nhà trường có thể được thực hiện thông qua những hình thức như làm việc với từng cá nhân, hoặc làm việc theo nhóm.

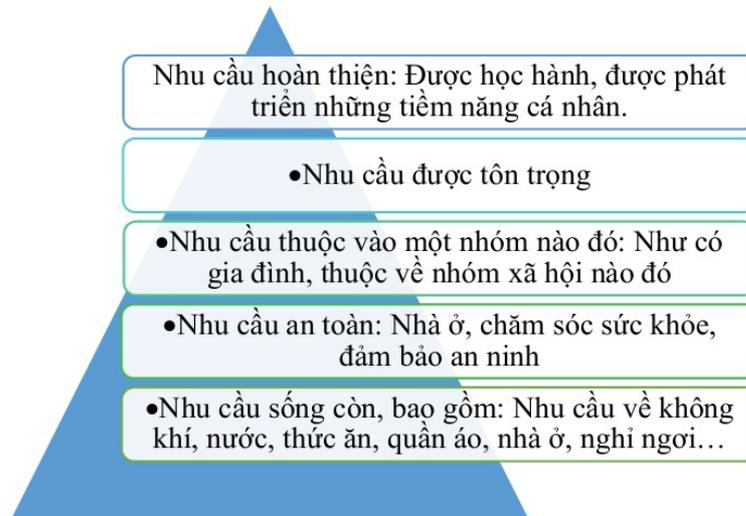
1.5. Một số cách tiếp cận trong công tác xã hội trường học

Các nhà thực hành Công tác xã hội chuyên nghiệp được đào tạo thường có các tiếp cận khung lý thuyết để triển khai các hoạt động/ dịch vụ Công tác xã hội (trong đó có lĩnh

vực trường học). Tuy vậy, với những người thực hiện các hoạt động Công tác xã hội trong trường học không chuyên có thể không cần có hiểu biết quá sâu sắc về các tiếp cận này.

a. Tiếp cận hệ thống nhu cầu

Theo A.Maslow, con người có nhu cầu cá nhân cần cho sự sống (nhu cầu về sinh học) và nhu cầu xã hội. Theo đó, ông chia nhu cầu con người thành 5 thang bậc từ thấp đến cao:



Hình 1.2. Tháp nhu cầu của A. Maslow

Khi trợ giúp các nhóm đối tượng, người thực hiện các hoạt động công tác xã hội cần tìm hiểu những nhu cầu của họ để thiết lập các động cơ hoạt động, từ đó giúp họ tích cực hoá các hoạt động xã hội.

Ví dụ, học sinh A có nhu cầu được yêu thương vì em thiếu sự chăm sóc, yêu thương của cha mẹ (do cha mẹ đi làm ăn xa, em sống cùng ông bà), nếu thoả mãn nhu cầu được yêu thương thông qua các hành động của giáo viên hoặc người làm công tác xã hội thì sẽ giúp cho em có động cơ học tập, và hành động xã hội tốt hơn.

b. Tiếp cận quyền con người

Tiếp cận dựa trên quyền con người là một khung lý thuyết có chứa đựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và mục tiêu của hệ thống quyền con người trong quá trình lập kế hoạch và tiến trình thực hiện các hoạt động công tác xã hội.

Cách tiếp cận dựa trên quyền lấy nền tảng cơ bản chính là hệ thống quyền con người đã được pháp luật quốc tế bảo vệ. Với cách tiếp cận theo quyền, người thực hiện các hoạt động công tác xã hội cần dựa trên hệ thống quyền con người để xây dựng các phương pháp và hoạt động của những mô hình phát triển xã hội. Theo cách tiếp cận này, người thực hiện các hoạt động công tác xã hội thực hiện việc trao quyền cho con người thực hiện các quyền của mình đồng thời đảm bảo những bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ví dụ, học sinh có quyền được bảo vệ, quyền được yêu thương, quyền được thể hiện (thông qua ngôn ngữ và cơ thể) ... Nếu thực hiện các quyền đó của các em, các em sẽ gia tăng cảm nhận hạnh phúc và giảm thiểu các hành vi tiêu cực. Như một học sinh A là người khuyết tật về vận động, nếu luôn được tôn trọng thì em sẽ rất hạnh phúc và không suy nghĩ tiêu cực về bản thân, tránh các vấn đề về sức khoẻ tâm thần.

c. Tiếp cận lý thuyết hành vi

Thuyết hành vi cho rằng con người có phản ứng do có một tác nhân kích thích từ môi trường, phản ứng của con người là nhằm thích nghi với tác nhân kích thích này. Như vậy, hành vi của chúng ta không phải là tự có mà do chúng ta học, hoặc chúng ta được củng cố nó. Theo lập luận này, những hành vi tiêu cực của trẻ là do trẻ học hỏi từ môi trường không lành mạnh. Muốn thay đổi hành vi tiêu cực ở trẻ cần thay đổi môi trường, tạo ra môi trường để trẻ học hỏi và củng cố hành vi tích cực.

Ví dụ, một học sinh có hành vi nói bậy, chửi bậy lên bạn bè hoặc người khác là do em học được hành vi này từ cha mẹ, hoặc người khác. Ngoài ra, hành vi nói, chửi bậy cũng có thể là một phản ứng của em khi bị bắt nạt trong quá khứ, nhiều lần được củng cố như vậy thì trở thành hành vi của em. Nếu muốn giảm hành vi chửi, nói bậy của em học sinh này thì phải tìm hiểu các yếu tố kích hoạt, duy trì hành vi này và cắt, hoặc giảm chúng, thay bằng hành vi tích cực và củng cố.

d. Tiếp cận lý thuyết nhận thức – hành vi

Thuyết nhận thức - hành vi lập luận rằng hành vi của con người bị chi phối bởi cách mà họ nghĩ, điều mà họ tin. Như vậy, để làm thay đổi những hành vi lệch chuẩn, chúng ta cần thay đổi chính những suy nghĩ không thích nghi.

Theo các tác giả của thuyết này, vấn đề nhân cách và hành vi của con người được tạo bởi những niềm tin suy nghĩ sai lệch trong mối quan hệ với môi trường bên ngoài. Con người nhận thức sai lầm, do đó gây nên những niềm tin, hình tượng, đối thoại nội tâm tiêu cực.

Những can thiệp của nhân viên xã hội là cần giúp thân chủ thay đổi nhận thức, cách mà họ suy nghĩ để từ đó họ thay đổi hành vi.

Ví dụ, học sinh A ngay từ khi còn nhỏ đã bị cha mẹ, thầy cô đánh giá (thông qua thể hiện) là “kém cỏi”, “ngu dốt” ... Điều này dần dần hình thành trong niềm tin của bản thân em về chính mình là người rất “kém cỏi”, em sẽ thiếu tự tin về bản thân mình. Vì thế, khi gặp một hoàn cảnh “kích hoạt”, khủng hoảng như điểm xấu trong kỳ thi chuyên cấp, hay bị bạn bắt nạt, em sẽ có suy nghĩ tự động một cách tiêu cực kiểu như “mình học dốt và kém cỏi nên mới thi trượt”, “mình là đứa chẳng ra gì” ... Điều này có thể làm gia tăng các hành vi tiêu cực của em như hút thuốc lá, đánh nhau, bỏ nhà đi, chơi game ... như một cách thức ứng phó với suy nghĩ tiêu cực về bản thân.

e. Tiếp cận hệ thống và sinh thái

Lý thuyết hệ thống chỉ ra sự tác động mà các tổ chức, các chính sách, các cộng đồng và các nhóm ảnh hưởng lên cá nhân. Cá nhân được xem như là bị lôi cuốn vào sự tương tác không dứt với nhiều hệ thống khác nhau trong môi trường.

Lý thuyết sinh thái là tập hợp con của lý thuyết hệ thống, mô tả con người sống, làm việc và chịu sự tương tác với gia đình, gia đình mở rộng, bạn bè, hàng xóm, các tổ chức xã hội, tôn giáo, giáo dục, y tế...

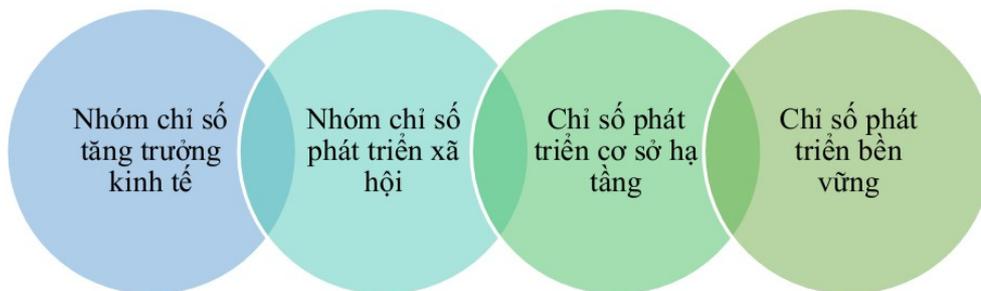
Trong lý thuyết này, tất cả các vấn đề của con người phải được nhìn nhận một cách tổng thể trong mối quan hệ với các yếu tố khác, chứ không chỉ nhìn nhận và tác động một cách đơn lẻ. Mọi người trong hoàn cảnh sống đều có những hành động và phản ứng ảnh hưởng lẫn nhau, và một hoạt động can thiệp hoặc giúp đỡ với một người sẽ có ảnh hưởng đến những yếu tố xung quanh. Vì thế, trong các hoạt động công tác xã hội, chúng ta phải nhìn vấn đề cần thay đổi trên nhiều phương diện và ở nhiều mức độ khác nhau, trên lĩnh vực cá nhân, gia đình, cộng đồng, xã hội và thế giới.

Ví dụ, học sinh nghiện trò chơi trực tuyến có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như sự lôi cuốn của trò chơi và chương trình trên internet, tính cách thiếu tự tin hoặc nhút nhát, khủng hoảng từ việc thất bại học đường, thiếu sự chăm sóc và quan tâm của cha mẹ, hay bị bạo lực hay bắt nạt ...

f. Tiếp cận dựa trên thuyết phát triển xã hội, phát triển cộng đồng

Liên hợp quốc đưa ra ba yếu tố cơ bản liên quan và tương hỗ với nhau của phát triển bền vững là: Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Ngày nay, tiêu chí để đánh giá trình độ phát triển của các quốc gia không chỉ thuần túy dựa vào yếu tố phát triển kinh tế mà quan trọng hơn là yếu tố phát triển xã hội, chỉ số phát triển con người.

Các nhóm chỉ số cơ bản của phát triển của một quốc gia:



Hình 1.3. Các chỉ số phát triển

- Nhóm chỉ số tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là bình quân thu nhập đầu người so sánh giữa các vùng;
- Nhóm chỉ số phát triển xã hội, đặc biệt người ta quan tâm nhiều đến chỉ số dịch vụ xã hội, trong đó có hai dịch vụ cơ bản nhất là dịch vụ y tế và giáo dục. Chỉ số phát triển con người là chỉ số tổng hợp kinh tế- xã hội của sự phát triển, bao gồm: Thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình, trình độ học vấn trung bình;
- Chỉ số phát triển cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm);
- Chỉ số phát triển bền vững. Đây là một quan niệm đề cập tới quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên.

Như vậy, để đạt đến sự phát triển một cách toàn diện, cần phải có một chiến lược và kỹ năng phát triển xã hội và phát triển cộng đồng.

Ví dụ, khi chúng ta xây dựng một kế hoạch hành động trong trường học như giáo dục học sinh trong năm học thì cần phải chú ý đến các chỉ số phát triển bền vững như trên vào các mục tiêu cụ thể của mình.

1.6. Các hình thức hoạt động của công tác xã hội trường học

Trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn công tác xã hội trong trường học, các hình thức hoạt động công tác xã hội trong trường học cụ thể như sau:

Hoạt động 1: Sàng lọc, phát hiện các nguy cơ của người học.

Để thực hiện hoạt động này, giáo viên và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường, cha mẹ học sinh phải thường xuyên chú ý nhận diện các khó khăn của học sinh, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, các khó khăn và vấn đề của học sinh rất đa dạng như việc nghỉ hay bỏ học, khó khăn học tập, bị xâm hại, bạo lực, vi phạm pháp luật, các vấn đề sức khỏe tâm thần ... Do đó, giáo viên và cha mẹ cần có hiểu biết cơ bản về các vấn đề khó khăn này để có thể nhận diện chính xác.

- Thứ hai: Hình thức có thể quan sát, thăm hỏi để sàng lọc thông qua các hoạt động hàng ngày trên lớp hoặc ở nhà. Đồng thời, có thể xây dựng các kế hoạch sàng lọc, đánh giá bằng các công cụ như bảng phỏng vấn, trắc nghiệm, thang đo (tuy nhiên khi sử dụng các công cụ này cần phải được đào tạo kỹ lưỡng trước khi sử dụng). Việc nhận diện cũng có thể bằng hình thức thông qua các kênh truyền thông như hòm thư điện tử, mạng xã hội, số điện thoại hotline...

- Thứ ba, người thực hiện sàng lọc, phát hiện các nguy cơ của học sinh có thể là giáo viên, cán bộ trong trường học (cán bộ y tế học đường, tổng phụ trách đội, bí thư đoàn ...), có thể là cha mẹ học sinh hoặc chính bạn bè của học sinh.

Hoạt động 2: Hoạt động phòng ngừa.

Giáo viên, các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường, cha mẹ học sinh thường xuyên triển khai các hoạt động phòng ngừa trong trường học để giúp học sinh tránh nguy cơ rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt như bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật, nghiện trò chơi trực tuyến và các vấn đề sức khỏe tâm thần...

Thứ nhất, việc triển khai các hoạt động phòng ngừa được thực hiện thường xuyên trên cơ sở nghiên cứu thực trạng các vấn đề của học sinh tại trường. Ví dụ, muốn phòng ngừa học sinh nghiện trò chơi trực tuyến thì cần khảo sát, nghiên cứu xem mức độ nghiện trò chơi trực tuyến của học sinh trong trường là như thế nào? Yếu tố nào nguy cơ hoặc ảnh hưởng đến việc các em nghiện trò chơi trực tuyến ... Khi có các dữ liệu chính xác này, chúng ta sẽ xây dựng kế hoạch phòng ngừa hiệu quả hơn. Nếu học sinh nghiện trò chơi trực tuyến ở trường là do các em thiếu sân chơi lành mạnh thực tế (cả trên mạng lẫn thực tế), nhà trường có thể triển khai nhiều hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng hơn như văn nghệ, thể thao, cuộc thi trí tuệ ...

Thứ hai, các hoạt động có thể rất đa dạng như các chương trình giáo dục kỹ năng sống, năng lực cảm xúc xã hội cho học sinh thông qua tích hợp bài giảng của giáo viên, các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức thông qua các buổi hội thảo dành cho phụ huynh, kênh truyền thông trên mạng xã hội, các hoạt động công tác xã hội nhóm, giáo dục làm cha mẹ...

Thứ ba, việc triển khai các hoạt động phòng ngừa có thể được thực hiện bởi bất cứ ai trong trường học, và có thể được kết nối với trung tâm công tác xã hội tại địa phương,

các trung tâm chăm sóc sức khỏe tâm thần hoặc các trung tâm giáo dục kỹ năng sống địa phương gần nhất mà trường học có thể kết nối.

Thứ động 3: Hoạt động can thiệp, trợ giúp

Hoạt động can thiệp, trợ giúp được thực hiện khi học sinh/ người học gặp những khó khăn, bất thường hoặc vấn đề sức khỏe tâm thần. Việc can thiệp, trợ giúp được thực hiện phải phù hợp với năng lực được đào tạo của giáo viên và không vượt quá đề vi phạm đạo đức (có thể tham khảo ở phần nguyên tắc đạo đức).

Quy trình và các hoạt động can thiệp, trợ giúp bao gồm các bước:



Hình 1.4. Quy trình can thiệp và trợ giúp

Bước 1. Tiếp nhận thông báo và thực hiện các đánh giá ban đầu. Ở bước này, người thực hiện công tác xã hội trường học tiếp nhận thông báo từ các đối tác trong trường học (như giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ học sinh ...) và thực hiện các đánh giá ban đầu về nhu cầu hỗ trợ của học sinh, lập báo cáo tiếp nhận thông tin và thu thập thông tin/ dữ liệu từ người học và các đối tượng liên quan để xác minh thông tin.

Trên cơ sở các dữ liệu thông tin ban đầu đánh giá toàn diện nhu cầu hỗ trợ của học sinh trên cơ sở mức độ và nguy cơ bị tổn hại, lập báo cáo đánh giá mức độ, nguy cơ tổn hại và nhu cầu của người học, chỉ định và đề xuất các phương án can thiệp, trợ giúp;

Bước 2. Thực hiện các hoạt động can thiệp và trợ giúp. Ở bước này, giáo viên lập kế hoạch can thiệp và trợ giúp trên cơ sở đánh giá ở bước 1, đồng thời trình hiệu trưởng/ lãnh đạo đơn vị phê duyệt kế hoạch can thiệp, trợ giúp.

Sau khi kế hoạch được phê duyệt thì thực hiện các hoạt động can thiệp và trợ giúp, việc thực hiện hoạt động này có thể phối hợp với các đối tác khác trong và ngoài trường như giáo viên chủ nhiệm, gia đình, chính quyền địa phương... Ngoài hoạt động can thiệp và trợ giúp, giáo viên thường xuyên rà soát, đánh giá nguy cơ trong và sau quá trình can thiệp, trợ giúp người học để theo dõi hỗ trợ tiếp tục.

Hoạt động 4: Hoạt động hỗ trợ phát triển

Giáo viên trong trường học thường xuyên phối hợp giáo viên, nhân viên trong trường học, cán bộ bảo vệ trẻ em tại địa phương thực hiện các hoạt động hỗ trợ học sinh sau khi kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp. Cập nhật và cung cấp thông tin về pháp luật, chính sách xã hội liên quan cho người học, giáo viên, nhân viên trong trường học và cha mẹ/ người giám hộ để giúp học sinh có thể tiếp cận hệ thống trợ giúp xã hội (học bổng, chính sách cho học sinh khuyết tật ...). Ngoài ra, tham mưu cho hiệu trưởng kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương về các chính sách liên quan đến học sinh và thúc đẩy việc thực hiện quyền của người học. Tìm kiếm các cơ hội để trường học có thể kết nối các nguồn lực xã hội tự các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để hỗ trợ học sinh

có hoàn cảnh đặc biệt, hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động công tác xã hội khác tại trường học.

1.7. Một số nguyên tắc đạo đức cơ bản khi thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học

Nguyên tắc 1. Bảo mật thông tin có điều kiện

Bảo mật thông tin cho học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh có nhu cầu cần được hỗ trợ giải quyết vấn đề mà họ gặp phải là yêu cầu đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học nhằm đảm bảo an toàn về mọi mặt (sức khỏe, tài chính, nhân phẩm,...) cho họ.

+ Phải tuân thủ và bảo vệ bí mật tuyệt đối tất cả những thông tin liên quan đến học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh hoặc được học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh cung cấp trong quá trình hỗ trợ/can thiệp/giải quyết vấn đề (ví dụ xu hướng tính dục của học sinh, tình trạng gia đình học sinh, học sinh bị bạo lực qua mạng và đang có các vấn đề về sức khỏe tâm thần,...).

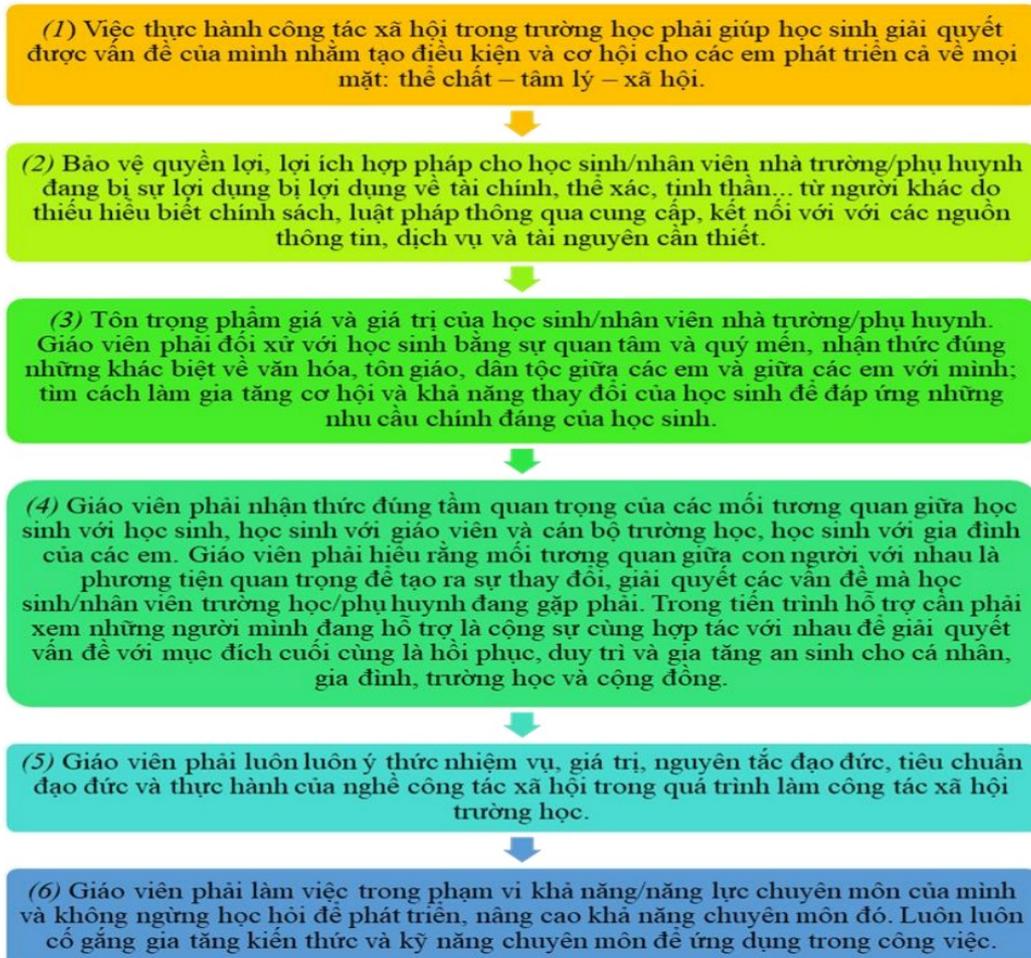
+ Những thông tin của học sinh chỉ có thể chia sẻ cho những người có liên quan đến việc hỗ trợ giải quyết vấn đề của học sinh (cha mẹ/người chăm sóc/người giám hộ) với điều kiện các em sẽ được thông báo, được giải thích và hiểu rõ lý do cần phải chia sẻ thông tin, và bản thân học sinh đồng ý với việc đó.

+ Trong một số trường hợp khẩn cấp, thông tin bí mật của học sinh/nhân viên nhà trường /phụ huynh đang được hỗ trợ/can thiệp/ giải quyết vấn đề cần thiết được giáo viên bộc lộ và chia sẻ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền (ban giám hiệu, công an địa phương,...) nếu xét thấy việc giữ bí mật thông tin đó sẽ khiến cho sự an toàn của bản thân người đang được hỗ trợ, gia đình và thậm chí cộng đồng gặp nguy hiểm (học sinh bị người thân trong gia đình xâm hại tình dục nhiều lần, học sinh bị người khác đe dọa tính mạng,...).

Nguyên tắc 2. Cam kết với các giá trị và đạo đức nghề công tác xã hội

Người thực hành công tác xã hội trường học cam kết với các quy tắc đạo đức của nghề công tác xã hội, pháp luật nhà nước và các quy định hiện hành khi tham gia vào các hoạt động liên quan đến khía cạnh đạo đức trong thực tế vì giáo viên làm việc trực tiếp với con người, đặc biệt là làm việc với học sinh - đối tượng cần được chăm sóc và bảo vệ cao nhất vì các em chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm để có thể phân biệt được ranh giới tốt – xấu, cũng như chưa đủ năng lực để tự bảo vệ bản thân.

Một số giá trị và nguyên tắc đạo đức cần tuân thủ:



Hình 1.5. Các cam kết với giá trị và đạo đức nghề nghiệp

Nguyên tắc 3. Làm việc nhóm và phối hợp liên ngành trong bối cảnh trường học

Làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội trường học đòi hỏi người thực hành phải làm việc nhóm với sự phối hợp liên ngành (công tác xã hội, tâm lý học, y tế sức khỏe, giáo dục) trong hỗ trợ, can thiệp và giải quyết các vấn đề của học sinh/nhân viên trường học/cha mẹ học sinh với sự tham gia của các chủ thể: bản thân người cần hỗ trợ, nhà trường, gia đình và xã hội.

+ Người thực hành công tác xã hội trường học phải tham gia và đóng góp vào quyết định chung của nhóm trong hỗ trợ an sinh cho học sinh/nhân viên trường học/cha mẹ học sinh bằng quan điểm, giá trị và kinh nghiệm của ngành công tác xã hội. Trách nhiệm chuyên môn và đạo đức của toàn nhóm liên ngành cũng như của từng cá nhân thành viên phải được quy định rõ ràng.

+ Khi quyết định của nhóm liên ngành có vướng mắc về mặt đạo đức, giáo viên tìm cách giải quyết vướng mắc này bằng những phương cách thích hợp. Nếu không giải quyết được một cách thỏa đáng, giáo viên sẽ tìm những phương cách khác để giải quyết vấn đề cho phù hợp với an sinh của người được hỗ trợ.

Nguyên tắc 4. Làm việc có sự tham gia của người học và cha mẹ học sinh.

Trong lĩnh vực công tác xã hội trường học, đối tượng làm việc của giáo viên không chỉ có học sinh mà còn là nhân viên nhà trường và cha mẹ học sinh.

Đối với học sinh có vấn đề: có thể vấn đề của các em do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân xuất phát từ gia đình (bố mẹ bạo lực, bố mẹ ly hôn, bố mẹ bỏ bê, không quan tâm, chăm sóc,...). Vì học sinh vẫn chưa độ tuổi trưởng thành về mặt luật pháp, vẫn còn sự bảo hộ của cha mẹ hoặc người chăm sóc, do đó để giải quyết vấn đề của các em cần có sự phối hợp làm việc giữa các bên: giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và nhân viên nhà trường. Trong đó cha mẹ học sinh đóng vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ giải quyết vấn đề của con em mình.

Nguyên tắc 5. Hiểu biết về văn hoá địa phương

Giáo viên phải có sự hiểu biết nhất định về văn hóa địa phương và vai trò của nó trong hình thành tính cách, cách ứng xử, quan điểm sống của học sinh cũng như quyết định mối quan hệ, sự tương tác của học sinh với các hệ thống xung quanh (bạn bè, thầy cô, cha mẹ,...).

Giáo viên phải có một kiến thức căn bản về văn hóa của học sinh, hiểu được sự khác biệt giữa các nhóm học sinh và áp dụng trong hỗ trợ các em, nhất là với các nhóm nhạy cảm, dễ bị tổn thương (nhóm học sinh khuyết tật, nhóm học sinh LGBT).

Giáo viên cũng phải tìm cách hiểu và học hỏi về bản chất đa dạng của xã hội và tình trạng phân biệt về giới tính, xu hướng tính dục, tuổi tác, hoàn cảnh gia đình, tôn giáo, khuyết tật tâm lý hay thể lý của học sinh.

Nguyên tắc 6. Nguyên tắc bảo vệ: Một trong những vai trò quan trọng của giáo viên khi làm việc với học sinh là biện hộ, bảo vệ quyền lợi cho các em, nhất là trong trường hợp học sinh chưa tới tuổi trưởng thành, chưa đủ khả năng nhận thức, kiến thức và kinh nghiệm để có thể bảo vệ bản thân mình.



Hình 1.6. Mô hình nguyên tắc bảo vệ thân chủ

Nguyên tắc 7. Nguyên tắc đảm bảo quyền lợi: Trách nhiệm chính của giáo viên làm công tác xã hội trường học là gia tăng an sinh (đảm bảo sự an toàn, quyền học tập, vui chơi, giải trí, an toàn về sức khỏe và tính mạng,...) cho học sinh của mình. Trong mối quan hệ nghề nghiệp/công việc này, quyền lợi của học sinh là quan trọng nhất.

Trong một số trường hợp, trách nhiệm pháp luật cụ thể hoặc trách nhiệm của giáo viên đối với xã hội có thể cao hơn trách nhiệm đối với học sinh/nhân viên nhà trường/phụ huynh, và những người này phải được thông báo về những trường hợp hạn chế này (ví dụ luật pháp đòi hỏi giáo viên phải báo cáo khi người được hỗ trợ đang hành hạ áp bức trẻ em, đe dọa làm hại bản thân hay người khác,...).

Nguyên tắc 8. Nguyên tắc đảm bảo tính chủ thể: Giáo viên cần hiểu rằng mỗi học sinh là mỗi cá nhân có các đặc điểm xã hội khác nhau: văn hóa, tôn giáo, hoàn cảnh gia đình, xu hướng tính dục,... do đó, giáo viên không thể sử dụng kinh nghiệm cho học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh này để áp đặt lên học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh khác cũng như không được áp đặt quan điểm cá nhân của mình lên họ mà phải có sự tôn trọng đối với người cần được hỗ trợ.

Giáo viên phải tôn trọng quyền tự quyết định của học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh giúp họ nỗ lực xác định và làm rõ những mục tiêu của họ. Trong trường hợp họ không muốn tiếp tục làm việc, hợp tác để giải quyết vấn đề với giáo viên, giáo viên phải chấp nhận và tôn trọng quyền quyết định của họ.

Giáo viên có thể hạn chế quyền tự quyết của học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh khi phán đoán chuyên môn cho thấy họ có khả năng có hành vi gây nguy hại tức thời đến bản thân hay người khác. Tuy nhiên điều này cần được xem xét kỹ lưỡng trước khi ra quyết định cuối cùng.

Nguyên tắc 9. Nguyên tắc đảm bảo cơ hội phát triển: Giáo viên đóng vai trò kết nối các nguồn lực cho học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh nhằm đảm bảo cho họ có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên khác nhau để phát triển bản thân: các tổ chức/cơ quan/dự án trao học bổng cho học sinh nghèo, các chương trình tập huấn kỹ năng cho học sinh và phụ huynh, các dự án nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên,...

Bên cạnh, giáo viên cũng có thể tổ chức các chương trình giáo dục theo hình thức nhóm hoặc cộng đồng để tăng năng lực cho học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh: kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng giao tiếp, các chương trình/dự án,...

Nguyên tắc 10. Xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp, bình đẳng: Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh là mối quan hệ nghề nghiệp, mang tính bình đẳng. Giáo viên giúp những người này giải quyết vấn đề họ đang gặp phải, khôi phục năng lực của bản thân, cung cấp địa chỉ các cơ quan/tổ chức hỗ trợ để tạo cơ hội cho họ phát triển bản thân.

Giáo viên khi làm việc với học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học sinh thể hiện sự quan tâm, tỏ rõ thiện chí muốn hợp tác làm việc, hỗ trợ họ giải quyết vấn đề mà họ đang gặp phải. Ngoài ra, quá trình tiếp cận lấy thông tin để xác định vấn đề, từ đó đưa ra kế hoạch can thiệp và hợp tác làm việc với học sinh/nhân viên nhà trường/cha mẹ học

sinh, giáo viên phải xây dựng được mối quan hệ tin cậy, tốt đẹp nơi họ thì tiến trình hỗ trợ mới có thể thành công.

1.8. Chính sách và luật pháp liên quan đến công tác xã hội trong trường học

Một số văn bản pháp lý có liên quan đến quá trình triển khai công tác xã hội và công tác xã hội trường học trong giai đoạn hiện nay:

- Luật Trẻ em, Luật số: 102/2016/QH13, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

- Luật Thanh niên, Luật số 57/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định một số điều hướng dẫn thi hành Luật Trẻ em.

- Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường;

- Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021- 2030;

- Thông tư số 34/2010/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội;

- Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông;

- Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội;

- Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học;

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4-9-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4-9-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15-09-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20-7-2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

PHẦN 2. CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC

MỤC ĐÍCH

Về kiến thức:

Người sử dụng Sổ tay:

- Hiểu được một số phương pháp và kỹ năng để có thể thực hành công tác xã hội trong lĩnh vực trường học.
- Hiểu được khái niệm, quy trình, các công cụ triển khai hoạt động công tác xã hội trong lĩnh vực trường học.
- Nhận ra được việc sử dụng phương pháp hay kỹ năng hoạt động công tác xã hội trong trường học một cách phù hợp với thân chủ hay hoàn cảnh công tác.

Về năng lực:

Người sử dụng Sổ tay:

- Áp dụng các phương pháp thực hành công tác xã hội vào các hoạt động truyền thông, tư vấn và hỗ trợ tâm lý, phối hợp liên ngành và chuyển gửi, phối hợp và hợp tác giữa nhà trường, xã hội và gia đình, lưu trữ thông tin ... một cách hiệu quả.
- Ứng dụng các hình thức và nguyên tắc thực hiện hoạt động công tác xã hội trong trường học phù hợp với từng môi trường, hoàn cảnh và học sinh cụ thể.
- Có thể thực hiện các kỹ năng một cách hiệu quả.

Về phẩm chất:

Người sử dụng Sổ tay:

- Ý thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội vào công việc của bản thân tại trường học để giúp cho học sinh hạnh phúc.
- Ý thức trách nhiệm khi thực hiện các hoạt động công tác xã hội trường học theo nguyên tắc và các chuẩn mực để đạt hiệu quả cao.
- Tự ý thức và tự giác trong nâng cao năng lực thực hành các hoạt động công tác xã hội trong trường học một cách liên tục.

Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày và hướng dẫn một cách cơ bản các nguyên tắc và cách thức thực hiện một số hoạt động của công tác xã hội trong trường học. Điều này giúp cho giáo viên và cán bộ thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong trường học một cách hiệu quả nhất.

2.1. Hoạt động truyền thông trong trường học.

a. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của học sinh, cán bộ nhân viên trong nhà trường và cha mẹ học sinh về các vấn đề nguy cơ của học sinh như:

- Các vấn đề sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần của học sinh.
- Các vấn đề về nghiện chất, nghiện game online
- Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường
- Các vấn đề về phòng ngừa xâm hại tình dục
- Các vấn đề liên quan tới vai trò, nhiệm vụ của CTXH trong trường học
- Những mô hình/ sáng kiến giúp cho việc học tập hiệu quả

- Tầm quan trọng của việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường ...
 - Thúc đẩy giao tiếp tích cực giữa học sinh - giáo viên - cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh trong trường học.

- Khuyến khích sự tham gia của học sinh vào các hoạt động trong hoặc ngoài giờ học hướng đến giúp học sinh có được một môi trường học tập toàn diện.

Từ việc nâng cao nhận thức, các hoạt động truyền thông cũng hướng tới việc thay đổi hành vi ở tất cả các nhóm đối tượng tác động của CTXH trong trường học kể trên. Vì vậy, mục đích quan trọng của truyền thông trong nhà trường là việc hướng tới hình thành những hành vi tích cực trong nhà trường, để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao các vấn đề về an sinh của học sinh trong trường học.

b. Chủ thể triển khai các hoạt động truyền thông.

- Ban giám hiệu nhà trường xây dựng và phê duyệt các kế hoạch truyền thông.
- Tổng phụ trách đội/ Bí thư đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Giáo viên
- Các lực lượng giáo dục khác trong trường học.

c. Quy trình triển khai hoạt động truyền thông

Bước 1: Lập kế hoạch truyền thông

Lập kế hoạch truyền thông là việc đưa ra các quyết định cho các hoạt động trong tương lai nhằm trả lời các câu hỏi như: Dự định làm gì? Làm ở đâu? Bao giờ? Bằng cách nào? Nguồn lực lấy ở đâu? Quy mô thế nào? Dự kiến kết quả và nhằm đạt được mục tiêu gì?

Mục tiêu truyền thông: Là những kết quả (sự thay đổi) mong đợi từ chính học sinh, giáo viên, cha mẹ và giáo viên có liên quan đến nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh và các bên liên quan trong nhà trường sau hoạt động truyền thông. Lưu ý kết quả này có thể là đo lường được hoặc những ý kiến, hành vi, thái độ được phản hồi, áp dụng sau mỗi hoạt động truyền thông. (Là sự chuyển đổi về nhận thức, thái độ và hành vi hỗ trợ trẻ em học tập tích cực của các nhóm đối tượng cần đạt được sau khi kết thúc hoạt động truyền thông)

Xác định chủ đề truyền thông: Chủ đề truyền thông trong nhà trường sẽ được chính đối tượng tham gia trực tiếp xác định, cụ thể trong CTXH học đường sẽ là học sinh (ưu tiên), giáo viên và cha mẹ học sinh (tham khảo đối chiếu). Lý giải cho điều này việc đưa ra các chủ đề truyền thông từ học sinh chính là việc thể hiện được nhu cầu mà giáo viên cần cân nhắc và lên kế hoạch đáp ứng. Ngoài những chủ đề có liên quan đã nêu trên giáo viên có thể cân nhắc thêm những chủ đề:

- Xác định mục tiêu và định hướng học tập
- Các cách xây dựng mô hình học tập tại lớp, tại nhà
- Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, tích cực
- Những đóng góp cho cộng đồng - xã hội mà học sinh có thể thực hiện được
- Tinh thần đoàn kết
- Tình bạn - tình yêu học đường

Để có được những chủ đề truyền thông cụ thể, đáp ứng được mong đợi của học sinh và các bên liên quan, người xây dựng kế hoạch có thể tổ chức khảo sát định kỳ (mỗi

năm hoặc mỗi học kỳ) để có được các chủ đề mới, vừa cập nhật các chủ đề mang tính xu hướng (trending), giúp cho giáo viên, giáo viên hiểu hơn về học sinh của trường.

Đối tượng tham gia của hoạt động truyền thông vận động/truyền thông: Cần ghi cụ thể đối tượng can thiệp, số lượng tham gia và vai trò cụ thể của mỗi bên. Ví dụ, học sinh là đối tượng can thiệp/tác động chính; cha mẹ (ban đại diện) và giáo viên nhà trường là những người tham gia tổ chức hoạt động.

Phương pháp/hình thức:

- Kết hợp đa dạng các hình thức: trực tiếp (các buổi sinh hoạt trên lớp, sân trường, hội trường), trực tuyến (Zoom, mạng xã hội, các ứng dụng thuận tiện cho đối tượng tham gia truy cập)
- Phương pháp: Trong CTXH, các phương pháp truyền thông có sự tham gia luôn được khuyến khích giáo viên áp dụng, bao gồm: Thảo luận nhóm, sử dụng các phương pháp trực quan sinh động: tranh vẽ, phim ảnh, phát động các cuộc thi (viết, vẽ, tiểu phẩm), sắm vai, hỏi – đáp.

Phương tiện/tài liệu hỗ trợ: Bao gồm tất cả các tài liệu/phương tiện truyền thông (tờ gấp, sách mỏng, áp phích...)

Địa điểm/thời gian: Ghi cụ thể địa điểm/thời gian diễn ra hoạt động truyền thông.

Người chịu trách nhiệm chính/phối hợp: Dự kiến ai/đơn vị nào làm chính; ai/đơn vị nào phối hợp.

Cách đánh giá/lượng giá hoạt động truyền thông: Đây là bước nhằm giúp giáo viên học đường, tham dự viên biết được những thay đổi “trước - sau” của người tham gia hoạt động truyền thông. Những thay đổi này liên quan đến năng kiến thức, thái độ và thực hành, kể cả những ý kiến, đề xuất để cải thiện tốt hơn cho hoạt động truyền thông tiếp theo. Một lưu ý khác, khuyến khích giáo viên học đường chia sẻ kết quả đánh giá đến với người tham gia sau đó để học nhìn thấy được những thay đổi của họ về kiến thức, thái độ, hành vi v.v..., góp phần tạo động lực, và cái nhìn mở rộng hơn đối với hoạt động truyền thông trong trường học. (truyền thông hai chiều)

Các bước lập kế hoạch cụ thể cho một hoạt động truyền thông có thể được tóm tắt lại như dưới đây:

Bảng 2.1. Các bước lập kế hoạch truyền thông

Bước 1: Xác định chủ đề truyền thông ưu tiên
Bước 2: Xây dựng mục tiêu truyền thông phù hợp.
Bước 3: Xác định kết quả đầu ra.
Bước 4: Xác định các phương pháp, hoạt động cụ thể đối với từng mục tiêu.
Bước 5: Dự trù kinh phí, xác định một số rủi ro có thể xảy ra và giải pháp thay thế (nếu có) .

Bước 2: Triển khai và giám sát hoạt động truyền thông

Triển khai là việc biến kế hoạch truyền thông thành hiện thực, hay nói cách khác là việc người triển khai thực hiện tất cả các hoạt động đã được lên kế hoạch theo dự định nhằm đạt được kết quả mong muốn.

Giám sát hiểu theo nghĩa hẹp (trong từng buổi truyền thông) là quá trình hỗ trợ từ lúc lập kế hoạch cho kế khi kết thúc hoạt động truyền thông. Quá trình này bao gồm sự quan sát và ghi nhận thuận lợi, khó khăn, sự tham gia, tính phù hợp của phương pháp, công cụ, tính “hấp dẫn” của chủ đề với đối tượng tham gia.

Theo nghĩa rộng hơn Giám sát là tiến trình theo dõi và hỗ trợ chiến lược hoạt động truyền thông của nhà trường nhằm góp phần tăng cường chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường, hướng tới hỗ trợ, giáo dục toàn diện cho học sinh. Giám sát hỗ trợ là hoạt động quản lý thường xuyên nhằm xem xét các hoạt động có được thực hiện đúng theo thiết kế về tiến độ, kết quả dự kiến và chất lượng hay không.

Giám sát thường dựa vào:

- Kế hoạch
- Tham gia trực tiếp, quan sát và ghi chép
- Kết quả của buổi truyền thông: đánh giá trước sau, ghi nhận phản hồi.

Giám sát hỗ trợ huy động sự tham gia của gia đình - nhà trường - cộng đồng cho trẻ em học tập tích cực là quá trình thu thập và trao đổi thông tin nhằm phát hiện những điểm thuận lợi, khó khăn, hạn chế để giúp truyền thông viên/hướng dẫn viên và đối tượng cải thiện chất lượng công việc, hành vi thực hiện tốt hơn chứ không nhằm mục đích “kiểm tra, đánh giá” hoặc “phê bình, chỉ trích”.

Bước 3: Đánh giá kết quả truyền thông

Sau khi triển khai xong một hoạt động truyền thông bất kỳ, cần phải thực hiện việc đánh giá kết quả cho hoạt động đó. Việc đánh giá nhằm trả lời một số câu hỏi sau:

- Mục tiêu buổi truyền thông có đạt được không?
- Những kết quả sau truyền thông được ghi nhận là gì? (đối chiếu mục tiêu truyền thông)
- Số lượng và thành phần tham gia?
- Hiệu quả của hoạt động truyền thông đã diễn ra như thế nào?
- Bài học kinh nghiệm rút ra là gì?

Tất cả các câu hỏi trên thường được trả lời trong một bản báo cáo đánh giá kết quả của mỗi hoạt động truyền thông hoặc một loạt các hoạt động theo giai đoạn nào đó.

d. Một số nội dung truyền thông trong trường học

Truyền thông xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp và an toàn: Đây là nhóm các hoạt động truyền thông nhằm khuyến khích việc tạo ra môi trường nhà trường an toàn, sạch sẽ. Học sinh được tăng cường giáo ý thức về bảo vệ môi trường học đường, các công trình công cộng của địa phương.

Truyền thông dạy và học có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh: Hoạt động truyền thông nhằm giúp thầy, cô giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo cùng các thầy, cô giáo thực hiện các biện pháp để việc dạy và học có hiệu quả cao.

Truyền thông nâng cao sức khoẻ thể chất và tinh thần cho học sinh: Thông qua việc tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian, các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về sức khoẻ tinh thần, các thử thách rèn luyện sức khoẻ và các hoạt động vui chơi giải trí tích cực khác phù hợp với nhóm tuổi.

Truyền thông vận động gia đình, nguồn lực cộng đồng cùng tham gia xây dựng trường lớp, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện: Vận động gia đình và cộng đồng hưởng ứng xây dựng nhà trường có đủ cây xanh, trang thiết bị đầy đủ cho việc học tập, bảo vệ cảnh quan môi trường nhà trường.

Truyền thông nâng cao kỹ năng sống cho học sinh: Các hoạt động truyền thông nhằm giúp học sinh có kỹ năng ứng xử phù hợp với các tình huống trong cuộc sống; rèn luyện kỹ năng ứng xử văn hóa, kỹ năng làm việc và học tập theo nhóm; có ý thức rèn luyện và bảo vệ sức khỏe, chung sống hòa bình; phòng ngừa bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội.

Truyền thông bảo vệ quyền trẻ em: Nhằm giúp học sinh được bảo vệ về các mặt và đảm bảo các quyền của trẻ em theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật trẻ em 2016.

Còn có một số nội dung truyền thông gắn liền với vấn đề của học sinh nên cần nhắc như xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, vấn đề học tập và sức khỏe tâm thần ở trẻ (trầm cảm, lo âu ở trẻ em), kỹ năng làm cha mẹ, chất gây nghiện, kỹ năng sử dụng mạng xã hội...

đ. Yêu cầu một số kỹ năng cơ bản với việc thực hiện công tác truyền thông.

Kỹ năng giao tiếp: Đặc biệt trong các hoạt động truyền thông trực tiếp, khi giáo viên tương tác trực tiếp với học sinh, giáo viên hoặc cha mẹ học sinh. Kỹ năng giao tiếp được thể hiện ở việc thể hiện thái độ tôn trọng không phán xét, kỹ năng lắng nghe tích cực, khả năng truyền đạt thông tin hiệu quả thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Kỹ năng lập kế hoạch truyền thông: Đây là kỹ năng quan trọng mà giáo viên cần có nhằm giúp triển khai các hoạt động truyền thông tại nhà trường thành công.

Kỹ năng điều phối: Việc triển khai, các hoạt động truyền thông cần người giáo viên thực hành thành thạo kỹ năng điều phối hoạt động. Kỹ năng này bao gồm việc sắp xếp công việc, nhân sự và thời gian sao cho phù hợp nhất nhằm đạt được kế hoạch truyền thông đã đặt ra.

Kỹ năng giám sát, đánh giá và báo cáo hoạt động truyền thông: Để đảm bảo các hoạt động truyền thông trong nhà trường diễn ra theo đúng mục tiêu và kế hoạch, người giáo viên cần có kỹ năng giám sát, đánh giá các hoạt động truyền thông đã diễn ra. Việc giám sát giúp hoạt động được triển khai theo kế hoạch, kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết và việc đánh giá nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm cần thiết cho các hoạt động về sau.

2.2. Tư vấn và hỗ trợ tâm lý trong trường học

Việc thực hiện các dịch vụ tham vấn tâm lý trong trường học thường phải được thực hiện bởi các nhà chuyên môn được đào tạo và đủ năng lực. Tuy vậy, việc thực hiện các hoạt động tư vấn và trợ giúp thì bất cứ giáo viên hay cán bộ giáo dục nào trong nhà trường cũng có thể thực hiện nếu tuân thủ các nguyên tắc và phương pháp thực hiện dưới đây.

a. Mục đích

Tư vấn và hỗ trợ tâm lý là hoạt động hỗ trợ cho học sinh, giáo viên và đôi khi cả cha mẹ học sinh thông qua hình thức giao tiếp. Mục tiêu của hoạt động này là xóa bỏ cảm xúc, suy nghĩ tiêu cực, cung cấp kiến thức và kỹ năng để giúp các em học sinh vượt qua

những khó khăn trong quá trình học tập, các mối quan hệ và đời sống cá nhân. Đồng thời, hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lý cũng nhằm cải thiện mối quan hệ giữa học sinh với học sinh, với thầy cô giáo và gia đình.

Hỗ trợ giải quyết các vấn đề học sinh, giáo viên gặp phải kịp thời, hiệu quả: Trong quá trình học tập, học sinh không tránh khỏi những vướng mắc và vấn đề khó khăn. Tuy nhiên, trẻ thường ngại chia sẻ với thầy cô và gia đình vì sợ bị la mắng và đánh giá. Trường hợp này có thể tư vấn tâm lý học đường để được lắng nghe, chia sẻ và cùng thảo luận những giải pháp phù hợp với những vấn đề học sinh gặp phải. Ngoài ra, giáo viên cũng trang bị cho học sinh thêm những kỹ năng cần thiết trong học tập, giao tiếp và đặc biệt là kỹ năng quản lý cảm xúc và ứng phó căng thẳng.

Gắn kết học sinh và gia đình: Trong giai đoạn dậy thì và vị thành niên, học sinh dễ mâu thuẫn với bố mẹ do cách suy nghĩ khác nhau. Tình trạng kéo dài ảnh hưởng đáng kể đến tinh thần của học sinh và khiến trẻ sống tách biệt với gia đình. Trong trường hợp này, cả học sinh và cha mẹ đều có thể tham gia tư vấn tâm lý học đường để gỡ bỏ mâu thuẫn và thấu hiểu nhau hơn. Việc giải quyết kịp thời mâu thuẫn giữa học sinh – cha mẹ giúp trẻ phát triển khỏe mạnh về tinh thần và luôn có gia đình là chỗ dựa mỗi khi gặp phải những vấn đề khó khăn.

Giúp giáo viên hiểu rõ tâm lý học sinh: Khoảng cách giữa hai thế hệ khiến giáo viên khó hiểu được tâm lý của học sinh. Vì vậy, giữa thầy và trò không có sự gắn kết và dễ phát sinh mâu thuẫn. Đây là lý do tham vấn tâm lý học đường được thực hiện cho cả giáo viên để hiểu hơn về tâm lý học sinh. Từ đó có cách giáo dục, giảng dạy và quan tâm phù hợp.

Ngăn ngừa các vấn đề tâm lý học đường: Hiện nay, không ít học sinh phải đối mặt với nhiều vấn đề tâm lý học đường như căng thẳng, lo âu, mất động lực học tập... do áp lực học tập, vấn đề tình cảm, nạn nhân của bạo lực học đường hoặc bị tẩy chay. Nếu kịp thời thực hiện các hoạt động tham vấn tâm lý học đường, góp phần giảm tỷ lệ học sinh mắc các vấn đề tâm lý kể trên

Giúp học sinh phát triển nhân cách: Quá trình hình thành nhân cách kéo dài từ khi trẻ mới sinh ra và hoàn chỉnh vào năm 18 tuổi. Tuy nhiên, trẻ sẽ có những đặc điểm tính cách rõ rệt nhất vào giai đoạn từ 10 – 18 tuổi. Trong giai đoạn này, sự thay đổi của hormone khiến trẻ trở nên nhạy cảm và đôi khi có suy nghĩ, hành vi lệch chuẩn. Nếu có sự hỗ trợ của hoạt động tư vấn tâm lý học đường, sẽ giúp trẻ có được sự hỗ trợ để phát triển nhân cách một cách phù hợp.

b. Chủ thể thực hiện các hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lý.

- Việc thực hiện này chủ yếu được thực hiện bởi giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn.

- Ngoài ra, các cán bộ giáo dục khác trong nhà trường, kể cả lãnh đạo nhà trường cũng có thể là những người thực hiện hoạt động tư vấn tâm lý hiệu quả.

- (nếu) nhà trường có các nhà tâm lý chuyên nghiệp thì việc cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý sẽ được diễn ra một cách chuyên hơn.

c. Cách thức thực hiện

Giáo viên có nhiều vai trò khác nhau, hướng tới cung cấp các dịch vụ hỗ trợ toàn diện cho học sinh học về chất lượng học tập, phát triển thể chất và tinh thần, tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Đối với giáo viên, tham vấn, tư vấn và hỗ trợ tâm lý là phương pháp tốt để giúp trợ giúp giải quyết các vấn đề xảy ra trong trường học. Trước hết, tham vấn, tư vấn và hỗ trợ tâm lý bản chất là làm việc một-một, hoặc một – một nhóm tức là giữa giáo viên và người được tư vấn (hoặc có thể gọi là thân chủ) nhằm tăng sức mạnh để cuối cùng người được tư vấn có thể tự giải quyết vấn đề của mình. Song trong thực tế, một vấn đề của học sinh nảy sinh trong trường học đôi khi có nguồn gốc từ rất nhiều phía. Chính vì vậy, người giáo viên khi làm việc để trợ giúp một vấn đề của học sinh không chỉ làm việc với học sinh mà còn làm việc với rất nhiều đối tượng khác hay còn gọi là các “thân chủ phụ”. Ví dụ, thân chủ của chúng ta là một học sinh bị bắt nạt trong trường học bị ảnh hưởng tới tâm sinh lý, sợ sệt, lo lắng, không dám đến trường, ngoài việc trợ giúp cho đối tượng này, người giáo viên còn phải trợ giúp cả đối tượng đi bắt nạt và thậm chí là cả gia đình học sinh là nạn nhân và gia đình học sinh đi bắt nạt.

Trong một ví dụ khác, thân chủ của chúng ta là một trẻ thường xuyên trốn học và không tập trung trong học tập, kết quả học tập sa sút nhưng nguyên nhân lại xuất phát từ việc trẻ bị bạo hành trong gia đình, vậy, gia đình lại là một thân chủ của chúng ta. Hay một học sinh khuyết tật không hòa nhập được trong lớp học đôi khi không phải tất cả đều xuất phát từ phía học sinh mà đôi khi chính giáo viên không có kỹ năng giảng dạy, kỹ năng điều chỉnh bài dạy cho phù hợp với đối tượng khuyết tật này nên gây ra tình trạng trên, vậy là chúng ta sẽ cần trợ giúp chính người giáo viên đó.

Thứ hai, vì là trợ giúp giải quyết các vấn đề của học sinh mà đối tượng học sinh phần lớn đều là trẻ em (trừ các đối tượng là sinh viên) nên khi làm việc với trẻ em thì giáo viên phải thành thạo các kỹ năng làm việc với trẻ em, hiểu sự phát triển tâm lý của trẻ em. Vì đối tượng là trẻ em nên trong tiến trình trợ giúp nhất thiết phải đảm bảo sự tham gia của gia đình và nhà trường.

Các bước thực hiện hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lý:

Giáo viên có thể kết hợp cùng với nhà tâm lý học đường (nếu có) cùng thực hiện các hoạt động tham vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, trong cuốn tài liệu này, hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lý được giới thiệu chủ yếu tập trung vào học sinh. Đối với các nhóm đối tượng tham vấn khác, tiến trình hỗ trợ về cơ bản không có sự khác biệt lớn. Tiến trình giải quyết vấn đề trong tư vấn và hỗ trợ tâm lý thường bao gồm 5 bước cơ bản dưới đây:

Bước 1. Tạo lập mối quan hệ và xây dựng sự tin tưởng: Đây là bước đầu tiên và vô cùng quan trọng, giáo viên phải tạo lập được mối quan hệ và gây dựng được cảm giác tin tưởng với học sinh. Đa số, học sinh thường ít khi chia sẻ vấn đề của mình với người lớn vì sợ bị la mắng hoặc trách phạt, nghiêm cấm, chính vì vậy giáo viên phải gây dựng được lòng tin của các em, cho các em thấy sự khác biệt khi chia sẻ với mình và những người khác.

Các cách để giáo viên có thể tạo lập và xây dựng mối quan hệ tin tưởng với học sinh có thể bao gồm:

- Gặp gỡ học sinh ở một không gian riêng tư, thuận tiện cho việc chia sẻ
- Luôn lắng nghe một cách tích cực nhất có thể (đặt các câu hỏi gợi mở và để cho người được tư vấn chia sẻ nhiều hơn)
- Luôn thể hiện sự chân thành, cởi mở và chấp nhận
- Không được có những phán xét tiêu cực đối với học sinh cũng như vấn đề của các em.
- Thể hiện mình là người luôn sẵn sàng đồng hành cùng các em trong việc giải quyết vấn đề.

Bước 2. Thu thập thông tin và xác định vấn đề: Mục đích của bước này là tìm hiểu và thu thập càng nhiều thông tin liên quan đến học sinh và vấn đề của các em càng nhiều càng tốt. Để làm được mục đích này, giáo viên thông qua các lần gặp gỡ để tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh bao gồm cả môi trường xã hội, giáo dục, gia đình, tình cảm, thể chất, tâm lý. Bên cạnh đó giáo viên cùng với học sinh xác định các vấn đề và ưu tiên cần giải quyết trước dựa trên tính cấp thiết của các vấn đề.

Bước 3. Đưa ra và lựa chọn giải pháp phù hợp. Mục đích của bước này là giúp học sinh đưa ra được các giải pháp có thể, phân tích ưu điểm, hạn chế của từng giải pháp, đối chiếu với vấn đề ưu tiên cần được giải quyết, điều kiện hoàn cảnh từ đó lựa chọn giải pháp phù hợp nhất thông qua quá trình trao đổi, thảo luận giữa giáo viên và học sinh. Giáo viên luôn phải ý thức đến việc giành quyền tự quyết cho học sinh.

Bước 4. Thực hiện giải pháp. Giáo viên luôn đồng hành cùng học sinh trong việc thực hiện giải pháp, động viên, khích lệ các em kiên trì thực hiện giải pháp đề ra.

Bước 5. Đánh giá và kết thúc tham vấn. Giáo viên cùng với học sinh đánh giá hiệu quả quá trình tham vấn, giáo viên rút kinh nghiệm và kết thúc tham vấn. Trong trường học, tùy từng trường hợp cụ thể, giáo viên có thể lựa chọn một trong các hình thức tư vấn: Tư vấn trực tiếp (tham vấn 1 -1, tư vấn nhóm; tư vấn gia đình) hoặc tư vấn gián tiếp qua điện thoại, hoặc các phương tiện giao tiếp phù hợp khác.

d. Yêu cầu vận dụng kỹ năng cơ bản

Kỹ năng lắng nghe: Đây được xem là kỹ năng quan trọng nhất trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh. Kỹ năng lắng nghe được thể hiện bằng việc giáo viên chú tâm hoàn toàn vào câu chuyện của học sinh, thể hiện thái độ tôn trọng với tất cả thông tin học sinh cung cấp, dành thời gian cho học sinh để các em có thể nói hết được những vấn đề mà mình gặp phải.

Kỹ năng lắng nghe có thể được biểu hiện thông qua ngôn ngữ cơ thể của giáo viên (tư thế ngồi, việc tiếp xúc mắt, gật đầu hoặc việc thể hiện cảm xúc phù hợp), và các phản hồi bằng ngôn từ phù hợp (hỏi lại, tóm tắt lại, sử dụng các câu cảm thán trong quá trình lắng nghe).

Kỹ năng đặt câu hỏi: Đây cũng được xem là một kỹ năng quan trọng của người làm công tác hỗ trợ tâm lý. Việc đặt câu hỏi phù hợp, giáo viên có thể khuyến khích học sinh nói ra vấn đề của mình, từ đó hai bên có thể cùng khám phá ra các cách giải quyết vấn đề phù hợp. Có nhiều dạng câu hỏi khác nhau mà giáo viên có thể học cách sử dụng trong quá trình tham vấn bao gồm:

- **Câu hỏi gợi mở/khám phá:** Là những câu hỏi thể hiện sự “tò mò” nhằm khuyến khích học sinh chia sẻ vấn đề của mình một cách chi tiết và cụ thể hơn. Ví dụ, “Thầy/cô rất muốn nghe em kể chi tiết hơn về sự việc đã xảy ra như thế nào?”; “Em có thể nói rõ hơn về sự việc đã xảy ra không?”

- **Câu hỏi giả định:** Là những câu hỏi nhằm giúp học sinh khám phá các tình huống và khả năng có thể xảy ra và suy nghĩ về các giải pháp có thể cho vấn đề đó. Ví dụ, “Giả sử bố mẹ em biết chuyện này và rất tức giận, em sẽ làm gì?”; “Giả sử em sẽ gặp trực tiếp bạn đã đánh em, em sẽ nói gì với bạn?”

- **Câu hỏi đo lường:** Là câu hỏi giúp giáo viên và học sinh có thể có những đánh giá nhanh về vấn đề hiện tại như mức độ nguy hiểm, khả năng thành công/thất bại, hoặc để đo lường cảm xúc tại một thời điểm nhất định nào đó. Ví dụ, “Hiện tại em cảm thấy cảm xúc của mình như thế nào?”; “Em đánh giá như thế nào về khả năng em tiếp tục bị bắt nạt? cao hay thấp?”; “Khả năng bố mẹ đồng ý với quyết định này của em là bao nhiêu?”.

2.3. Phối hợp liên ngành và chuyển gửi

a. Mục đích

Nhằm trao đổi ý tưởng, nguồn lực, dịch vụ, và chuyên môn giữa các cá nhân và cơ quan khác trong các môi trường khác nhau để hỗ trợ giải quyết nhu cầu của học sinh và cộng đồng như một hệ thống tổng thể.

Tuỳ thuộc vào vấn đề, nhu cầu, thách thức và sự phức tạp của vấn đề mà việc chuyển gửi được thực hiện hoặc các nhóm liên ngành có thể được thành lập để đáp ứng những nhu cầu của thực tế. Nhóm có thể được xây dựng nhằm giải quyết từng vấn đề khác nhau theo thời điểm (mang tính thời vụ) hoặc là một nhóm liên ngành được xây dựng cố định trong nhà trường nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong nhà trường.

Các yếu tố để xem xét việc chuyển gửi và thành lập nhóm liên ngành và thực hiện hoạt động trong nhà trường có thể bao gồm:

- *Mức độ nghiêm trọng của vấn đề:* Có những vấn đề được xem là nghiêm trọng trong nhà trường như tai nạn nghiêm trọng (bao gồm thảm họa thiên nhiên, thảm họa do con người gây ra), việc sử dụng và buôn bán ma túy, các vụ bạo lực nghiêm trọng, tạt sạt, xâm hại, ... hoặc các vấn đề liên quan tới tính mạng của bất kỳ ai trong nhà trường. Những sự việc này cần sự tham gia của nhiều hơn 1 người hay 1 chuyên ngành để có thể giải quyết, trong trường hợp này giáo viên có thể chuyển gửi học sinh hoặc đối tượng cần trợ giúp tới một dịch vụ phù hợp. Hoặc thành lập các nhóm trợ giúp chính trong nhà trường để thực hiện hoạt động trợ giúp này.
- *Vấn đề có liên quan tới nhiều người:* Các vấn đề liên quan tới tập thể học sinh, giáo viên hoặc những nhóm người khác trong nhà trường đều cần sự tham gia của nhiều nguồn lực trong quá trình tìm hiểu và giải quyết. Ví dụ việc liên quan tới an toàn của học sinh và giáo viên; sự phản đối của học sinh đối với hoạt động nào đó của nhà trường hay các vấn đề liên quan tới nhóm phụ huynh, ...
- *Vấn đề liên quan tới luật pháp:* Các vấn đề liên quan tới luật pháp luôn cần có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị có chức năng tham gia để cùng giải quyết vấn đề,

đặc biệt là các vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

b. Chủ thể thực hiện hoạt động

Việc thực hiện hoạt động kết nối, phối hợp liên ngành hoặc chuyển gửi thường được thực hiện bởi giáo viên hoặc cán bộ giáo dục được phân công thực hiện công tác xã hội trong trường học, ngoài ra, một lãnh đạo nhà trường cũng có thể thực hiện chủ đạo công việc này.

Cần phải hiểu phối hợp liên ngành là phối hợp giữa các chủ thể hỗ trợ, giáo dục trong nhà trường như y tế học đường, nhà tâm lý trường học, giáo viên ... hoặc với các đối tác khác ngoài trường học như bác sĩ, cán bộ chính sách xã hội, cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương ...

c. Nhiệm vụ của người thực hiện hoạt động.

Khi tham gia nhóm liên ngành, giáo viên mong đợi có những vai trò cụ thể như sau:

Người lập kế hoạch: Giáo viên sẽ là người khởi xướng các hoạt động phối hợp liên ngành trong nhà trường bằng việc xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch nhân sự cũng như kế hoạch cho tất cả các hoạt động của nhóm. Nói cách khác, giáo viên là người chịu trách nhiệm xây dựng nhóm và lên kế hoạch vận hành nhóm.

Người điều phối: Mọi hoạt động của nhóm sẽ được điều phối chính bởi giáo viên, dưới sự chấp thuận của ban giám hiệu nhà trường. Vai trò của giáo viên là đảm bảo cho nhóm hoạt động có hiệu quả và đạt được những mục tiêu đề ra ban đầu.

Người giáo dục: Tổ chức các hoạt động đào tạo cho nhóm liên ngành được khuyến cáo là cần thiết cho sự thành công của nhóm. Đây là một vai trò quan trọng nhằm đảm bảo cho các thành viên trong nhóm liên ngành có cùng chung những hiểu biết cơ bản nhất về CTXH, những nguyên tắc hành nghề hoặc bất kỳ kiến thức nào cần thiết cho nhóm liên ngành hoạt động có hiệu quả (ví dụ kỹ năng làm việc nhóm).

Người biện hộ: Cũng giống như làm việc trực tiếp với học sinh giáo viên và cha mẹ, khi làm việc trong nhóm liên ngành giáo viên cũng sẽ là người đại diện chịu trách nhiệm biện hộ cho nhóm trong những trường hợp cần thiết. Có thể biện hộ đối với học sinh, đối với nhà trường, hoặc các bên liên quan khác trong trường hợp có những bất công bằng hoặc có những yêu cầu cơ bản cần được đáp ứng.

Người kiểm tra, đánh giá: Đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc là một bước quan trọng trong tiến trình CTXH, ngoài các vai trò khác, thì giáo viên cũng sẽ chính là người phải đánh giá hiệu quả làm việc của nhóm liên ngành dựa trên nhiều các phương pháp khác nhau.

Một vai trò khác nữa của giáo viên là đảm bảo rằng tất cả các thành viên tham gia nhóm liên ngành hiểu rõ vai trò của bản thân mình. Việc hiểu rõ vai trò sẽ là điều kiện tiên quyết trong việc thực hiện các công việc có hiệu quả, tránh những xung đột vai trò hoặc những sự vi phạm về ranh giới chuyên môn có thể xảy ra. Những vai trò trên đây có thể được đem ra bàn thảo trong nhóm để thống nhất trước khi tiến hành hoạt động, cũng như có thêm những ý kiến đóng góp của thành viên để phù hợp với bối cảnh thực tế hoạt động.

d. Nội dung hoạt động chi tiết của hoạt động phối hợp liên ngành và chuyển gửi

Trước tiên cần phải có được một quy trình phối hợp trong nhóm liên ngành. Cần nhận thức rõ nhóm liên ngành này nhằm giúp cho giáo viên có góc nhìn đa diện liên quan đến đánh giá vấn đề của học sinh, xác định các bên liên quan cụ thể, các nguồn lực cần thiết trong quá trình hỗ trợ học sinh

Để xây dựng, hình thành và vận hành được một nhóm liên ngành hoạt động có hiệu quả trong nhà trường, các bước cơ bản dưới đây được đưa ra như là một gợi ý cho các giáo viên xem xét và thực hiện:



Hình 2.1. Tiến trình thành lập nhóm liên ngành trong nhà trường

a) *Xác định nhu cầu và mục tiêu hỗ trợ*: Đây là bước đầu tiên trong tiến trình thành lập nhóm liên ngành, bao gồm việc xác định nhu cầu của học sinh, giáo viên, các cán bộ nhà trường, cha mẹ học sinh và cả cộng đồng xung quanh đối với các dịch vụ CTXH. Nhóm chỉ được thành lập khi đã xem xét tới sự cần thiết (đã trình bày ở trên) và xác định rõ những nhiệm vụ cần thực hiện, có sự đóng góp của nhiều chuyên môn khác nhau để đảm bảo tính toàn diện cũng như tính khả thi (trong trường hợp nhiệm vụ vượt ra ngoài khả năng của 1 chuyên môn). Bên cạnh đó, mục tiêu hỗ trợ cũng cần được làm rõ, song song với việc xác định nhu cầu. Giáo viên sẽ là người đảm nhận hoạt động này, với sự tham khảo thêm từ chính học sinh, cán bộ giáo viên nhà trường, hoặc các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

b) *Xin chấp thuận của nhà trường*: Các hoạt động CTXH trường học xảy ra chủ yếu trong nhà trường, tuy mang tính độc lập cao nhưng lại chịu sự quản lý trực tiếp của nhà trường. Do đó, mọi hoạt động liên quan tới CTXH trong nhà trường cần phải được sự ủng hộ và chấp thuận của ban giám hiệu nhà trường. Trong đa số các trường hợp, thành viên ban giám hiệu nhà trường cũng sẽ được mời tham gia như một thành viên trong nhóm liên ngành. Để được sự chấp thuận, giáo viên cần làm việc rất tích cực với ban giám hiệu nhà trường từ việc làm rõ ý tưởng, tới việc chuẩn bị các thông tin, kế hoạch liên quan tới việc hình thành và vận hành của nhóm liên ngành.

c) *Xây dựng kế hoạch, quy định nhóm và mời thành viên tham gia*: Sau khi nhận được sự chấp thuận của nhà trường, giáo viên cần xây dựng kế hoạch tổng quát cho các hoạt động của nhóm liên ngành cũng như chuẩn bị các thông tin cần thiết cho việc giới thiệu và mời các thành viên tham gia nhóm liên ngành. Trước khi tham gia nhóm, các thành viên cần hiểu rõ được mục tiêu hoạt động, các yêu cầu cần thiết cũng như những nguyên tắc hoạt động khi tham gia nhóm. Việc này đảm bảo rằng các thành viên hiểu và tham gia nhóm một cách tự nguyện, tới tinh thần hỗ trợ và khả năng đóng góp chuyên môn cao nhất.

Trong bối cảnh hiện tại đối với các trường học tại Việt Nam, nhóm liên ngành có thể chỉ bao gồm ban giám hiệu, giáo viên, cha mẹ hoặc sinh, tổng phụ trách đội và Đoàn trường hoặc y tế học đường. Điều này dẫn tới việc nhóm liên ngành được thành lập không được đầy đủ như mong đợi để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong nhà trường. Giải pháp cho việc này là giáo viên có thể mời thêm các cá nhân, đơn vị ngoài trường học cùng tham gia nhóm liên ngành. Ví dụ như các chuyên gia tâm lý hoạt động trong khu vực, các tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ đang hoạt động trong khu vực và có liên quan tới các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên cũng lưu ý, nhóm liên ngành không cần thiết phải quá nhiều thành viên, tùy vào từng nhiệm vụ cụ thể mà nhóm cần xác định xem những thành viên nào là quan trọng và không thể thiếu. Các thành viên khác có thể tham gia với vai trò cộng tác, tham gia các hoạt động mang tính thời vụ.

d) *Vận hành nhóm*: Đây là bước quan trọng nhất, tốn nhiều thời gian cũng như công sức nhất trong tiến trình xây dựng và vận hành nhóm liên ngành. Việc vận hành nhóm bao gồm các công việc như triển khai kế hoạch hoạt động của nhóm; điều phối hoạt động theo kế hoạch; hỗ trợ các trường hợp dự kiến cũng như đột xuất; thực hiện các buổi họp trao đổi công việc. Vai trò chủ đạo của giáo viên lúc này cần được thể hiện rất tích cực trong tất cả các hoạt động của nhóm. Trong giai đoạn vận hành nhóm, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Mọi hoạt động cần hướng tới mục tiêu đã đặt ra
- Luôn đảm bảo vai trò của mỗi cá nhân trong nhóm được phát huy tối đa và có đóng góp cho mục tiêu chung.
- Tránh việc thay đổi nhân sự trong nhóm gây xáo trộn hoạt động
- Đảm bảo những nguyên tắc đã đề ra trong nhóm
- Tạo ra văn hoá và môi trường cởi mở, sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ
- Trong những trường hợp có mâu thuẫn xảy ra mà không giải quyết nội bộ trong nhóm được thì cần có sự tham gia của ban lãnh đạo nhà trường hoặc các bên liên quan khác.
- Luôn tôn trọng sự khác biệt về mặt chuyên môn, về văn hoá, về đặc điểm tính cách của mỗi thành viên và tập trung vào nhiệm vụ hơn là quyền lực.

đ) *Giám sát và lượng giá*: Hoạt động của nhóm liên ngành cần được theo dõi giám sát định kỳ trong tiến trình vận hành và được đánh giá tổng thể khi kết thúc mỗi một nhiệm vụ. Việc đánh giá có thể được thực hiện bởi chính các thành viên trong nhóm hoặc một bên thứ 3 có chuyên môn về đánh giá tham gia thực hiện.

Giám sát là tiến trình liên tục và năng động sau khi kế hoạch nhóm đã được xây dựng và các giai đoạn thực hiện đã được triển khai. Giám sát sẽ chỉ ra tính hiệu quả và sự phù hợp của mục đích được xây dựng, tập trung vào thời gian thực hiện và phương pháp được sử dụng để đạt mục tiêu. Hơn thế nữa, giám sát còn cung cấp cơ hội để điều chỉnh kế hoạch khi có những vấn đề không lường trước được. Các công cụ giám sát có thể bao gồm: các ghi chép tiến trình, phiếu theo dõi tiến độ công việc, biên bản họp nhóm, ...

Thông thường việc giám sát sẽ được thực hiện thông qua các buổi họp nhóm, cùng trao đổi, bàn luận và đánh giá về tiến trình và hiệu quả công việc mà nhóm đang thực hiện. Các hoạt động họp giám sát cần được lên lịch định kỳ, có mục tiêu và nội dung trao đổi rõ ràng trước khi tiến hành họp nhóm. Giáo viên là người sẽ chịu trách nhiệm điều phối các buổi họp giám sát hoặc một cá nhân nào đó chịu trách nhiệm dựa trên sự thống nhất của cả nhóm.

Lượng giá được thực hiện để trả lời câu hỏi nhóm có thực hiện được các mục tiêu đề ra một cách có hiệu quả hay không? Những điểm gì cần phát huy cũng như những điểm gì cần phải thay đổi để chất lượng hoạt động nhóm được nâng cao. Các công cụ lượng giá có thể bao gồm: phiếu đánh giá cho các bên liên quan (học sinh, giáo viên, phụ huynh,...), phiếu tự đánh giá cho thành viên nhóm, hoạt động phỏng vấn sâu với nhóm hưởng lợi.

Kết thúc hoạt động giám sát và đánh giá cần có báo cáo đánh giá (theo định kỳ hoặc đánh giá khi kết thúc nhiệm vụ), trong đó nêu rõ phương pháp đánh giá, những kết quả thu được và những kiến nghị đối với các hoạt động của nhóm nếu tiếp tục triển khai. Báo cáo đánh giá được chuẩn bị bởi nhóm liên ngành hoặc đơn vị độc lập, và nhất thiết phải được công khai và đảm bảo tính khách quan đối với tất cả các bên liên quan.

Lưu ý rằng không phải đối với mỗi một nhiệm vụ cần thực hiện trong nhà trường thì một nhóm liên ngành sẽ lại được xây dựng và theo các bước tuần tự như trên. Một nhóm liên ngành trong nhà trường có thể được vận hành liên tục trong thời gian dài và đảm nhiệm các nhiệm vụ khác nhau trong nhà trường. Thành viên nhóm có thể thay đổi, tuy nhiên về mô hình hoạt động cũng như các nguyên tắc làm việc thì không thay đổi (chỉ bổ sung cho phù hợp khi cần thiết).

đ. Các nguồn lực phối hợp liên ngành và chuyển gửi trong CTXH

+ Nguồn lực bên trong nhà trường

- Ban giám hiệu, cán bộ quản lý
- Giáo viên chủ nhiệm
- Các câu lạc bộ học tập, hội nhóm được nhà trường thành lập cho học sinh
- Đoàn thanh niên
- Phòng y tế
- Nhân viên tâm lý học đường (nếu có)
- Ban đại diện của phụ huynh học sinh.

+ Nguồn lực ngoài nhà trường

Trung tâm/tổ chức Các cơ quan, tổ chức của chính phủ: Hội/ Quỹ khuyến học, Phòng, Sở giáo dục, Hội bảo trợ trẻ em, Hội bảo vệ quyền trẻ em, Công An

- Các trung tâm sinh hoạt/phục vụ học sinh/trẻ em

- Các tổ chức phi chính phủ quốc tế có hoạt động phục vụ trẻ em: UNICEF, Tổ chức cứu trợ trẻ em (SC), Sai Gon Children Charity, Koto v.v...
- Các tổ chức tôn giáo
- Các dịch vụ sức khỏe tâm thần (trung tâm điều trị ngoại chấn, bệnh viện tâm thần)
- Trung tâm giáo dục thanh thiếu niên, điều trị cai nghiện

Chương trình

- Giải trí (công viên, lễ hội, giải trí)
- Học tập (thư viện, dạy kèm)
- Phòng chống rượu, thuốc lá, ma túy
- Sức khỏe cộng đồng, thể chất và tinh thần
- Sinh hoạt tập thể
- Chương trình phòng chống nạn bỏ học
- Chương trình tập huấn kỹ năng xã hội
- Các dịch vụ tham vấn cộng đồng
- Chương trình xóa đói giảm nghèo
- Chương trình hướng nghiệp và huấn nghề
- Các chương trình chống bạo hành trẻ em
- Các chương trình phòng chống học sinh bỏ học
- Chương trình điều trị bệnh tự kỷ, thiếu năng, etc.
- Chương trình cho trẻ câm điếc, khiếm thị, khuyết tật thể hình

e) Yêu cầu vận dụng kỹ năng cơ bản

Là người đảm nhiệm vai trò chính trong việc xây dựng và vận hành nhóm liên ngành, cùng với những kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường nhà trường như đã được trình bày ở phần trên, giáo viên cần phải tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết bao gồm:

+ *Kiến thức về nhóm và năng động nhóm*: Để điều phối hoạt động của một nhóm chuyên môn, thì kiến thức liên quan tới nhóm là vô cùng cần thiết. Kiến thức về nhóm bao gồm: Kiến thức về các loại hình nhóm khác nhau (nhóm nhiệm vụ, nhóm trị liệu, nhóm giáo dục, ...) cũng như đặc điểm hoạt động của từng loại nhóm.

+ *Kỹ năng lập kế hoạch*: Việc lập kế hoạch là bước đầu tiên quyết định tới sự hình thành cũng như khả năng thành công của nhóm, do đó đòi hỏi người lập kế hoạch phải có khả năng hình dung các công việc cần thực hiện, xác định vai trò cụ thể của các thành viên trong nhóm liên ngành cũng như lường trước những khó khăn có thể xảy ra. Kế hoạch hoạt động của nhóm cần phải được xây dựng một cách rõ ràng, định hướng mục tiêu cũng như thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của mỗi thành viên, xác định những tiêu chí thành công và thời gian dự kiến cho từng hoạt động. Thiếu khả năng lập kế hoạch của người điều phối, nhóm liên ngành sẽ hoạt động thiếu hiệu quả bởi mục tiêu và nhiệm vụ không rõ ràng, vai trò trách nhiệm chồng chéo hoặc không phù hợp.

+ *Kỹ năng giao tiếp*: Hoạt động của nhóm liên ngành chủ yếu được thực hiện thông qua hoạt động giao tiếp, do đó kỹ năng giao tiếp là một trong những kỹ năng tối quan trọng mà người lãnh đạo nhóm cần có, cũng như các thành viên trong nhóm cần được hướng dẫn cẩn thận. Kỹ năng giao tiếp bao gồm các kỹ năng cụ thể như: kỹ năng

lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng phản hồi; kỹ năng thấu cảm và kỹ năng trình bày, kỹ năng thương thuyết, ...

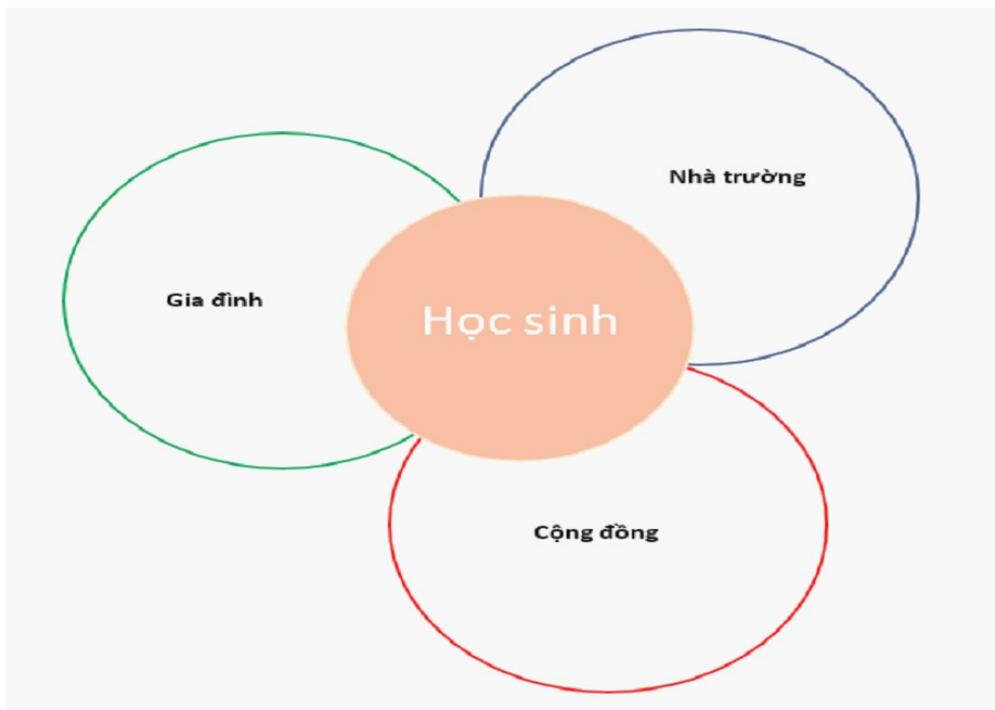
+ *Kỹ năng lãnh đạo*: Kỹ năng lãnh đạo và lãnh đạo nhóm là kỹ năng quan trọng và rất cần thiết trong việc vận hành nhóm liên ngành. Kỹ năng lãnh đạo sẽ giúp nhóm được vận hành một cách thuận lợi, đạt được các mục tiêu đề ra cũng như tạo được động lực cho các thành viên khi tham gia nhóm. Kỹ năng lãnh đạo cũng sẽ giúp giáo viên có khả năng lường trước những khó khăn có thể xảy ra, thay đổi những mục tiêu hoạt động để phù hợp với hoàn cảnh, cũng như thu hút được các nguồn lực cùng tham gia vào các hoạt động CTXH trong trường học.

+ *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn*: Mâu thuẫn là điều khó thể tránh khỏi trong nhóm liên ngành vì bản chất của nhóm là sự kết hợp từ nhiều quan điểm chuyên môn khác nhau. Do đó, người lãnh đạo nhóm (giáo viên) cần tận dụng thế mạnh về sự khác biệt này để tạo ra hiệu quả công việc thông qua việc thực hành hiệu quả kỹ năng giải quyết mâu thuẫn. Các phương thức giải quyết mâu thuẫn cần được đề cập tới ngay trước khi nhóm bắt đầu vận hành và được thống nhất giữa các thành viên.

2.4. Phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng

a. Mục đích

Mô hình hợp tác giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong CTXH trường học



Hình 2.2. Mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng

trước hết nhằm giúp tăng năng lực của các bên tham gia, từ đó nhằm hạn chế các vấn đề xảy ra trong trường học và hợp tác để can thiệp và trợ giúp vấn đề của học sinh.

Giáo viên thúc đẩy mối quan hệ gắn bó giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng vào những hoạt động phòng ngừa và giải quyết các vấn đề xảy ra ở học sinh. Bên cạnh

đó, giáo viên giúp gia đình hiểu những hoạt động trong trường học và những vấn đề mà trường học đang thực hiện đối với học sinh và ngược lại, giúp nhà trường hiểu bối cảnh văn hóa của gia đình, hoàn cảnh gia đình học sinh.

Giúp các thành viên của gia đình tham gia các hoạt động mà nhà trường tổ chức mà cần sự hỗ trợ của gia đình.

Giúp gia đình hiểu quá trình học tập và sinh hoạt cũng như quan hệ của học sinh và các vấn đề học sinh gặp phải trong trường học và ngược lại, giúp các thành viên của nhà trường hiểu được các vấn đề mà học sinh gặp phải tại gia đình

Giúp cho nhà trường và gia đình tiếp cận với các nguồn lực trong cộng đồng trong việc phòng ngừa các vấn đề của gia đình, nhà trường và bản thân học sinh chẳng hạn như các chương trình phòng chống xâm hại trẻ em, các chương trình vui chơi, phòng chống bạo lực học đường, bạo lực gia đình, các chương trình nâng cao sức khỏe tâm thần, các chương trình giáo dục kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống, các chương trình tăng cường nhận thức, kỹ năng của giáo viên về vấn đề khác nhau như sức khỏe sinh sản, khuyết tật, sức khỏe tâm thần... mà cộng đồng hay các tổ chức chính phủ, phi chính phủ đang thực hiện.

Xây dựng nhóm hợp tác giải quyết vấn đề trong đó bao gồm các thành viên của nhà trường, các thành viên của gia đình và các tổ chức cộng đồng.

Xác định trách nhiệm và nhiệm vụ cho từng thành viên của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc trợ giúp vấn đề của học sinh.

Thúc đẩy sự chia sẻ thông tin về học sinh giữa các thành viên trong gia đình và nhà trường.

Kết nối gia đình với các nguồn lực, các dịch vụ của cộng đồng.

b. Nhiệm vụ cụ thể

Tăng cường mối liên hệ nhà trường và gia đình: Giáo viên thiết lập và duy trì mối liên hệ với phụ huynh và gia đình, tăng cường sự tham gia của phụ huynh và gia đình vào các hoạt động của trường lớp dưới các hình thức như:

- Tổ chức lấy ý kiến, góp ý của phụ huynh về các hoạt động của trường, lớp; tiếp thu ý kiến và giải đáp tận tình.
- Mời phụ huynh cùng tham gia các sự kiện của trường, lớp; hỗ trợ giáo viên tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể của lớp, sự kiện, cuộc thi của trường; chia sẻ kinh nghiệm thực tế gắn với nội dung môn học, bài học của học sinh...
- Thường xuyên cập nhật thông tin với phụ huynh và gia đình về hoạt động của nhà trường và tình hình học tập của học sinh: bản tin hoạt động của trường, lớp; kế hoạch hoạt động trong năm học; kết quả, thái độ học tập của học sinh...
- Tạo điều kiện và dành thời gian tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tham quan di tích lịch sử, văn hoá, văn nghệ, nghệ thuật dân gian... Thông qua đó giúp các em nâng cao ý thức giữ gìn các di tích lịch sử, văn hoá và phát huy giá trị tinh thần; giáo dục niềm tự hào về truyền thống quê hương, đất nước.

Tăng cường quan hệ cha mẹ và con cái: Giáo viên giúp cha mẹ thấy rõ trách nhiệm của gia đình phải quan tâm, tạo điều kiện nhiều hơn đến việc học tập của con cái

bằng những việc làm thiết thực như dành thời gian cho trẻ học bài...; cha mẹ cần gương mẫu trong cách sống, làm việc, quan hệ ứng xử để con cái học tập; luôn lắng nghe, tôn trọng các ý kiến của con.

Động viên, khích lệ con phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập thông qua việc trao đổi thường xuyên với con về phương pháp học; tôn trọng ý kiến của con; rèn luyện cho con thói quen tự học, ôn bài... Động viên con em tìm ra nhiều cách giải bài tập khác nhau; khuyến khích cách học nhóm/ trao đổi chia sẻ với bạn bè; học đi đôi với thực hành.

Quan tâm đến sự tiến bộ trong quá trình học tập của con. Hàng ngày dành ít nhất 30 phút cùng con xem lại bài vở và trò chuyện; chia sẻ với con về những khó khăn, khúc mắc... Theo dõi kết quả học tập của con theo từng tháng, từng kỳ để kịp thời phát hiện; hỗ trợ những môn học, bài học chưa tốt của con. Thường xuyên xem sổ liên lạc, liên hệ với giáo viên, bạn bè và tham gia đầy đủ các buổi họp phụ huynh của trường, lớp để nắm rõ tình hình học tập của con; động viên khích lệ kịp thời khi con có những tiến bộ và hỗ trợ con giải quyết các vướng mắc trong quá trình học tập.

Giáo dục kỹ năng sống cơ bản cho con phù hợp với độ tuổi và giới tính bao gồm:

- Dạy con cách sửa chữa một vài đồ dùng vật dụng đơn giản trong nhà: Sửa lại cán chổi, dao, cuốc; thay bóng điện sao cho an toàn; vặn lại ốc vít...
- Dạy con tự chuẩn bị những bữa ăn đơn giản nhưng đủ thành phần dinh dưỡng.
- Dạy con cách phân loại quần áo khi giặt, phơi, gấp, cất, là quần áo; tự sắp đặt và giữ gìn vệ sinh đồ dùng vật dụng trong nhà.
- Dạy con cách khâu vá cơ bản: Thùa khuyết, đính cúc...
- Hướng dẫn con biết giữ gìn vệ sinh cá nhân: Cắt móng tay, móng chân; chải răng đúng khoa học; vệ sinh bộ phận sinh dục đúng cách...
- Dạy con cách đọc bản đồ, tra từ điển, khái quát cấu trúc sách.
- Tập cho con cách quản lý và theo dõi một món tiền nhỏ mỗi tháng; giúp con biết lên kế hoạch chi tiêu trong tháng đó.
- Giúp con biết cách tự chăm sóc và bảo vệ bản thân: Chủ động chia sẻ với con về giới tính, tình bạn tình yêu và tình dục an toàn; cách phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các nguy cơ xâm hại, lạm dụng tình dục và các tệ nạn xã hội; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, tai nạn giao thông...
- Dạy con cách ứng phó với các trường hợp hỏa hoạn, động đất, mưa đá, bão lũ... Giúp trẻ biết cách sử dụng điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp (111; 113; 114; số điện thoại người thân, hàng xóm...).
- Dạy con cách sơ cứu trong một số trường hợp: Ong đốt, chó cắn, rắn cắn, trầy xước, gãy xương...

Tăng cường mối liên hệ giữa cộng đồng và nhà trường: Giúp cộng đồng xác định rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; tạo mọi điều kiện để nhà trường “xây dựng môi trường học tập xanh, sạch, an toàn”; tham gia các hoạt động liên quan đến hỗ trợ trẻ em học tập tích cực, giúp nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Vận động, kêu gọi nguồn lực từ cấp trên và huy động nội lực của địa phương để đầu tư thích hợp cho nhà trường xây dựng “môi trường học tập xanh, sạch, an toàn” đáp ứng yêu cầu của “Dạy và học tích cực”; cải thiện các điểm vui chơi giải trí phù hợp với lứa tuổi cho trẻ em trong nhà trường và tại địa phương.

Tuyên truyền, quảng bá lợi ích của “Dạy và học tích cực” trong các tổ chức và cộng đồng dân cư, tạo dư luận đồng thuận và ủng hộ của xã hội.

Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội LHPN, các ban ngành đoàn thể khác tại địa phương tổ chức, hướng dẫn các hoạt động vui chơi tập thể, trò chơi dân gian; thăm quan các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, làng nghề truyền thống... giúp học sinh phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần.

c. Yêu cầu vận dụng kỹ năng cơ bản

Kỹ năng điều phối và liên kết nguồn lực: Đây là kỹ năng quan trọng nhằm duy trì mối liên hệ chặt chẽ giữa gia đình-nhà trường và xã hội trong việc phối hợp hỗ trợ và giải quyết vấn đề của học sinh cũng như nhằm tạo môi trường học tập tích cực nhất đối với học sinh. Kỹ năng này là một tập hợp một loạt các kỹ năng nhỏ hơn bao gồm: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lập kế hoạch hoạt động và ngân sách, ...

Kỹ năng lãnh đạo: Kỹ năng lãnh đạo nhằm giúp giáo viên có thể thuyết phục được gia đình, nhà trường, cộng đồng cùng bắt tay thực hiện các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu chung trong việc giáo dục và hỗ trợ học sinh. Kỹ năng lãnh đạo được thể hiện bằng khả năng thuyết trình, thuyết phục, khả năng lập kế hoạch chiến lược, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề.

2.5. Thu thập thông tin và lưu trữ

a. Mục đích

Việc thu thập dữ liệu và xử lý thông tin phục vụ trực tiếp cho quá trình nghiên cứu, đánh giá từ đó lập kế hoạch và ra quyết định liên quan tới các vấn đề ở nhà trường. Lập kế hoạch và ra quyết định là công việc phức tạp và khó khăn nhưng nó lại có ý nghĩa tiên quyết đối với các nhà quản lý trong trường học. Để có được những kế hoạch và những quyết định đúng đắn, các nhà quản lý cần rất nhiều thông tin dữ liệu. Nhờ có thông tin mà các nhà quản lý có thể giải quyết đúng đắn và hiệu quả các vấn đề sau:

- Có nhận thức rõ hơn về các vấn đề đang tồn tại trong nhà trường từ đó xác định vấn đề cần phải can thiệp.
- Xác định cơ hội cũng như thách thức đối với tổ chức trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại, và hướng tới các mục tiêu phát triển.
- Xác lập các cơ sở tiền đề khoa học cần thiết để xây dựng các mục tiêu phát triển của nhà trường trong tương lai.
- Lựa chọn các phương án để thực hiện các quyết định quản lý dựa trên dữ liệu, kết quả phân tích, nghiên cứu, đánh giá.

Các dạng dữ liệu được thu thập có thể bao gồm:

- Dữ liệu dưới dạng phi điện tử (chữ viết, giấy tờ, hình ảnh, mẫu vật...)
- Dữ liệu điện tử (là các dữ liệu chứa trên các thiết bị điện tử, bao gồm như hình ảnh, âm thanh, file văn bản, ...)

b. Nhiệm vụ cụ thể

+ *Thu thập thông tin, quản lý và lưu trữ hồ sơ*

Giáo viên chịu trách nhiệm thu thập và quản lý các thông tin liên quan tới các hoạt động CTXH trong nhà trường như các hoạt động với học sinh, các hoạt động với cha mẹ, các hoạt động với giáo viên, nhân viên trong nhà trường, và các hoạt động liên quan tới cộng đồng. Đối với mỗi nhóm thông tin, dữ liệu khác nhau được thu thập và quản lý khác nhau theo dạng dữ liệu và mục đích sử dụng.

Đối với học sinh: Có thể có các dạng dữ liệu liên quan tới thông tin cá nhân, các vấn đề liên quan tới thể chất, tinh thần, các mối quan hệ xã hội và các vấn đề liên quan tới an sinh của trẻ. Thông tin của trẻ được thu thập và lưu trữ dưới dạng hồ sơ về trẻ (thân chủ), và được sử dụng nhằm mục đích hỗ trợ cho cá nhân của từng trẻ.

Các dữ liệu này cũng có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu thống kê, các xu hướng, vấn đề của học sinh trong nhà trường. Từ đó, nhà trường đưa ra các quyết định, hoạt động, hoặc chính sách liên quan tới các vấn đề nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và các an sinh của mỗi cá nhân học sinh và toàn bộ học sinh trong nhà trường

Đối với giáo viên, nhân viên nhà trường: Giáo viên ngoài làm việc với học sinh thì cũng làm việc cả với giáo viên, nhân viên trong nhà trường với vai trò là người cung cấp các dịch vụ trợ giúp cá nhân, các hoạt động biện hộ, các hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức, và cả các hoạt động liên quan tới nghiên cứu, đánh giá.. Vì vậy, các thông tin dữ liệu mà giáo viên cần thu thập xử lý và lưu trữ đối với giáo viên, nhân viên trong nhà trường được sử dụng để cung cấp cho các nhà quản lý các thông tin liên quan tới việc xây dựng các chương trình, chính sách nhằm nâng cao năng lực, đảm bảo an sinh cho giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Đối với cha mẹ (người chăm sóc): Bên cạnh học sinh, thì các thông tin dữ liệu liên quan tới gia đình trẻ, hoặc cha mẹ trẻ là các thông tin quan trọng mà người giáo viên cần lưu ý tới. Các thông tin về gia đình giúp nhà trường hiểu rõ hơn hoàn cảnh của HS, từ đó có những sự tác động, hỗ trợ phù hợp nhất cho trẻ và gia đình trẻ.

Lưu ý:

- Thu thập dựa trên các mục đích và nhiệm vụ cụ thể
- Xác định đối tượng thu thập thông tin/nguồn thông tin
- Xác định các dạng thông tin/dữ liệu cần thu thập
- Xác định phương pháp thu thập và lưu trữ dữ liệu

+ *Xử lý các thông tin, dữ liệu:*

Ngoài việc thu thập và lưu trữ, thì việc xử lý các dữ liệu liên quan tới CTXH trong nhà trường theo các phương pháp khoa học là nhiệm vụ quan trọng của giáo viên. Các thông tin và dữ liệu chỉ có ý nghĩa khi nó được giải mã và giúp đưa ra các thông điệp nhằm gợi ý cho các hoạt động can thiệp, các chương trình, chính sách của nhà trường.

+ *Báo cáo các thông tin liên quan tới việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu:*

Sau tiến trình xử lý thì các thông tin thu thập được cần được thể hiện dưới dạng báo cáo nhằm giúp cho chính giáo viên, các nhà quản lý, hoặc giáo viên, nhân viên trong

nhà trường tiếp cận được các thông tin và có những thay đổi về mặt kiến thức, hoặc hành vi.

+ *Các vấn đề liên quan tới bảo mật thông tin/dữ liệu*

- Dữ liệu cần được bảo mật theo các nguyên tắc về bảo mật có điều kiện, đặc biệt các dữ liệu liên quan tới cá nhân học sinh, cha mẹ, hoặc giáo viên trong nhà trường
- Có cơ chế phòng ngừa rủi ro các thông tin bị tiết lộ và bị sử dụng sai mục đích.
- Hạn chế vai trò truy cập các thông tin/dữ liệu của các cá nhân

c. Yêu cầu vận dụng kỹ năng cơ bản

Kỹ năng thu thập thông tin, dữ liệu: Đây là kỹ năng quan trọng nhằm giúp giáo viên có thể thu thập được các thông tin hữu ích và phù hợp nhằm phục vụ cho các mục đích khác nhau. Việc thu thập thông tin có thể được thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau như quan sát, phỏng vấn, thảo luận nhóm, xem xét hồ sơ, bảng hỏi, hoặc qua các phương tiện điện tử khác (chụp hình, quay phim, ghi âm, ...).

Để thu thập được thông tin và dữ liệu phù hợp, giáo viên cần xác định rõ mục đích sử dụng của thông tin trước khi tiến hành thu thập. Ví dụ: Mục đích nhằm để đánh giá hiệu quả hoạt động tham vấn tâm lý trong trường học thì thông tin cần thu thập thường là các thông tin định tính (đánh giá về hiệu quả từ học sinh, cha mẹ, giáo viên) được thu thập thông qua phỏng vấn hoặc bảng hỏi.

Kỹ năng quản lý thông tin, dữ liệu, hồ sơ: Song song với việc thu thập thông tin thì việc quản lý và lưu trữ các thông tin là một kỹ năng quan trọng. Kỹ năng này đòi hỏi giáo viên phải biết sắp xếp các thông tin thu thập được theo các nhóm khác nhau, nhằm phục vụ các mục đích khác nhau. Việc sắp xếp, quản lý thông tin sẽ giúp cho việc tìm kiếm và xử lý thông tin hiệu quả hơn. Ví dụ: Các dữ liệu điện tử (file ghi âm, hình ảnh, video) cần phải được đặt tên theo cú pháp thống nhất, được lưu trữ trong các tệp (folder) riêng.

Đặc biệt cần chú ý tới việc bảo mật thông tin trong quá trình quản lý nhằm tránh những rủi ro về việc rò rỉ thông tin, đặc biệt các thông tin quan trọng, mang tính cá nhân (của học sinh, giáo viên hoặc liên quan tới nhà trường).

PHẦN 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC

MỤC ĐÍCH

Về kiến thức

Người sử dụng Sổ tay:

- Nhận biết được một số vấn đề khó khăn thường gặp của học sinh như: các vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần, các vấn đề liên quan đến bạo lực và xâm hại, các vấn đề liên quan đến nghiện chất, các vấn đề liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, các vấn đề liên quan đến khó khăn học tập, và các vấn đề liên quan đến gia đình và cộng đồng.

- Biện được các nguyên tắc cơ bản và hoạt động thực hành công tác xã hội với các vấn đề của học sinh.

Về năng lực

Người sử dụng Sổ tay:

- Có kỹ năng phòng ngừa các vấn đề nguy cơ của học sinh trong trường học.

- Có kỹ năng phát hiện sớm nguy cơ, phát hiện sớm một số vấn đề thường gặp của học sinh trong trường học.

- Kỹ năng tổ chức các hoạt động can thiệp ban đầu kịp thời khi học sinh có liên quan đến một số vấn đề thường gặp.

- Có năng lực triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển cho học sinh gặp vấn đề sau khi tiếp nhận các hoạt động can thiệp thành công.

Về phẩm chất.

Người sử dụng Sổ tay:

- Ý thức được vai trò và ý nghĩa của công tác xã hội trường học đối với việc giải quyết một số vấn đề thường gặp của học sinh.

- Chủ động đánh giá nguy cơ, phát hiện vấn đề và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, can thiệp dựa trên cơ sở khoa học và luật pháp để bảo vệ học sinh.

- Học hỏi liên tục để nâng cao năng lực trong nhiều vấn đề của học sinh trong bối cảnh trường học.

Trong phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu một số trường hợp thường gặp trong trường học như vấn đề sức khỏe tâm thần, vấn đề bạo lực, bắt nạt và xâm hại, vấn đề sử dụng chất gây nghiện, vấn đề vi phạm pháp luật ... Đồng thời hướng dẫn các hoạt động công tác xã hội trong trường học một cách cụ thể để phòng ngừa, phát hiện sớm và can thiệp với các vấn đề trên.

3.1. Các vấn đề và các hoạt động phòng ngừa trong trường học.

3.1.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần.

a. Hiểu biết chung về sức khỏe tâm thần

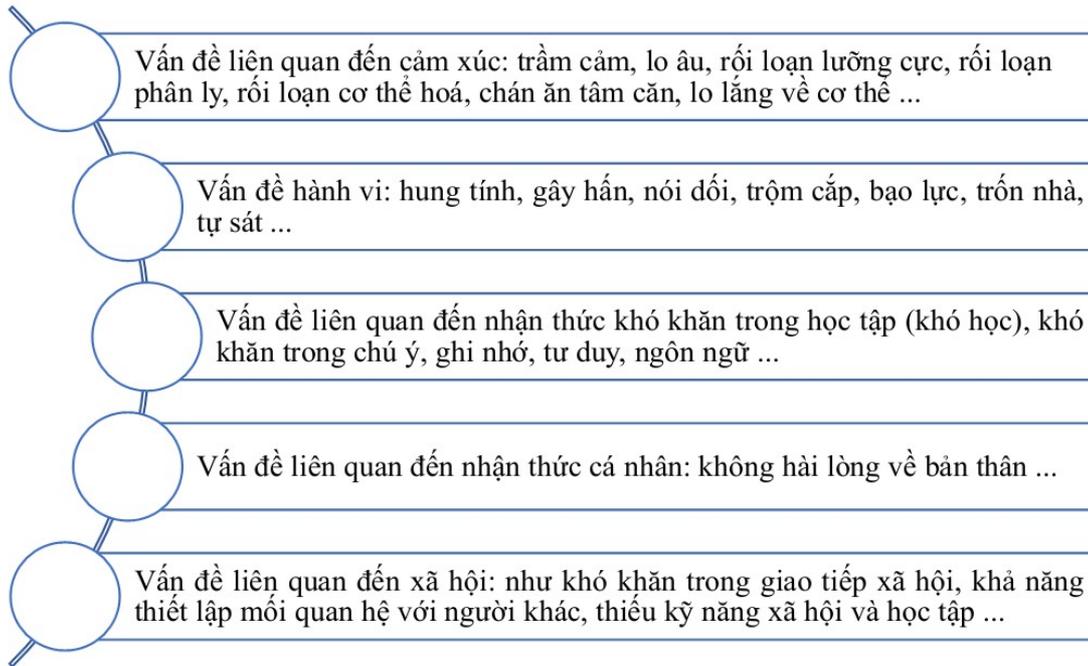
Theo Paolo Fushar-Poli và các cộng sự (2019), một trạng thái thoải mái về sức khỏe tâm thần hay sức khỏe tâm thần lành mạnh được chia thành 14 phương diện:

Bảng 3.1. Các phương diện của sức khỏe tinh thần

STT	Các phương diện	Đặc điểm
1	Sự hiểu biết về sức khỏe tâm thần	Khả năng nhận thức và ứng dụng tri thức liên quan đến sức khỏe tâm thần trong việc phát hiện và ứng phó với những vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần và khả năng sử dụng những nguồn lực khi cần thiết để chăm sóc sức khỏe tâm thần
2	Thái độ liên quan đến sức khỏe tâm thần	Cách thức mà cá nhân đó phản ứng với ai đó có vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần. Thái độ tích cực như: thấu hiểu, thấu cảm hay trắc ẩn với người có vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần hay thái độ tiêu cực (dán nhãn) đối với những người có vấn đề về sức khỏe tâm thần
3	Giá trị và nhận thức nội tại	Tập hợp những niềm tin, giá trị và cảm xúc liên quan sự toàn diện bên trong và bên ngoài của con người nhằm định hình lòng tự trọng cá nhân, sự trắc ẩn tự thân hay sự đóng góp cá nhân. Để từ đó định hình về sự nhận diện và chấp nhận hướng đến những giá trị đời sống
4	Kỹ năng nhận thức	Là khả năng chú ý, ghi nhớ và tổ chức thông tin cũng như việc vận dụng sự linh hoạt của thông tin để từ đó ra quyết định cũng như giải quyết vấn đề
5	Năng lực học	Cách thức mà người học được dạy ảnh hưởng của đến sức khỏe tâm thần của người học trong môi trường học đường
6	Cảm xúc	Các trạng thái tình cảm với các đặc tính kích thích hoặc động lực dẫn các cá nhân đến một phản ứng hoặc hành vi nhất định.
7	Hành vi	Hành vi là phản ứng mà ở trong đó con người sẽ thu lại khi có một kích thích diễn ra
8	Chiến lược tự quản lý bản thân	Những kỹ năng hàng ngày để tạo nên sự hiệu quả và độc lập trong sự chăm sóc bản thân và chức năng của cá nhân trước những biến cố của đời sống: khả năng đương đầu với stress, khả năng giải quyết vấn đề và đối mặt với những điều không thuận lợi xảy ra
9	Kỹ năng xã hội	Những kỹ năng tạo nên sự tương tác hoặc truyền thông giữa người với người trong sự xây dựng tích cực
10	Gia đình và những mối quan hệ có ý nghĩa	Khả năng xây dựng mối quan hệ với các thành viên khác trong gia đình một cách sâu sắc, lành mạnh, tích cực. Đồng thời cũng như kết nối tích cực nhưng có ranh giới đối với các thành viên khác trong gia đình và những mối quan hệ bên ngoài môi trường gia đình
11	Sức khỏe thể chất	Những giá trị về sức khỏe thể chất cũng như những triệu

		chứng hữu hình liên quan đến sức khỏe thể chất
12	Sức khỏe tình dục	Trạng thái thoải mái từ thể lý, tâm thần đến xã hội có liên quan đến yếu tố tính dục
13	Ý nghĩa cuộc sống	Cảm thức về cuộc đời có ý nghĩa và có mục đích
14	Chất lượng cuộc sống	Những cảm nhận chung về cuộc sống liên quan đến sức khỏe, hạnh phúc và sự thoải mái về cuộc sống

Học sinh gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần có thể là thiếu hụt hoặc mất đi một hay nhiều tiêu chí trên và có thể tác động đến nhận thức, tình cảm và hành vi cũng như năng lực xã hội của chính học sinh đó. Cụ thể như:



Hình 3.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh

b. Phòng ngừa dựa vào phát hiện sớm

Phát hiện sớm là một trong những hoạt động phòng ngừa quan trọng trong công tác xã hội trường học. Thực hiện hoạt động phát hiện sớm sẽ giúp sàng lọc các mức độ khác nhau của học sinh liên quan đến vấn đề sức khỏe tâm thần, từ đó, xây dựng các hoạt động hỗ trợ khác nhau có thể đạt được hiệu quả cao hơn.

Hoạt động phát hiện sớm trong công tác xã hội trường học có thể diễn ra như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng các chương trình truyền thông liên quan đến sức khỏe tâm thần của học sinh và cha mẹ, giúp cho mọi người có thể phát hiện những dấu hiệu đặc trưng liên quan. Ví dụ, có thể xuất bản các sổ tay nhận diện các vấn đề sức khỏe tâm thần, hoặc tổ chức các buổi hội thảo dành cho cha mẹ học sinh, học sinh hoặc giáo viên...

Thứ hai, khảo sát nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tâm thần hoặc sử dụng các công cụ sàng lọc nhanh để phân loại ở cấp độ toàn trường (có thể tham khảo các thang sàng lọc như DASS – 21 để khảo sát trầm cảm – lo âu và stress; hay M-CHAT để sàng lọc mức độ rối loạn phổ tự kỷ, ...). Tuy vậy, khi sử dụng các công cụ sàng lọc cần chú ý về độ tin cậy của thang đo đã được nghiên cứu thích nghi chưa.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của giáo viên toàn trường về sức khỏe tâm thần của học sinh để giáo viên có thể giúp phát hiện sớm học sinh có vấn đề thông qua các buổi dạy trên lớp. Giáo viên là người thường xuyên tiếp xúc với học sinh nên việc nhận diện thường dễ dàng hơn.

Thứ tư, tư vấn và cùng nhà trường xây dựng một quy trình ứng xử liên quan đến những trường hợp can thiệp khẩn cấp như tự tử, xâm hại ... giữa các bên liên quan (liên hệ quy trình hợp tác giữa các bên liên quan và chuyển gửi có ở phần trên).

Thứ năm, hệ thống hoá những dịch vụ về công tác xã hội có thể thực hiện trong trường học, và phù hợp với năng lực của giáo viên.

c. Thiết lập mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần bên trong và bên ngoài trường học

Có thể thấy vấn đề sức khỏe tâm thần là một những lĩnh vực giao thoa của nhiều ngành nghề khác nhau, và nếu chúng ta chỉ tiếp cận việc chăm sóc sức khỏe tâm thần là của ngành công tác xã hội hay tâm lý thì người thực hiện sẽ quá tải. Vì thế, việc thiết lập mạng lưới hỗ trợ là cực kỳ cần thiết trong các hoạt động công tác xã hội trong trường học để chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh.

Xây dựng danh sách mạng lưới các dịch vụ và các đơn vị cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần dành cho học trong và ngoài công lập sinh (bệnh viện, trung tâm sức khỏe tâm thần, trung tâm tham vấn tâm lý ...)

Liên kết và xây dựng quy trình chuyển gửi giữa các đơn vị trong mạng lưới (tham khảo quy trình ở phần 2)

Tư vấn và hỗ trợ cho nhà trường, phụ huynh và học sinh hiểu về mạng lưới hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tâm thần

Hình 3.2. Quy trình thiết lập mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh

3.1.2. Bạo lực và bắt nạt học đường, xâm hại trẻ em

a. Hiểu biết chung về bạo lực và bắt nạt học đường, xâm hại trẻ em

Bắt nạt học đường được xem là một biểu hiện của hành vi bạo lực học đường, giữa hai hành vi này có một số điểm giống nhau như:

- Về yếu tố ảnh hưởng: Hai loại hành vi này đều có liên quan đến đặc điểm tâm lý cá nhân của học sinh như: hành vi, lối sống, thói quen, kỹ năng cá nhân, kỹ năng xã hội, ... và các đặc điểm liên quan đến gia đình, nhà trường, xã hội như: văn hóa ứng xử gia đình, văn hóa ứng xử học đường, thông tin truyền thông, ...

- Về địa điểm thực hiện: Hai hành vi này đều có thể diễn ra ở trong hoặc ngoài phạm vi trường học.

- Về mục đích của hành vi: Học sinh thực hiện hành vi bạo lực học đường hay bắt nạt học đường đều có thể hướng đến một số mục đích như: giải quyết mâu thuẫn, thể hiện quyền lực, thu hút sự chú ý, thể hiện sự không phù hợp, trả đũa, ...

- Về phân loại hành vi: Hai loại hành vi này đều có thể phân loại thành một số hành vi như sau: Bạo lực/bắt nạt tinh thần; Bạo lực/bắt nạt thể chất; Bạo lực/bắt nạt tình dục; Bạo lực/bắt nạt vật chất/kinh tế; Bạo lực/bắt nạt trực tiếp hoặc gián tiếp; Bạo lực/bắt nạt trên mạng internet...

- Về biểu hiện của hành vi: Hai loại hành vi này đều có một số biểu hiện cụ thể như:

+ Chửi bới, gọi tên bằng biệt hiệu xấu, bịa đặt, vu khống, tung tin đồn gây hiểu lầm, cô lập, xa lánh, tẩy chay, ...

+ Đánh đập, đấm đá, giật tóc, bạt tai, xô đẩy, ép làm việc không theo ý muốn, ...

+ Lầy, xin dúi, cố ý sử dụng hoặc làm hỏng tài sản, đồ dùng học tập, ...

+ Quấy rối bằng cách ép nghe hoặc xem những hình ảnh khiêu dâm, cố ý đụng chạm vào các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể, ...

+ Sử dụng mạng internet, các trang mạng xã hội, ứng dụng trò chơi, kết bạn trên máy tính, điện thoại thông minh để thực hiện những hành vi có chủ đích làm hại người khác.

Tuy nhiên giữa bạo lực học đường và bắt nạt học đường cũng có một số điểm khác biệt như sau:

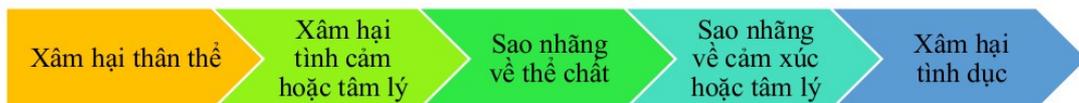
Bảng 3.2. Phân biệt hành vi bạo lực học đường và hành vi bắt nạt học đường

STT	Tiêu chí	Hành vi bạo lực học đường	Hành vi bắt nạt học đường
1	Đối tượng tham gia	Học sinh với học sinh; Học sinh với thầy cô, nhân viên nhà trường.	Thường diễn ra giữa học sinh với học sinh
2	Hậu quả	Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần, sức khỏe thể chất, sức khỏe tình dục, tài sản, đồ dùng, thậm chí là tính mạng của nạn nhân. Ảnh hưởng đến người gây ra hành vi bạo lực, người bị hại, gia đình, nhà trường và toàn xã hội.	Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tinh thần, sức khỏe thể chất, sức khỏe tình dục, tài sản, đồ dùng của nạn nhân là chủ yếu.
3	Tính chất	Bao gồm những hành vi có hoặc không có xu hướng lặp đi lặp lại trên cùng một hoặc một nhóm	Là những hành mang tính hệ thống, lặp đi lặp lại trên cùng một đối tượng hoặc một

		đối tượng.	nhóm đối tượng.
4	Phát hiện	Thường dễ phát hiện và được coi là sự vi phạm quy định của nhà trường, của xã hội, của luật pháp.	Thường khó phát hiện và dễ được bỏ qua, xem nhẹ.

Xâm hại trẻ em không chỉ là bạo hành thể xác nhằm vào một đứa trẻ. Đó có thể là bất kỳ hình thức ngược đãi nào của người khác, mang tính chất bạo lực hoặc đe dọa đối với đứa trẻ trên các phương diện như thể chất, tinh thần, tình dục. Xâm hại trẻ em còn bao gồm cả việc sao nhãng, bỏ bê đứa trẻ. Khi xâm hại trẻ em xảy ra trong gia đình với người xâm hại là cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ, thì đây là một hình thức bạo lực gia đình. Có nhiều trường hợp trẻ bị xâm hại bởi những người trưởng thành chúng phụ thuộc vào, chẳng hạn như người thân trong gia đình, nhân viên nhà trẻ, giáo viên và huấn luyện viên thể thao.

Các hình thức xâm hại trẻ em:



- Xâm hại thân thể: tất cả các hình thức bạo lực về thể chất đối với đứa trẻ;
- Xâm hại tình cảm hoặc tâm lý: người lớn thường xuyên đánh mắng trẻ, hành động theo thái độ xa lánh và thù địch đối với trẻ hoặc cố ý làm trẻ sợ hãi.
- Sao nhãng về thể chất: đứa trẻ không nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cần thiết từ người thân, gia đình.
- Sao nhãng về cảm xúc hoặc tâm lý: đứa trẻ liên tục bị thiếu hụt sự quan tâm tích cực từ người thân, gia đình.
- Xâm hại tình dục: là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Dưới đây là một số hình thức xâm hại tình dục trẻ em theo quy định của pháp luật hiện hành:

Bảng 3.3. Một số hình thức xâm hại tình dục trẻ em

Các hình thức xâm hại	Khái niệm	Bản chất hành vi
Hiếp dâm	Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân (người bị hại không thể chống cự được, bị hạn chế hoặc bị mất nhận thức, khả năng điều khiển hành vi hoặc thủ đoạn khác (đầu độc, chuốc thuốc ngủ, chất kích thích mạnh và hứa hẹn) giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, diễn ra giữa những	Trái với ý muốn nạn nhân

	người khác giới.	
Cưỡng dâm	Dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình (bị hại bị lệ thuộc vào người phạm tội về vật chất, về tinh thần, công việc, giáo dục, tín ngưỡng) hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách (người bị hại đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, bức bách nhưng không tự mình khắc phục được mà cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác) phải miễn cưỡng giao cấu, diễn ra giữa những người khác giới	Nạn nhân miễn cưỡng thực hiện
Dâm ô	Dùng mọi thủ đoạn có tính chất loạn dâm dục nhằm thỏa mãn dục vọng của mình nhưng không có ý định giao cấu với nạn nhân (tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của nạn nhân). Bất kể cùng giới hay khác giới.	Không quy định ý muốn nạn nhân, thực hiện các hành vi trên là đã đủ xác định hành vi
Giao cấu	Một người chủ động dùng bộ phận sinh dục của mình tiếp xúc với các bộ phận khác trên cơ thể của đối phương, bất kể là đồng giới hay khác giới.	Không quy định ý muốn nạn nhân, thực hiện các hành vi trên là đã đủ xác định hành vi

(Nguồn: Theo Bộ luật Hình sự 2015 và Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn xét xử xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi)

b. Phòng ngừa dựa vào phát hiện vấn đề

+ Những dấu hiệu cảnh báo học sinh có nguy cơ là người gây ra hành vi bạo lực học đường hoặc bắt nạt học đường:

- Học sinh thích bắt nạt bạn bè yếu thể hơn mình, thích sử dụng những hành vi bạo lực và lấy đó làm “tôn chỉ”, từ đó cho rằng mình là người có vị trí đặc biệt, hoặc đạt được mục đích là thể hiện vũ lực với người khác, khi có mâu thuẫn thì bắt chấp đúng sai, đều dùng vũ lực để giải quyết.

- Học sinh có xu hướng hiếu thắng, luôn luôn muốn mình là vị trí số 1 trong các hoạt động. Vì có tâm lí hiếu thắng, thích thể hiện bản thân, nên có một số học sinh khi có mâu thuẫn, các em sẵn sàng sử dụng cách trừ bỏ lẫn nhau, thậm chí có những hành vi tiêu diệt để đạt được mục tiêu không chính đáng của mình.

- Học sinh có “sở thích chiếm hữu” tình cảm cũng như vật chất của người khác, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân có thể bắt chấp các thủ đoạn nhằm đạt được điều mình muốn.

- Học sinh có “sở thích trả đũa”. Một số học sinh khi bị trừng phạt hoặc không đạt được những điều mình mong muốn, các em luôn nung nấu một ý niệm “trả thù”, và coi đó là cách thức để giải tỏa mọi bức xúc cũng như lấy lại “danh dự” cho bản thân.

- Học sinh có “sở thích ngược đãi” người khác. Có những học sinh coi việc ngược đãi người khác là một “thú tiêu khiển”, các em tìm thấy được những “khoái cảm” từ những tiếng kêu la, van xin, cũng như cảm giác bắt lực từ người bị hại. Mặc dù những học sinh có biểu hiện này rất ít, nhưng nếu chúng ta không kịp thời tìm ra được cách xử lý thì hậu quả để lại là rất nguy hiểm.

- Học sinh có tâm lý “bức đồng”, khó kiểm soát cảm xúc bản thân, hoặc có tâm lý tự ti, nhẫn nhĩn nhưng khi gặp phải những tình huống bị đàn áp quá mức thì có thể bộc phát cách giải quyết mang tính bạo lực.

+ *Những dấu hiệu cảnh báo học sinh có nguy cơ là nạn nhân của hành vi bạo lực học đường hoặc bắt nạt học đường:*

- Học sinh có tích cách hướng nội, ít nói, hiền lành, tự ti, hay nhẫn nhĩn...

- Học sinh có xu hướng tính dục đồng tính, song tính, toàn tính hoặc học sinh là người chuyển giới.

- Học sinh có cha mẹ đã li hôn hoặc li thân, chỉ sống cùng cha hoặc mẹ, hoặc do người thân chăm sóc giáo dục mà không có sự quan tâm của cả bố và mẹ.

- Gia đình học sinh có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế không đảm bảo.

- Mối quan hệ giữa phụ huynh và học sinh lỏng lẻo, thiếu sự quan tâm, đồng cảm, chia sẻ lẫn nhau.

- Học sinh có tiền sử khó khăn về tâm lý, từng trải qua quá trình trị liệu tâm lý hoặc điều trị liên quan đến sức khỏe tâm thần.

- Học sinh vừa trải những cú sốc tâm lý như: gia đình có người thân hoặc bạn bè đột ngột qua đời, môi trường sống vừa trải qua thiên tai loạn lạc, bản thân vừa trải qua tai nạn, bệnh tật.

- Học sinh là người khuyết tật, tàn tật, dị tật, nói ngọng, nói lắp, chậm phát triển trí tuệ,...

- Học sinh là người dân tộc thiểu số.

- Học sinh có ngoại hình thấp bé, gầy yếu.

- Học sinh có ngoại hình cao lớn hoặc béo phì.
- Học sinh từng là nạn nhân của bạo lực học đường trong quá khứ.

+ *Những dấu hiệu cảnh báo học sinh đã và đang là nạn nhân của hành vi bạo lực học đường hoặc bắt nạt học đường:*

- Học sinh bỗng nhiên xuất hiện vẻ mặt lầm lì, ít nói, khi bị bạn bè trêu chọc thường lẩn trốn, xấu hổ, khóc lóc, mất tự tin, cũng có khi lại phản ứng dữ dội như cáu gắt, chửi thề, sử dụng bạo lực.
- Học sinh có thành tích học tập đột nhiên giảm sút nhanh chóng, trong lớp học không tập trung, có biểu hiện nói dối, lẩn tránh khi có sự quan tâm của người khác.
- Học sinh bị bạn bè hay nhóm bạn “tẩy chay”, “chiến tranh lạnh”, đột nhiên không nhận được sự quan tâm từ bạn bè, thầy cô và gia đình, gặp vấn đề trong chuyện tình cảm với bạn trai hoặc bạn gái,...
- Học sinh có áo quần, sách vở, đồ dùng bị rách, bị mất hay bị hủy hoại khi đi học về; Có vết cắn, cào, bầm không giải thích được trên cơ thể.
- Học sinh đột nhiên hạn chế giao tiếp với bạn bè; Bỗng nhiên sợ đi học, sợ một mình đến trường và về nhà, sợ tham gia sinh hoạt có tổ chức với bạn bè; Bỗng nhiên hay đường vòng để đến trường hoặc về nhà.
- Học sinh bỗng nhiên có cảm xúc thay đổi đột ngột, vẻ mặt buồn rầu, khóc, vui buồn thất thường.
- Học sinh đột nhiên xuất hiện những biểu hiện kéo dài như: khó ngủ, ngủ hay gặp ác mộng, ăn không ngon, nhức đầu, đau tay chân, đau toàn thân, đau bụng... hoặc một số triệu chứng khác mà không rõ nguyên do.

+ *Những dấu hiệu cho thấy học sinh có thể là nạn nhân của xâm hại trẻ em*

<p>* Dấu hiệu về cảm xúc và hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ sợ hãi, lo lắng kéo dài + Trẻ ám ảnh thể hiện qua ác mộng, khó ngủ, đái dầm + Trẻ xa lánh xã hội + Trẻ hiếu động thái quá + Trẻ kém tập trung/ giảm tập trung + Thành tích học tập giảm sút + Thường xuyên trốn học, bỏ học + Có biểu hiện rối loạn ngôn ngữ + Có hành vi thoái lui so với lứa tuổi + Có biểu hiện sợ bố mẹ hoặc ai đó + Gặp vấn đề ăn uống (ăn quá nhiều hoặc quá ít) + Trẻ thu mình, thụ động + Gia tăng các hành vi bằng lời nói hoặc hành vi hung hăng với người khác + Phá hủy hoặc làm bị thương các đồ vật hoặc vật nuôi 	<p>* Các dấu hiệu về cơ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Né tránh tắm hoặc vệ sinh cá nhân + Mặc đồ không phù hợp với thời tiết + Tăng hoặc giảm ký bất thường + Có nhu cầu chăm sóc y tế (mua thuốc hoặc các dụng cụ y tế) + Có biểu hiện gãy xương tay, chân... hoặc trật khớp + Nhìn thấy vết bầm tím trên cơ thể + Có xuất hiện vết cắn (vết cắn của con người thường khó nhận biết hơn động vật và hiển thị rõ hơn 2-3 ngày sau đó) + Có vết bỏng (từ 6-20%) do thuốc lá, dây thừng, nước nóng hoặc hình dạng của vật nóng + Có chấn thương ở tai, cổ hoặc mặt mà không có lời giải thích phù hợp + Rụng tóc, cắt tóc, đội tóc giả + Chấn thương ở miệng, răn (chẳng hạn
---	---

<ul style="list-style-type: none"> + Lạm dụng chất kích thích + Tự làm hại bản thân chẳng hạn như tự làm tổn thương cơ thể + Gặp các vấn đề về hành vi tình dục + Có các triệu chứng của PTSD (stress hậu chấn thương) + Né tránh cởi quần áo 	<p>như rách hoặc bầm tím, môi, răng, vòm miệng, lưỡi hoặc niêm mạc miệng)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chấn thương đầu làm thay đổi trạng thái tâm thần + Xuất huyết võng mạc + Tụ máu dưới màng cứng + Chấn thương trong ổ bụng, thường liên đới đến nhiều cơ quan + Bầm tím, rách, chảy máu, tiết dịch từ vùng sinh dục hoặc trực tràng + Có dấu hiệu của bệnh lây lan qua đường tình dục hoặc mang thai (đối với trẻ em gái).
<p>* Một số dấu hiệu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ cảm thấy đau đầu, đau bụng cấp tính, mãn tính + Bệnh nền trở lên trầm trọng hơn (chẳng hạn như hen suyễn) + Đau họng thường xuyên, không rõ nguyên nhân + Khó khăn khi đi bộ hoặc ngồi + Khó chịu ở bộ phận sinh dục hoặc đau khi đi tiểu hoặc đại tiện + Có các triệu chứng không giải thích được (như tìm kiếm dụng cụ y tế, uống nước nhiều lần...) + Nôn mửa, khó chịu hoặc hô hấp bất thường. 	

Đây là chỉ là những dấu hiệu cảnh báo, giúp giáo viên có thể phát hiện sớm, chủ động tiến hành các biện pháp can thiệp phòng ngừa và ứng phó kịp thời. Sự phân định những dấu hiệu cảnh báo này chỉ mang tính tương đối, trên thực tế học sinh vừa có thể là người gây ra hành vi bắt nạt, bạo lực vừa đồng thời cũng là nạn nhân của của hành vi bắt nạt, bạo lực.

c. Các hoạt động phòng ngừa toàn trường

+ *Hoạt động liên quan đến vận động/biện hộ trong nhà trường (Advocacy in school)*

- Xây dựng và phát triển những nội quy, chính sách và quy trình ứng phó với bạo lực và xâm hại trong học đường dựa trên những quyền và chính sách an sinh hiện hành như Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em, Luật trẻ em (2016) cũng như những chính sách an sinh liên quan đến trẻ em và vị thành niên từ Trung ương đến địa phương sở tại (có thể tham khảo các văn bản này để xây dựng).

- Vận động xây dựng một môi trường trường học không bạo lực và các nguyên tắc ứng xử không bạo lực trong mối quan hệ giữa nhà trường – học sinh – gia đình.

- Truyền thông để nâng cao nhận thức về luật cũng như những chính sách liên quan đến trẻ em cho nhà trường – học sinh và gia đình.

- Truyền thông nâng cao nhận thức dành cho giáo viên và cán bộ nhà trường: nhận diện và xác định được nhóm học sinh yếu thế và dễ thuộc vào nhóm đối tượng là nạn nhân của xâm hại và bạo lực; nhóm học sinh có nguy cơ trở thành những nhóm đối tượng người bắt nạt hay xâm hại người khác; những vấn đề liên quan đến học tập ảnh hưởng đến tiến trình bắt nạt hay xâm hại cũng như những tiến trình giải quyết những vấn đề liên quan đến bắt nạt và xâm hại trong vai trò là giáo viên trong trường học.

- Truyền thông nâng cao nhận thức cho toàn thể học sinh trong trường liên quan đến những vấn đề bạo lực và xâm hại trên nền tảng quyền trẻ em: nhận diện và phòng ngừa bạo lực xâm hại, những chương trình phát triển bản thân và bảo vệ bản thân, những chương trình phát triển kỹ năng tương tác xã hội (làm việc nhóm, ứng xử và giải quyết những tình huống liên quan đến bạo lực và xâm hại).

- Thực hiện các khảo sát vấn đề của học sinh liên quan đến bạo lực và xâm hại trong phạm vi toàn trường để có những tư vấn cho Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm hay Ban đại diện cha mẹ học sinh để có những định hướng phù hợp theo thực trạng đang diễn ra trong phạm vi nhà trường.

- Mở rộng chương trình giáo dục liên quan đến sức khỏe không chỉ là sự lành mạnh về thể chất nhưng đồng thời là sự phát triển về tinh thần. Trong đó, cần nhấn mạnh đến yếu tố giáo dục – phối hợp giáo dục giữa nhà trường và đình trong việc bảo vệ học sinh trước nguy cơ lạm dụng và xâm hại.

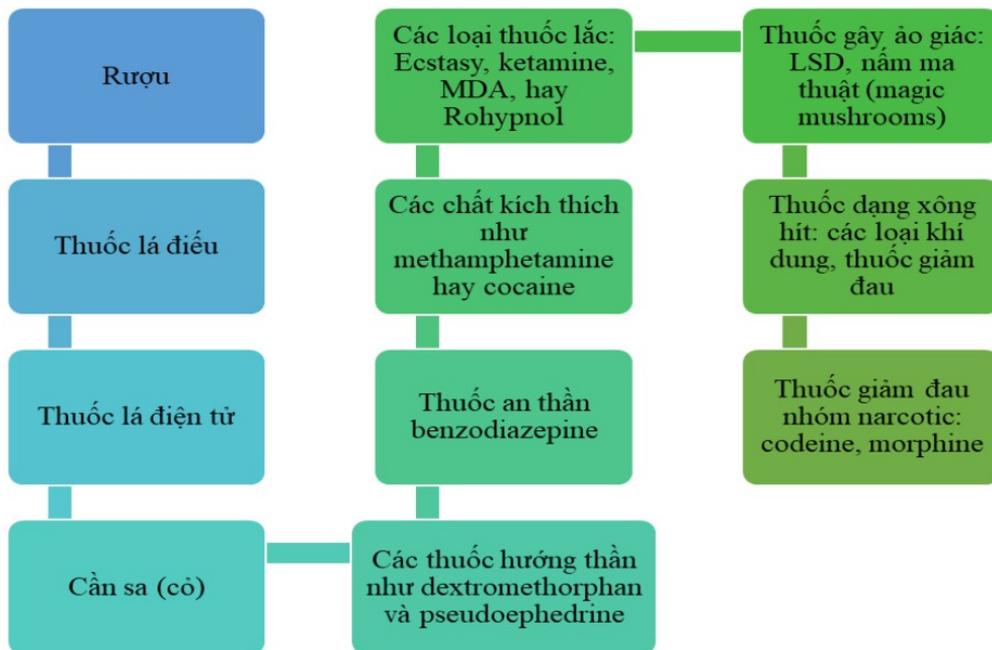
+ *Hoạt động vận động/biện hộ trong cộng đồng (Advocacy in communities)*

Bên cạnh hoạt động vận động/biện hộ trong nhà trường, công tác xã hội học đường cũng cần có những hoạt động/biện hộ trong cộng đồng trong vấn đề liên quan đến bạo lực và xâm hại. Mục đích của những hoạt động này giúp cho những hoạt động vận động/biện hộ trong nhà trường có thể đạt được những hiệu quả cao nhất.

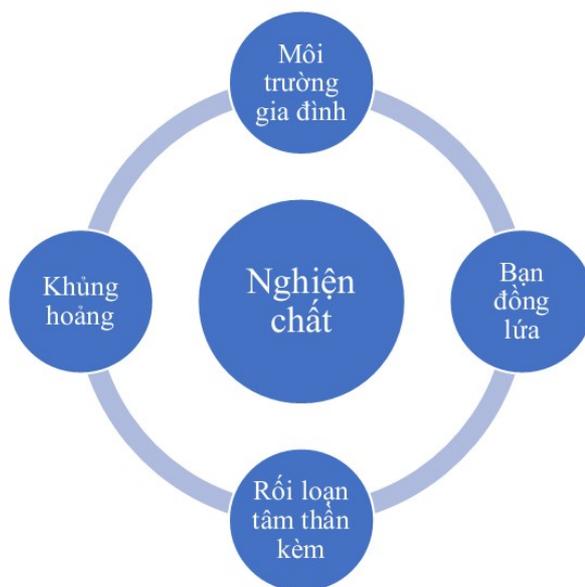
3.1.3. Các vấn đề liên quan đến nghiện chất.

a. Hiểu biết chung về nghiện chất

Lạm dụng chất gây nghiện là tình trạng sử dụng ma túy, rượu hay các chất khác. Việc lạm dụng chất gây nghiện sẽ dẫn đến hậu quả gây tổn hại đến tinh thần, thể chất và cảm xúc của đối tượng sử dụng.



Hình 3.3. Nhóm chất gây nghiện bị lạm dụng



Hình 3.4. Các yếu tố nguy cơ dẫn đến vấn đề lạm dụng chất gây nghiện ở trẻ em

b. Phòng ngừa dựa vào phát hiện vấn đề

+ Dấu hiệu và triệu chứng

Trẻ có thường cố gắng che giấu cha mẹ và nhà trường việc chúng đang sử dụng chất gây nghiện. Tuy nhiên, có một số dấu hiệu và hành vi điển hình cho thấy trẻ đang sử dụng các chất này. Những dấu hiệu này thường bao gồm những thay đổi bất thường về mặt hành vi và cư xử của trẻ ở trường, ở nhà và với bạn bè.



Hình 3.5. Các dấu hiệu và hành vi nguy cơ nghiện chất ở học sinh

<p><i>Thay đổi tại trường học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ bỏ học nhiều hơn bình thường mà không có lý do chính đáng. - Trẻ thờ ơ với các hoạt động tập thể. - Học hành sa sút một cách bất thường. - Thay đổi về hành vi như thu mình, mệt mỏi, uể oải, hay ngủ gật trên lớp. 	<p><i>Thay đổi về việc chăm sóc cá nhân và diện mạo bên ngoài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ mặc quần áo không gọn gàng - Ngại tắm giặt, vệ sinh cá nhân - Không để ý tới hình thức bên ngoài của bản thân.
<p><i>Thay đổi ở nhà</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những thay đổi lớn về hành vi - Thay đổi rõ rệt về thái độ đối với các thành viên trong gia đình - Thường cố giấu không cho cha mẹ biết mình đang chơi với ai hay đi đâu - Thay đổi về nhu cầu tiền bạc 	<p><i>Thay đổi về năng lượng cho các hoạt động hàng ngày</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kém tích cực hơn bình thường - Ngủ quá nhiều hoặc quá ít - Giảm động lực cho các hoạt động
<p><i>Các triệu chứng tâm thần khác.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm phản ứng - Mắt đỏ - Mắt tập trung, trí nhớ kém - Tăng thèm ăn - Hoang tưởng (cũng là dấu hiệu của bệnh tâm thần) 	

Khi phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ, giáo viên, nhân viên công tác xã hội cần phối hợp với các cơ quan y tế địa phương để thực hiện việc xét nghiệm chất (ma túy) ở học sinh có những dấu hiệu nghi ngờ.

c. Các hoạt động phòng ngừa toàn trường

+ Các chương trình giáo dục truyền thông về phòng, chống ma túy, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh toàn trường.

Các hoạt động giáo dục, truyền thông về ma túy có thể được tổ chức đa dạng nhiều hình thức khác nhau bao gồm: lồng ghép vào các môn học, tổ chức dưới dạng các hoạt động/trò chơi, các cuộc thi: tìm kiếm tư liệu, video, vẽ tranh, tuyên truyền, cô đọng... Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thi sân khấu hóa về phòng, chống ma túy.

Giáo dục cho học sinh kỹ năng nhận biết ma túy và tác hại của ma túy: Hoạt động này nhằm giáo dục cho học sinh những kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao để

nhận biết về ma túy, tác hại của ma túy và các cách phòng, chống ma túy. Cụ thể như: Định nghĩa về ma túy; nghiện ma túy; phòng, chống ma túy; cơ chế tác động của ma túy; Phân loại ma túy; một số thông tin về các chất, loại ma túy điển hình, thường gặp: cần sa, thuốc phiện, heroin, ma túy tổng hợp...; dấu hiệu nhận biết người sử dụng ma túy; những phương pháp khoa học xác định người nghiện ma túy; nguyên nhân và hậu quả khi học sinh sử dụng ma túy; các thủ đoạn lôi kéo, cưỡng bức sử dụng ma túy; tác hại của ma túy đối với: bản thân người nghiện, gia đình, xã hội, nền kinh tế và văn hóa xã hội,...; các phương pháp cai nghiện ma túy hiện nay...

Phổ biến cho học sinh các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy: Bao gồm việc xử lý các hành vi có liên quan đến ma túy, quan điểm chỉ đạo và pháp luật về công tác phòng, chống ma túy của Đảng và Nhà nước ta và các quy định khác có liên quan. Đó là: Luật phòng, chống ma túy (Luật số 73/2021/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ban hành ngày 30/3/2021); Chương XX (Các tội phạm về ma túy) Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015, gồm: Điều 247 về tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy; Điều 248 về tội sản xuất trái phép chất ma túy; Điều 249 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Điều 250 về tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Điều 251 về tội mua bán trái phép chất ma túy; Điều 253 về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; Điều 254 về tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 255 về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 256 về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 257 về tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 258 về tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy...

Giáo dục cho học sinh kỹ năng phòng chống ma túy, kỹ năng nhận biết các tình huống nguy cơ liên quan đến ma túy, bao gồm:



Hình 3.5. Các kỹ năng phòng chống nghiện chất ở học sinh

- *Kỹ năng xử lý khi gặp tình huống nguy cơ:* cần bình tĩnh, không la hét hoặc khóc lóc; Từ chối và bỏ đi một cách khéo léo và dứt khoát, thông báo và chờ người thân, người

lớn tới; di chuyển đến nơi đông người, an toàn; liên lạc ngay tới các số điện thoại 111, 113, 115 để được hỗ trợ.

- *Kỹ năng tìm kiếm và huy động sự hỗ trợ*: Gồm: nhóm người thân trong gia đình và những người mà học sinh giao tiếp hàng ngày, nhóm những người đảm nhận chức trách quản lý an ninh trật tự nơi sinh sống; nhóm những nguồn hỗ trợ gián tiếp như website và hotline của các tổ chức phòng, chống ma túy hiện hành).

- *Kỹ năng xử lý khi có bạn bè, người thân sử dụng/nghiện ma túy*: Cần giữ bình tĩnh để phân tích tình hình và lựa chọn giải pháp phù hợp; tiếp tục giữ mối quan hệ vốn có; chia sẻ với người lớn, thầy cô, chuyên gia để nhận được sự tư vấn hợp lý; tìm kiếm thông tin về ma túy, cai nghiện ma túy để nâng cao nhận thức cho bản thân và tìm cơ hội hỗ trợ, giúp đỡ bạn, người thân; chia sẻ thông tin nhận thức để động viên, khuyến khích bạn bè, người thân đi cai nghiện ma túy.

- *Kỹ năng tố giác tội phạm liên quan đến ma túy*: Cần hướng dẫn để các em giữ bình tĩnh, đảm bảo an toàn, nhẹ nhàng rút lui khỏi nơi phát hiện ra sự việc và thông báo cho các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

+ *Các biện pháp quản lý ngăn ngừa học sinh vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy*

Phối hợp với lực lượng Công an và các ngành liên quan quản lý chặt chẽ số học sinh thường xuyên bỏ học, vi phạm nội quy, quy định của nhà trường, không để số học sinh này bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo tham gia hoạt động phạm tội và tệ nạn xã hội; kịp thời phát hiện, hỗ trợ các trường hợp học sinh gặp những mối nguy hiểm từ các nhóm đối tượng bên ngoài nhà trường.

Tổ chức hoạt động kí cam kết không vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy và tích cực phòng, chống ma túy trong học đường cho học sinh. Việc kí cam kết không vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy và tích cực phòng chống ma túy trong học đường thường được thực hiện thông qua các tổ chức Đoàn, Hội trong nhà trường. Người phụ trách hoạt động công tác xã hội trường học phối hợp cùng với Đoàn trường hướng dẫn, tuyên truyền về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, từ đó khuyến khích học sinh tự nguyện kí cam kết và tham gia tích cực vào công tác phòng chống ma túy trong học đường.

+ *Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương*

Để công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy trong học đường đạt hiệu quả, cần phải có sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác quản lý và giáo dục học sinh. Điều đó có nghĩa là, công tác phòng, chống ma túy phải được thực hiện đồng bộ ở gia đình, nhà trường và xã hội.

Nhân viên công tác xã hội trường học tích cực phối hợp với gia đình của học sinh thông qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, bí thư đoàn trường... để nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập, rèn luyện của học sinh; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em; kịp thời báo cáo tình hình học sinh với hiệu trưởng nhà trường để kịp thời chỉ đạo, phối hợp giải quyết.

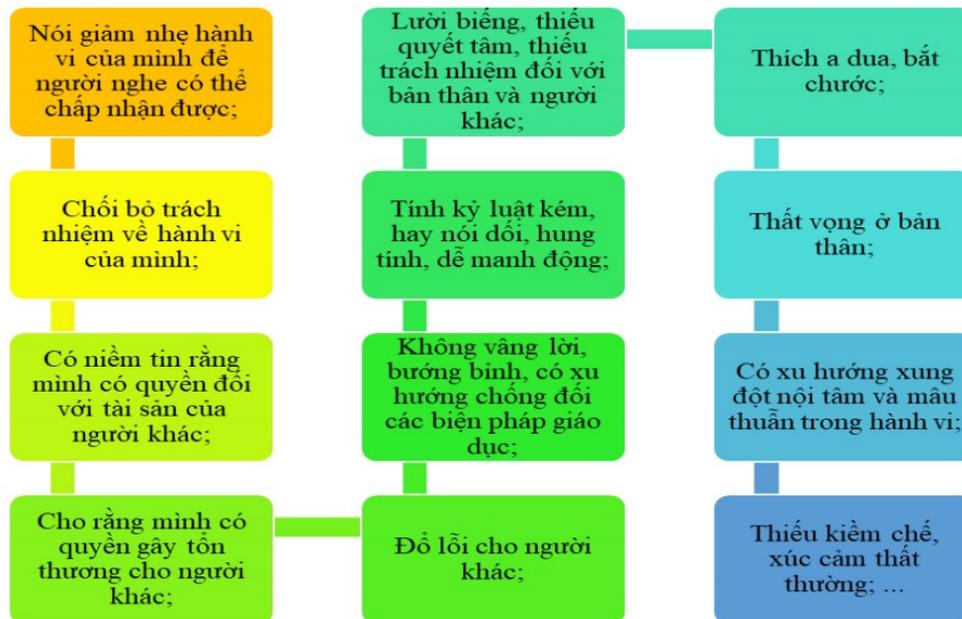
Phối hợp với xã phường, tăng thời lượng tuyên truyền phòng, chống ma túy trên hệ thống truyền thông ở xã, phường để giúp người dân và học sinh hiểu rõ tác hại của ma túy,

cách nhận biết triệu chứng của người nghiện ma túy, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy và trách nhiệm của công dân, của học sinh trong phòng, chống ma túy.

3.1.4. Các vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật

a. Hiểu biết chung về vấn đề vi phạm pháp luật ở học sinh

Học sinh vi phạm pháp luật thường có những đặc điểm tâm lý về nhận thức và tính cách như sau:



Hình 3.6. Dấu hiệu học sinh có nguy cơ vi phạm pháp luật

Bên cạnh đó, khi học sinh bị người thân bỏ rơi, thiếu nâng đỡ tinh thần hoặc bị bạo lực, chửi rủa, xỉ vả và xúc phạm liên tục, hoặc thường xuyên sống trong lo sợ, căng thẳng,... họ dễ bị tổn thương tâm lý. Đôi khi để giải tỏa trạng thái tâm lý tiêu cực trong gia đình, họ có những phản ứng chống trả quyết liệt như: bỏ học; bỏ nhà đi lang thang; sử dụng các chất kích thích; hoặc gây ra những hành vi rối loạn xã hội như gây hấn với người khác, phá hoại tài sản, trộm cắp; thậm chí tự hủy hoại bản thân mình như tự hành xác, tự tử.

Học sinh vi phạm pháp luật là một hiện tượng xã hội vô cùng phức tạp và nguyên nhân của hiện tượng này cũng vô cùng đa dạng. Nhìn từ góc độ cá nhân, mỗi học sinh lại có những hành động vi phạm pháp luật dưới sự chi phối của những ý thức phạm tội khác nhau. Những ý thức phạm tội hay những ý thức xã hội khác nhau ấy đều là những phản ứng của học sinh trước những biến động xã hội khi tác động vào nhận thức của các em.

Học sinh có sự phát triển và thay đổi sinh lý khá nhanh chóng, nhưng lại có sự phát triển tâm lý và nhận thức xã hội tương đối chậm. Lúc này, gia đình, nhà trường, bạn bè và môi trường khách quan bên ngoài sẽ có tác động hai chiều đến sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức của họ. Nếu sự tác động là tích cực, phù hợp thì sự phát triển tâm lý, ý thức của học sinh sẽ theo hướng tích cực. Ngược lại, nếu sự tác động là tiêu cực,

chưa phù hợp thì sự phát triển tâm lý, ý thức của học sinh sẽ theo hướng tiêu cực, và đây chính là mầm mống hình thành ý thức phạm tội của họ.

Trẻ em vi phạm pháp luật là tất cả những người dưới 16 tuổi, có năng lực chịu trách nhiệm pháp lý, đã thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em như sau:

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được quy định cụ thể.

Khoản 3, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 cũng giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em và chỉ thay đổi về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Người chưa thành niên phạm tội là những người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự là tội phạm.

b. Các hoạt động phòng ngừa

+ *Truyền thông nâng cao nhận thức của cha mẹ để cải thiện môi trường gia đình*

Các hoạt động truyền thông tập trung vào các chủ đề chính:

- Nâng cao ý thức trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái.

- Nâng cao chất lượng giáo dục gia đình và thay đổi thái độ quan tâm của gia đình dành cho con cái.

Các hoạt động truyền thông có thể tổ chức thông qua hội thảo dành cho phụ huynh, sổ tay hoặc thảo luận, trao đổi cùng phụ huynh thông qua các buổi họp lớp.

+ *Cải thiện môi trường học đường*

Nhà trường cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới quá trình phát triển toàn diện của học sinh, ở đó tồn tại những mối quan hệ biện chứng dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật của học sinh. Bởi vậy, nhà trường cần thiết phải cải thiện quan niệm giáo dục theo hướng không chỉ chú trọng phát triển toàn diện cho người học về đức, trí, thể, mỹ, lao mà còn chú ý chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người học và người dạy, như vậy mới góp phần tích cực vào mối quan tâm của cả xã hội là phòng ngừa và ngăn chặn học sinh vi phạm pháp luật.

- *Tăng cường giáo dục toàn diện cho học sinh, đồng thời chú ý chăm sóc sức khỏe tinh thần cho học sinh:*

Nhiều nghiên cứu xã hội học đã chỉ ra rằng, những người có trình độ văn hóa thấp, quan điểm sống tiêu cực thì những nguy cơ vi phạm pháp luật là rất lớn. Nhà trường là nơi học sinh nhận được sự giáo dục một cách hệ thống, bài bản và có cơ hội phát triển năng lực bản thân một cách toàn diện. Theo đó, muốn ngăn chặn hành vi vi phạm pháp

luật của học sinh từ gốc thì nhà trường nhất định phải tăng cường giáo dục giá trị sống tích cực cho người học. Nhà trường ngoài việc nâng cao trình độ văn hóa cho học sinh, cũng phải quan tâm bồi dưỡng tình cảm, lòng đam mê học tập cho các em. Nhà trường cùng với “dạy chữ” cũng phải chú ý “dạy người” cho học sinh.

Khi phát hiện ra năng khiếu hay sở trường của học sinh, nhà trường cần thiết phải tạo ra những cơ hội phát triển công bằng cho các em; nhà trường cũng cần thiết phải thay đổi từ việc coi trọng giáo dục để đối phó với thi cử, chạy đua theo thành tích chuyên sang giáo dục hướng đến sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho người học. Thực tế đã chứng minh, hậu quả của “bệnh thành tích” trong giáo dục đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng như thế nào đến những chủ nhân tương lai của đất nước. Áp lực học vì điểm, học vì lên lớp là những áp lực tinh thần không có lợi cho sự phát triển trí sáng tạo, tư duy phê phán, tinh thần đoàn kết và làm việc nhóm của học sinh, đặc biệt là nó sẽ hủy hoại đi niềm đam mê học tập tích cực của học sinh.

Nhà trường cũng cần thiết phải thúc đẩy phát triển đời sống tinh thần tích cực, lành mạnh cho học sinh. Khi nhận thức được mâu thuẫn trong quá trình phát triển tâm sinh lý và nhận thức xã hội là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của học sinh, nhà trường cần thiết phải tiến hành chăm sóc sức khỏe tinh thần cho học sinh thông qua các hoạt động can thiệp như: Lập hồ sơ sức khỏe tinh thần cho học sinh toàn trường; Tiến hành kiểm tra, đánh giá, sàng lọc trong tập thể học sinh để tìm ra những em đã, đang hoặc có nguy cơ gặp khó khăn về sức khỏe tinh thần để từ đó có chiến lược can thiệp kịp thời; Đồng thời cần tổ chức thường xuyên và định kỳ các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh, giáo viên và phụ huynh về sức khỏe tinh thần học đường, giúp mọi người “gọi mặt đặt tên” được những vấn đề tinh thần thường gặp trong quá trình học tập và làm việc như: trầm cảm, lo âu, stress, tức giận, lo sợ, ám ảnh, bạo lực, tự tử,...cùng với những cách giải quyết các vấn đề này theo hướng an toàn, tích cực và cách phòng ngừa, triệt tiêu những cảm xúc tiêu cực này ngay từ khi nó mới xuất hiện.

- *Tăng cường giáo dục pháp luật và giáo dục hình thành ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh:*

Nội dung giáo dục pháp luật cũng cần phải được nhà trường lựa chọn cẩn thận, sao cho phù hợp với nhu cầu, mong muốn và những vấn đề thường gặp của học sinh. Nhà trường nên dựa vào những đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh theo từng giai đoạn lứa tuổi và dựa vào những vấn đề mà học sinh thường vi phạm để tổ chức những lớp học hay những buổi sinh hoạt ngoại khóa có ý nghĩa giáo dục pháp luật cho học sinh. Thông qua những phương pháp giáo dục linh hoạt, giúp học sinh hình thành những quan niệm và khái niệm về đạo đức pháp luật một cách đúng đắn, nâng cao ý thức tự mình ngăn chặn và phòng tránh vi phạm pháp luật. Nhà trường có thể mời những người chuyên trách về pháp luật ở địa phương hoặc những người làm trong tòa án tới chia sẻ cho học sinh. Cần đặc biệt lưu ý đến hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường, nhà trường cần thiết phải thay đổi hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh theo hướng trực quan, sinh động. Ví dụ, có thể tập trung học sinh theo khối lớp để cho các em cùng xem một vụ xử án trực tiếp qua truyền hình có đối tượng là học sinh vi phạm pháp luật, hoặc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật có liên quan đến học sinh vi phạm

pháp luật, hoặc tổ chức các phiên tòa do chính các em nhập vai để chính các em trải nghiệm cảm giác của người bị xử phạt,...Khi các em tận mắt được chứng kiến buổi xét xử, tận mắt nhìn thấy những người bạn cùng trang lứa với mình bị xét xử vì vi phạm pháp luật, các em sẽ chủ động hơn trong việc nâng cao kiến thức pháp luật cho mình. Qua đó, các em cũng nhận thức được điều gì là đúng, điều gì là sai trước pháp luật. Mục đích sau cùng của giáo dục pháp luật cho học sinh là giúp các em hình thành ý thức tự giác phòng tránh những hành vi vi phạm pháp luật và luôn cố gắng thực hiện những hành vi trong khuôn khổ pháp luật cho phép đối với lứa tuổi của các em.

- Tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội:

Để đảm bảo chất lượng mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường, thì sự trao đổi giữa nhà trường và gia đình không nên chỉ dừng lại ở những cuộc họp phụ huynh được tổ chức định kì, cũng không nên dừng lại ở việc khen thưởng những học sinh có thành tích học tập tốt. Do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hầu hết phụ huynh thiếu sự chủ động trong mối liên hệ với nhà trường để cùng với nhà trường chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ. Nhận thức được điều này, nhà trường cần chủ động xây dựng những hình thức liên hệ với phụ huynh học sinh bằng nhiều cách khác nhau. Không chỉ dừng lại ở những cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm hay cuối năm, hay những lần trao đổi qua sổ liên lạc giữa nhà trường và gia đình, nhà trường cần linh hoạt và sáng tạo trong việc duy trì mối quan hệ với phụ huynh học sinh thông qua những cách thức liên lạc hữu hiệu hơn như: thành lập đường dây nóng để phụ huynh học sinh có thể gọi tới bất cứ lúc nào khi họ cần tìm hiểu thông tin về con em mình; gửi kết quả học tập của học sinh về địa chỉ gia đình (lưu ý không thông qua học sinh mà thông qua bưu điện hoặc hòm thư điện tử); tổ chức các cuộc thi có sự tham gia của phụ huynh, học sinh và giáo viên để thắt chặt hơn mối quan hệ giữa bộ ba này; đồng thời nhà trường cũng đề nghị phụ huynh học sinh chủ động cung cấp cho nhà trường những thông tin cần lưu ý của học sinh khi sinh hoạt tại gia đình, đặc biệt là những biểu hiện lạ, khó giải thích,...

Nhà trường cũng nên thực hiện tốt vai trò và chức năng quản lí của mình, khi phát hiện ra học sinh thường ra vào những nơi vui chơi giải trí như quán Internet, Game Online, hay thường giao lưu với những phần tử, băng nhóm không tốt trong cộng đồng dân cư, hoặc học sinh thường xuyên trốn tiết, bỏ học,...thì nhà trường ngoài việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh cũng cần chủ động thông báo với gia đình và kết nối với chính quyền địa phương để kiểm soát những “địa điểm nhạy cảm” quanh trường học và kiểm soát những băng nhóm tiêu cực trong cộng đồng dân cư.

+ Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quản lý trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư

Môi trường sống có ảnh hưởng quan trọng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Trình độ văn hóa, thói quen trong giao tiếp, ứng xử của cộng đồng dân cư cùng với thực trạng trật tự, an toàn xã hội của địa phương sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật của học sinh.

3.1.5. Các vấn đề liên quan tới khó khăn học tập

a. Hiểu biết chung về khó khăn học tập của học sinh

Rối loạn học tập được coi là một loại rối loạn phát triển thần kinh. Các rối loạn phát triển thần kinh là các tình trạng thần kinh xuất hiện sớm trong thời thơ ấu, điển hình là trước khi đi học. Những rối loạn này ảnh hưởng đến sự phát triển của các hoạt động cá nhân, xã hội, học tập, và/hoặc nghề nghiệp và thường liên quan đến những khó khăn trong việc thu nhận, duy trì, hoặc áp dụng các kỹ năng hoặc thông tin. Các rối loạn này bao gồm mất chứng năng trong sự chú ý, trí nhớ, nhận thức, ngôn ngữ, giải quyết vấn đề hoặc tương tác xã hội. Các rối loạn phát triển thần kinh thường gặp khác bao gồm: tăng động giảm chú ý, tự kỷ, và thiếu năng trí tuệ.

Các rối loạn học tập cụ thể ảnh hưởng đến khả năng của trẻ:



Hình 3.7. Biểu hiện của các rối loạn học tập đến học sinh

Do đó, các rối loạn này bao gồm các vấn đề về đọc, tính toán, phát âm, ngữ pháp, hiểu hoặc sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ không lời. Hầu hết các rối loạn học tập là phức tạp hoặc hỗn hợp, với sự thiếu hụt trong nhiều hệ thống.

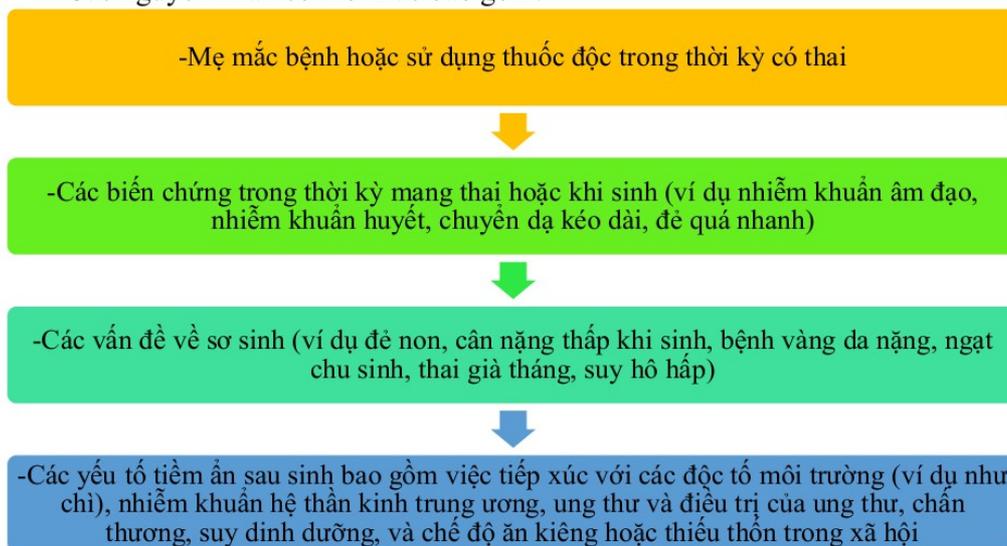
Bảng 3.4. Các rối loạn học tập thường gặp ở học sinh

<u>Chứng khó đọc</u> (giảm khả năng đọc)	Các vấn đề về đọc
Chứng khó đọc ngữ âm	Có vấn đề với phân tích âm thanh và trí nhớ
Chứng khó đọc các từ đã ghi nhớ	Có vấn đề về nhận dạng hình dạng và cấu trúc của từ
Chứng khó viết	Các vấn đề về chính tả, ngữ pháp hoặc viết tay
Chứng khó học toán	Có vấn đề với toán học và khó khăn trong việc giải quyết vấn đề
Khó học môn hình học	Các vấn đề do rối loạn trong lập luận toán học
Không đếm được	Rối loạn trong việc hình thành khái niệm cơ bản và không có khả năng có các kỹ năng tính toán
Mất khả năng diễn đạt từ ngữ (không nhớ ra từ muốn viết hoặc đọc)	Khó nhớ lại các từ và thông tin từ bộ nhớ theo yêu cầu

(Nguồn: <https://www.msmanuals.com>)

Rối loạn học tập có thể là bẩm sinh hoặc mắc phải. Không có nguyên nhân đơn lẻ nào được xác định, nhưng thiếu sót thần kinh được cho là có liên quan đến việc có hay không các biểu hiện thần kinh khác. Thường kèm theo các ảnh hưởng về di truyền.

Các nguyên nhân có thể khác bao gồm:

**Hình 3.8. Giả thuyết bệnh sinh của các rối loạn học tập**

b. Phòng ngừa dựa vào phát hiện vấn đề

Trẻ có rối loạn học tập thường có trí tuệ mức trung bình trở lên tuy nhiên những rối loạn này có thể xảy ra ở trẻ có nhận thức hơi thấp hơn bình thường một chút.

Các triệu chứng và dấu hiệu rối loạn nghiêm trọng có thể xuất hiện từ khi rất nhỏ, nhưng hầu hết các chứng rối loạn học tập từ mức độ nhẹ đến trung bình không được nhận ra cho đến khi đi học, khi gặp phải rắc rối trong học tập.

Giảm khả năng học tập

Những trẻ này thường có khó khăn khi học bảng chữ cái và có thể chậm tiếp thu các vấn đề liên quan đến học (ví dụ gọi tên màu, đánh dấu, đếm, đọc chữ cái). Có thể hạn

chế nhận thức về lời nói, học ngôn ngữ chậm hơn, và giảm số lượng từ vựng. Những trẻ này không hiểu được những gì đã đọc, chữ viết lộn xộn hoặc cầm bút lúng túng, gặp vấn đề khi sắp xếp hoặc bắt đầu công việc, kể lại câu chuyện theo thứ tự hoặc nhầm lẫn các biểu tượng và con số toán học.

Nhận thức của các chức năng khiếm khuyết

Các rối loạn hoặc chậm phát triển trong diễn đạt ngôn ngữ hoặc nghe hiểu là những yếu tố dự đoán các vấn đề về học tập của trẻ trước tuổi đến trường. Khiếm khuyết trong trí nhớ, bao gồm trí nhớ ngắn hạn và dài hạn, trí nhớ đã sử dụng (ví dụ tập luyện) và nhớ lại thông tin.

Các vấn đề có thể xảy ra trong việc khái niệm hoá, trừu tượng hóa, tổng hợp, lập luận, tổ chức và lập kế hoạch giải quyết vấn đề. Những người có vấn đề về chức năng điều hành thường gặp khó khăn trong việc tổ chức và hoàn thành bài tập.

Có thể xảy ra các vấn đề về sự nhận biết hình ảnh và âm thanh, bao gồm: khó khăn trong định hướng không gian (ví dụ vị trí của một vật hoặc một địa điểm), sự chú ý hình ảnh và trí nhớ, phân biệt và phân tích các loại âm thanh).

Các vấn đề về hành vi

Một số trẻ thiếu năng trong học tập gặp khó khăn trong việc được mọi người chấp nhận (ví dụ nói chuyện luân phiên, đứng quá gần người nghe, không hiểu chuyện cười); những khó khăn này thường là những yếu tố nhẹ như tự kỷ.

Các dấu hiệu sớm là sự giảm chú ý, luôn vận động tay chân (ví dụ như vẽ và sao chép kém), và có sự thay đổi trong cách trình bày và hành vi nhiều lần.

Có thể gặp khó khăn trong việc kiểm soát kiểm soát sự bốc đồng, các hành vi không đúng mục tiêu và tăng động, các vấn đề về kỷ luật, hành vi hiếu chiến, rút lui và tránh xa, nhút nhát quá mức và sợ hãi quá mức. Giảm khả năng học tập và tăng động giảm chú ý (ADHD) thường xảy ra cùng nhau.

Đánh giá xác định vấn đề

Trẻ bị rối loạn học tập thường được xác định khi có sự khác biệt giữa tiềm năng học tập và thành tích học tập. Cần phải đánh giá về ngôn ngữ, lời nói, nhận thức, giáo dục, y tế và tâm lý để xác định những thiếu sót về các kỹ năng và các quá trình nhận thức. Đánh giá hành vi xã hội và cảm xúc cũng cần thiết cho việc lên kế hoạch điều trị và theo dõi sự tiến bộ của trẻ.

Đánh giá nhận thức thường bao gồm kiểm tra trí tuệ bằng lời nói và không lời và thường được nhân viên nhà trường thực hiện. Test tâm lý học có thể hữu ích trong việc mô tả cách xử lý thông tin ưa thích của đứa trẻ (ví dụ, theo cách tổng quát hoặc phân tích, trực quan hoặc lắng nghe). Đánh giá về mặt thần kinh đặc biệt hữu ích ở trẻ bị tổn thương hệ thần kinh trung ương hoặc tổn thương một vùng não tương ứng với các chức năng cụ thể. Đánh giá ngôn ngữ và lời nói để xác định tính toàn vẹn của việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ, xử lý ngữ âm và trí nhớ bằng lời nói.

Đánh giá giáo dục là việc giáo viên quan sát về hành vi trong lớp học và xác định thành tích học tập của học sinh. Đánh giá khả năng đọc trong việc giải mã và nhận ra, hiểu và thông thạo từ vựng. Viết các mẫu câu cần thiết để đánh giá chính tả, ngữ pháp và

sự trôi chảy của các ý tưởng. Đánh giá về kỹ năng tính toán, kiến thức về hoạt động, sự hiểu biết về các khái niệm, và giải thích các "vấn đề về từ".

Đánh giá y tế bao gồm tiền sử gia đình, tiền sử của đứa trẻ, khám sức khỏe, và khám thần kinh hoặc sự phát triển thần kinh để tìm các rối loạn tiềm ẩn. Mặc dù những bất thường và các dấu hiệu thần kinh có thể không thường xuyên nhưng có thể định hướng được phương pháp điều trị cho nguyên nhân gây thiếu năng trong học tập. Các vấn đề về phối hợp vận động cơ thể có thể cho biết sự thiếu hụt thần kinh hay chậm phát triển thần kinh. Mức độ phát triển được đánh giá theo các tiêu chuẩn.

Đánh giá tâm lý giúp xác định ADHD, rối loạn chức năng, rối loạn lo âu, trầm cảm, và lòng tự tôn thấp, thường xuyên đi kèm và phải được phân biệt với những khuyết tật về học tập.

Lưu ý: Vấn đề khó khăn/rối loạn học tập cần được xem xét như là một dạng khó khăn mà học sinh gặp phải liên quan tới sự phát triển não bộ/hệ thần kinh chứ không phải là vấn đề liên quan tới ý thức đạo đức của học sinh đó.

3.1.6. Các vấn đề liên quan tới gia đình và cộng đồng

a. Hiểu biết chung về các vấn đề liên quan đến gia đình và cộng đồng.

Các nguy cơ xuất phát từ gia đình và cộng đồng:

Các hành vi bạo lực trong nhà trường, gia đình và cộng đồng gây tổn thương sâu sắc cho học sinh. Trẻ em và thanh thiếu niên ngày càng phải chịu bạo lực trên nhiều bối cảnh mà họ là nạn nhân vô tội. Phản ứng của học sinh đối với bạo lực bao gồm nhẹ đến nặng, với các triệu chứng của rối loạn căng thẳng sau chấn thương (PTSD). Một trải nghiệm đau thương kích hoạt phản ứng căng thẳng của một cá nhân trong một thời gian dài bất thường sẽ đe dọa đến cuộc sống của cá nhân đó.

Học sinh sống trong những gia đình bạo lực đều bị tác động trực tiếp lẫn gián tiếp của bạo lực gia đình. Các tác động trực tiếp bao gồm lạm dụng thể chất/tinh thần/tình dục và/hoặc bỏ bê, không chăm sóc. Các tác động gián tiếp bao gồm thái độ khó chịu, không nhất quán trong cư xử hoặc kỷ luật tiêu cực của người chăm sóc với các em do căng thẳng, trầm cảm. Học sinh hằng ngày chứng kiến bạo lực trong gia đình có thể dẫn đến chấn thương tương tự như chấn thương do lạm dụng thể chất thực tế. Hành vi, các vấn đề về nhận thức và xã hội của các em cũng là kết quả của việc chứng kiến bạo lực.

Trẻ em chứng kiến bạo lực phải trải qua một số hoặc tất cả những vấn đề sau đây về hành vi: lo sợ; hoặc luôn giận dữ, gây hấn với đồng nghiệp, các thành viên trong gia đình; đập phá đồ đạc; xử tàn ác với động vật; những cơn giận dữ luôn diễn ra liên tục; hành vi chưa chín chắn; trốn học và phạm pháp; hiếu động thái quá; tính bốc đồng; rối loạn giấc ngủ; nhức đầu; những cơn đau dạ dày; bệnh tiêu chảy; đái dầm; và trầm cảm.

Học sinh sống trong các cộng đồng đang diễn ra bạo lực có thể trải qua những phản ứng nghiêm trọng hơn so với những đứa trẻ trải qua một lần bạo lực. Tổn thương càng kéo dài và càng nghiêm trọng nếu học sinh tiếp xúc thường xuyên với khả năng họ sẽ bị căng thẳng cảm xúc và phản ứng dữ dội. Theo đó, một số học sinh bị ảnh hưởng lâu dài từ chấn thương vì bạo lực mãn tính trong nhà hoặc hàng xóm của họ. Trẻ em và thanh thiếu niên bị bạo lực cộng đồng hiển thị một loạt các triệu chứng tâm lý, từ trầm cảm và

lo lắng đến các hành vi chống đối xã hội và tự sát. Tiếp xúc với bạo lực cộng đồng là yếu tố rủi ro chính trong sự phát triển các vấn đề về cảm xúc và hành vi ở trẻ em và thanh thiếu niên.

Các triệu chứng PTSD thường gặp ở trẻ em và thanh thiếu niên tiếp xúc với bạo lực trong cộng đồng của họ: Trẻ em sống với bạo lực mãn tính gặp khó khăn ở trường, bao gồm kém tập trung vì thiếu ngủ, khó tránh khỏi những suy nghĩ về bạo lực, và lo lắng gắn bó với cha mẹ của họ. Tương tự như vậy, trẻ em bị bạo lực có thể hung hăng khi chơi đùa vì chúng đang bắt chước những hành vi đã thấy hoặc họ tỏ ra khó đối phó với nỗi sợ hãi của mình.

Lạm dụng chất kích thích của cha mẹ có liên quan đến một loạt các yếu tố nguy cơ ở trẻ em. Cha mẹ lạm dụng chất gây nghiện có khả năng ưu tiên sử dụng chất hơn các nhu cầu cơ bản của trẻ. Vì lạm dụng chất kích thích là sức mạnh để phá hủy bản năng yêu thương và chăm sóc con cái tự nhiên của cha mẹ. Với các cha mẹ nghiện chất, con cái của họ có nguy cơ bị bỏ rơi và bị lạm dụng, bị bạo lực. Trẻ em là con của những người lạm dụng ma túy và rượu thường biểu hiện các vấn đề về cả cảm xúc và hành vi.

Trẻ em của những người nghiện rượu có nhiều khả năng: (1) biểu hiện mức độ cao gây hấn; (2) đáp ứng chẩn đoán tiêu chí về rối loạn ứng xử; (3) có các hành vi chống đối xã hội; (4) đáp ứng các tiêu chuẩn chẩn đoán cho một hoặc nhiều rối loạn cảm xúc, chẳng hạn như lo lắng và trầm cảm; (5) lạm dụng rượu hoặc các chất kích thích thần kinh khác. Cha mẹ lơ là, bỏ bê, không chăm sóc hoặc cha/mẹ, người chăm sóc bị mất bất ngờ do bệnh tật/dịch bệnh.

Thiên tai tạo ra chấn thương cho học sinh, đặc biệt là nếu các em phải di dời chỗ ở để tránh tác động của thiên tai. Ví dụ nhiều trẻ em và gia đình ở miền Trung đã phải di dời bởi bão, lũ lụt. Nhiều gia đình bị mất hoàn toàn tài sản cá nhân và kết nối cộng đồng. Hầu hết những người may mắn an toàn đều không còn đồ đạc cá nhân và trong một số trường hợp, không có thông tin về bạn bè và thành viên gia đình, bao gồm cả vật nuôi. Tôn thương từ những cảm xúc ban đầu của nỗi sợ hãi và mất mát dường như trở nên tồi tệ hơn theo thời gian khi có nhiều thông tin hơn về mức độ phá hủy và mất mát đã được biết đến.

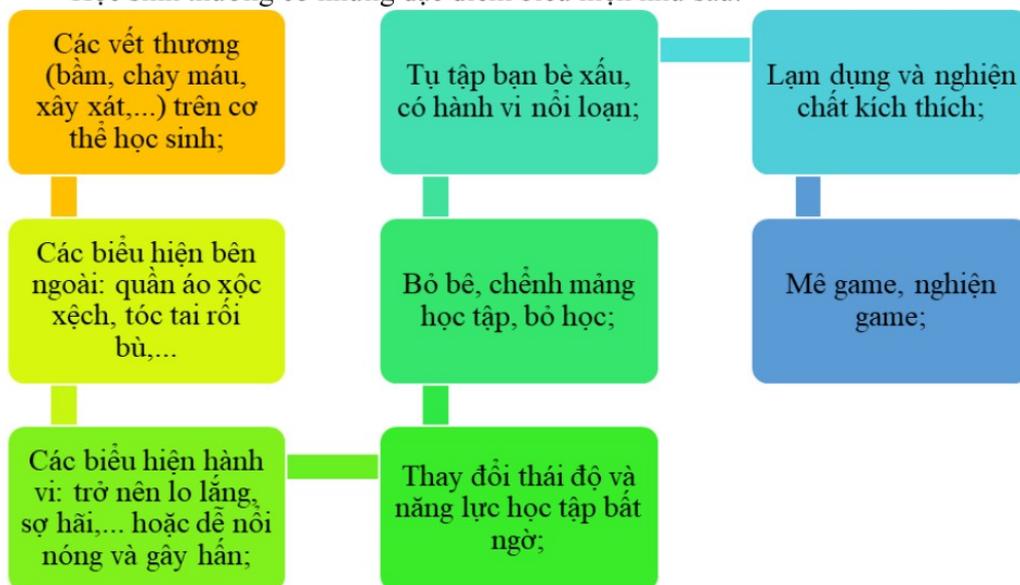
Các sự kiện đau thương khiến những người bị ảnh hưởng phải đối mặt với cảm giác sợ hãi, lo lắng và mất mát, cũng như đối phó với việc xây dựng lại cuộc sống của họ. Khi mọi người tiếp xúc với các tình huống căng thẳng cao độ, họ có thể rơi vào tình trạng bắt đầu đối phó, bao gồm các hành vi bên ngoài (chẳng hạn như gây hấn và đối đầu) hoặc các hành vi cần tránh. Hành vi đối đầu bao gồm tham dự đám tang và các lễ tưởng niệm, trong khi các hành vi tránh được đặc trưng bằng cách rút lui và hướng vào trong để đối phó với nỗi đau. Đau buồn đau thương có thể khác với mất mát bình thường vì bản chất của việc ghi nhớ và tái trải nghiệm và cường độ cực độ của các triệu chứng. Đau buồn có thể được mô tả là nỗi buồn, trong khi phản ứng chính đối với chấn thương là nỗi kinh hoàng.

Các sự kiện đau thương có thể bao gồm thiên tai như sóng thần và bão hoặc các hành động bạo lực tạo ra nhiều người chết hoặc không lường trước được. Các thảm họa cá nhân như cháy nhà, chết đuối hoặc tai nạn xe hơi tạo ra những tổn thương cho những

người còn sống trong gia đình. Chấn thương hàng loạt bao gồm các tình huống như nhiều người chết ở trường, tai nạn xe buýt, máy bay gặp sự cố và các hành động khủng bố. Khi trẻ em và thanh thiếu niên bị chấn thương tâm lý nghiêm trọng trong một sự kiện bạo lực, có thể cần phải xử lý một vài hoặc nhiều các khía cạnh của trải nghiệm đau thương, cảm xúc và ấn tượng trước đây đau buồn là có thể xảy ra. Các yếu tố quan trọng cần xem xét đánh giá một đứa trẻ bị mất mát đau thương bao gồm: Mức độ lo lắng/sợ hãi; Chẩn đoán DSM-IV-TR (đặc biệt là các triệu chứng của PTSD); Kinh nghiệm mất mát/ chấn thương/ khủng hoảng trong quá khứ; Ý nghĩa cụ thể của chấn thương này. Trẻ em ở độ tuổi tiểu học có thể bị căng thẳng và lo lắng thể hiện qua một vài biểu hiện như nhức đầu hoặc đau bụng. Họ cũng có thể lo lắng về cái chết và khả năng xảy ra các hành vi bạo lực khác hoặc trải qua những thay đổi tương tự như những người có biểu hiện trầm cảm, chẳng hạn như thu mình, khó tập trung và khó ngủ hoặc khó ăn. Một số trẻ có dấu hiệu nổi cơn tam bành và đái dầm. Những đứa trẻ khác có thể trở nên tức giận và thách thức với mọi thứ và mọi người xung quanh.

b. Phòng ngừa dựa vào phát hiện vấn đề

Học sinh thường có những đặc điểm biểu hiện như sau:





Hình 3.9. Các biểu hiện tiêu cực của học sinh

c. Các hoạt động phòng ngừa

Là những người triển khai các dịch vụ sức khỏe hành vi, nhân viên xã hội trường học có phương pháp tiếp cận phối hợp đối với sức khỏe học đường để phòng ngừa, xác định rủi ro, đánh giá nguy cơ, hàng rào hỗ trợ, đánh giá vấn đề, điều trị và cung cấp các dịch vụ can thiệp thông qua việc cộng tác, tham vấn và vận động chính sách, trong đó tập trung vào sự tương tác qua lại của con người và môi trường.

Nhân viên xã hội trường học thực hiện các chương trình phòng ngừa để hỗ trợ cho sự phát triển của tất cả học sinh và cung cấp các dịch vụ can thiệp sớm cho học sinh có nguy cơ với các chiến lược và cách tiếp cận đa phương thức, bao gồm tư vấn cá nhân; hoạt động nhóm nhỏ; can thiệp nhóm tập trung; các hoạt động trên lớp học; sáng kiến toàn trường; phối hợp giáo dục của cha mẹ và các sinh hoạt cộng đồng.

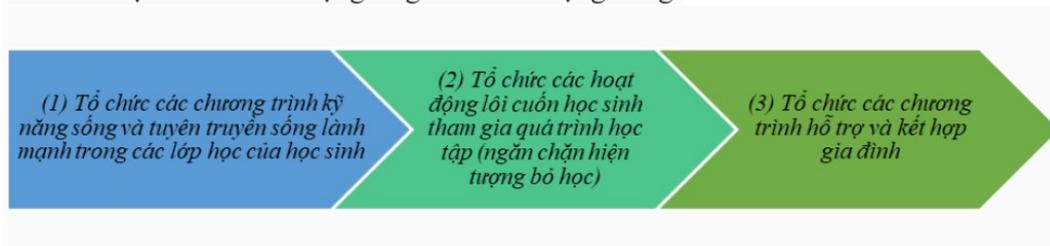
Các công việc cụ thể, bao gồm:

- Thúc đẩy văn hóa học đường hoặc môi trường học tập tích cực được xây dựng bởi các mối quan hệ lành mạnh, tích cực giữa giáo viên, nhân viên nhà trường và học sinh trên cơ sở về ý thức an toàn, tôn trọng sự đa dạng và tôn trọng năng lực cá nhân trong học tập;

- Tăng cường khả năng phục hồi bằng cách phát triển các yếu tố bảo vệ (ví dụ: chương trình học tập về tình cảm - xã hội giúp dạy các kỹ năng về nhận thức bản thân, nhận thức xã hội, tự quản lý, ra quyết định có trách nhiệm và kỹ năng xây dựng và duy trì các mối quan hệ);

- Giảm thiểu các yếu tố rủi ro thông qua các biện pháp can thiệp trong môi trường sống và học tập của học sinh;
- Nâng cao hệ thống cộng đồng trường học thông qua giáo dục về các chủ đề như đa dạng văn hóa, chủng tộc, giới tính, tác động của nghèo đói, dịch bệnh dẫn tới cá nhân/gia đình mất việc làm, giảm thu nhập;
- Phát triển các mối quan với các cơ quan cung ứng dịch vụ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu của học sinh và gia đình của họ (ví dụ: phòng tham vấn tâm lý, phòng công tác xã hội đặt tại địa phương, các văn phòng của các tổ chức NGO, doanh nghiệp xã hội với mục tiêu tạo ra các cơ hội học tập mở rộng và phát triển tính tích cực cá nhân của học sinh);
- Thiết lập mối quan hệ chính thức các cơ quan hỗ trợ chính sách (ví dụ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội);
- Tạo danh sách và cập nhật hàng năm các nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe hành vi được cấp phép bao gồm thông tin liên quan đến dân số được phục vụ, quá trình nộp đơn và tiếp nhận, các loại dịch vụ...

Một số hoạt động cụ thể thường được sử dụng trong trường học để ngăn ngừa các vấn đề ở học sinh do tác động từ gia đình và cộng đồng:



Hình 3.10. Các hoạt động phòng ngừa các vấn đề ở học sinh do tác động từ gia đình và cộng đồng

(1) Tổ chức các chương trình kỹ năng sống và tuyên truyền sống lành mạnh trong các lớp học của học sinh

- Đánh giá nhu cầu trang bị kiến thức về kỹ năng sống hay lối sống lành mạnh cho các lớp học.
- Lên kế hoạch thực hiện các chương trình giáo dục: đào tạo một nhóm học sinh nòng cốt trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng trình bày, hướng dẫn các em chuẩn bị phần trình bày, phương pháp, cách thức thực hiện.
- Hỗ trợ nhóm học sinh nòng cốt thực hiện kế hoạch thích hợp với giáo viên chủ nhiệm hoặc tổ chức đoàn hội, hội phụ huynh học sinh
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động.

(2) Tổ chức các hoạt động lôi cuốn học sinh tham gia quá trình học tập (ngăn chặn hiện tượng bỏ học)

- Thu thập thông tin, đánh giá thực trạng hoạt động dạy và học ở trường, từ đó tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bỏ học.
- Lên kế hoạch các chương trình can thiệp: cải thiện mối quan hệ thầy – trò; các chương trình dạy tốt – học tốt; văn hóa, văn nghệ giao lưu thu hút sự quan tâm của học sinh vào các hoạt động của trường...; tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ học sinh học tập.

- Cùng thực hiện các chương trình can thiệp.
- Đánh giá, có đề xuất phù hợp lên Ban giám hiệu, kể cả những đề xuất về chương trình, chính sách của trường.
- (3) Tổ chức các chương trình hỗ trợ và kết hợp gia đình*
- Thu thập thông tin, đánh giá nhu cầu và khả năng thực hiện của gia đình học sinh.
- Cùng gia đình lên kế hoạch thực hiện chương trình tạo môi trường gia đình hỗ trợ tốt nhất có thể cho con em họ làm tốt các hoạt động tại trường học.
- Theo dõi, điều phối sự tham gia của các gia đình, tổ chức thực hiện các chương trình tại gia đình và tại trường học.
- Huy động sự hỗ trợ của nhà trường và các tổ chức của phụ huynh học sinh và các chương trình hỗ trợ gia đình.
- Tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có thể là về tài chính...) để gia đình khắc phục được khó khăn
- Thực hiện những chuyến đi thăm gia đình để đánh giá tình hình và hỗ trợ gia đình thực hiện kế hoạch cũng như giám sát quá trình gia đình tạo môi trường tốt nhất để trẻ em được học tập.

3.2. Các vấn đề và các hoạt động can thiệp trong trường học.

3.2.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần

a. Can thiệp trường học khẩn cấp (can thiệp khủng hoảng)

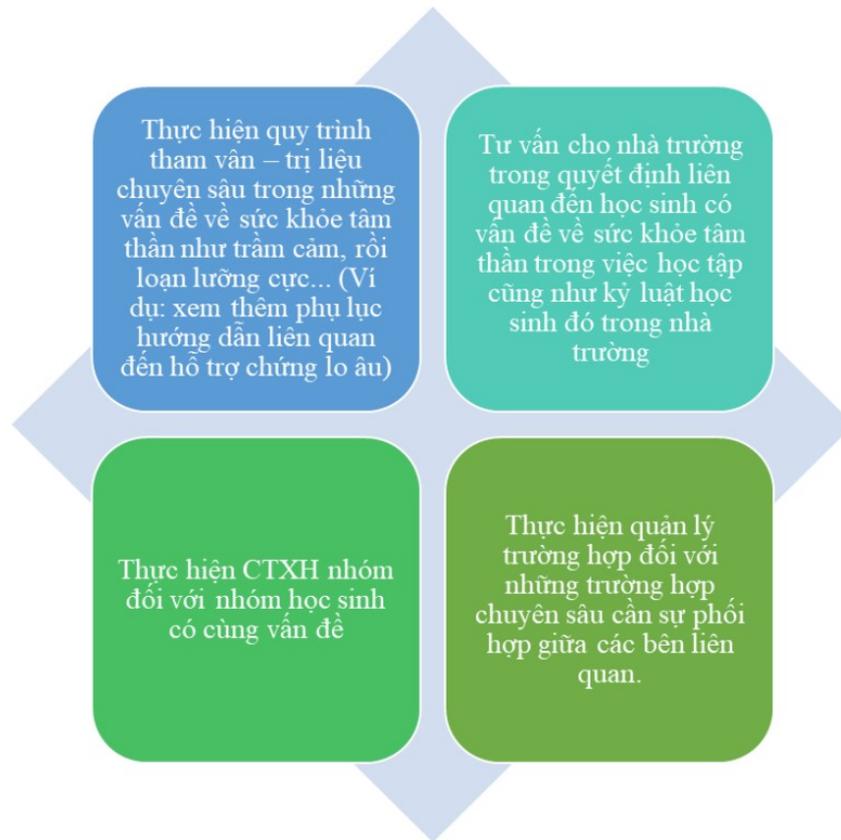
Khủng hoảng một tình trạng nguy cơ cao diễn ra hoặc diễn ra có thể làm: Thay đổi nhận thức của người trải qua về sự an toàn và thế giới và “Sự giằng co” của “tăng trưởng” và “sụp đổ” của một cá nhân. Vì thế, thực hành can thiệp khủng hoảng được xem là một hoạt động can thiệp chuyên sâu trong công tác xã hội trường học. Để thực hiện được quá trình can thiệp khủng hoảng cần lưu tâm đến 4 yếu tố sau:

- Xác định vấn đề:
 - + Học sinh đang trải qua khủng hoảng gì?
 - + Loại khủng hoảng đó đòi buộc học sinh phải ứng phó gì (phổ quát)?
 - + Khủng hoảng đó đòi buộc học sinh đó phải ứng phó như thế nào trong bối cảnh của chính đương sự?
 - + Khủng hoảng đó đòi buộc những gì để học sinh có thể “sống còn”?
 - + Khủng hoảng đó đòi buộc những gì để học sinh thể “tăng trưởng”?
 - Cơ quan trường học
 - + Nhà trường đã có cách xử lý khủng hoảng chưa?
 - + Nếu chưa, nhân viên công tác xã hội có thể cùng nhà trường xây dựng quy trình can thiệp
 - Con người:
 - + Học sinh đang cần hỗ trợ những nhu cầu nào trong khủng hoảng?
 - + Đây là những nhu cầu sống còn cấp thiết?
 - + Đây là những nhu cầu để tái thiết trong khủng hoảng?
 - Quy trình can thiệp (Xem thêm phần phụ lục)
- Quy trình can thiệp cần dựa trên nguyên tắc đảm bảo quyền cũng như dựa trên nguồn lực của cá nhân và cộng đồng:



Hình 3.11. Quy trình can thiệp dựa trên nguyên tắc đảm bảo quyền và nguồn lực

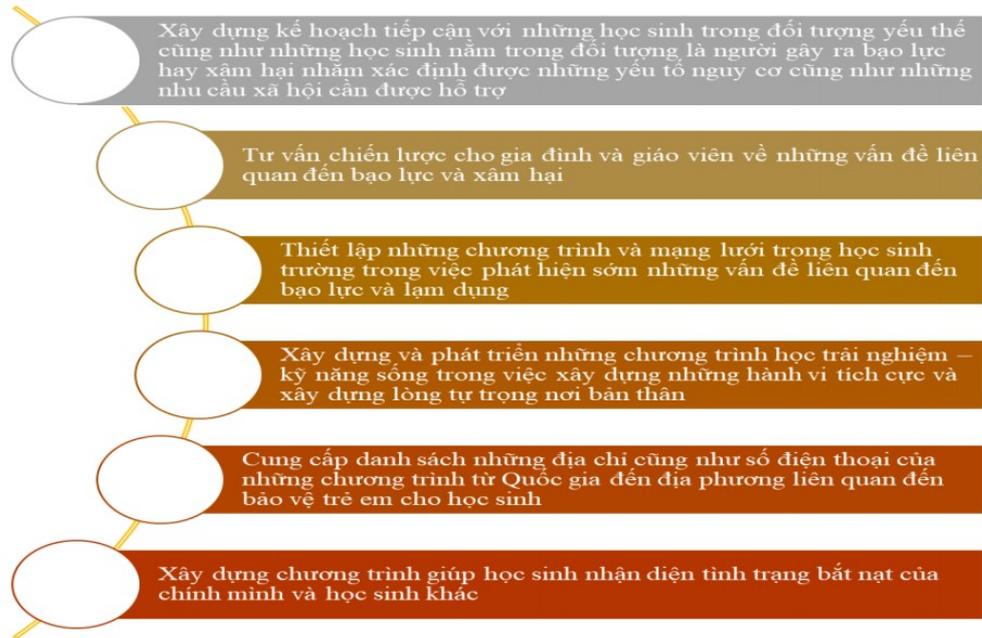
b. Các hoạt động hỗ trợ chuyên sâu khác



Hình 3.12. Các hoạt động chuyên sâu các vấn đề sức khỏe tâm thần

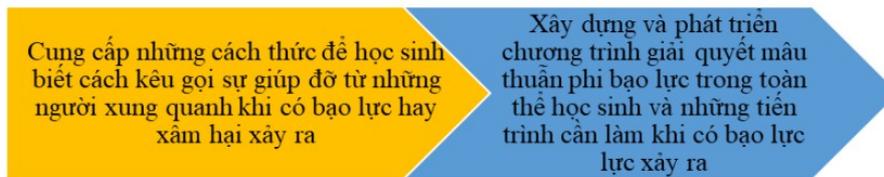
3.2.2. Bạo lực và xâm hại

a. Hoạt động can thiệp sớm



Hình 3.13. Các hoạt động can thiệp sớm với học sinh bị bạo lực và xâm hại

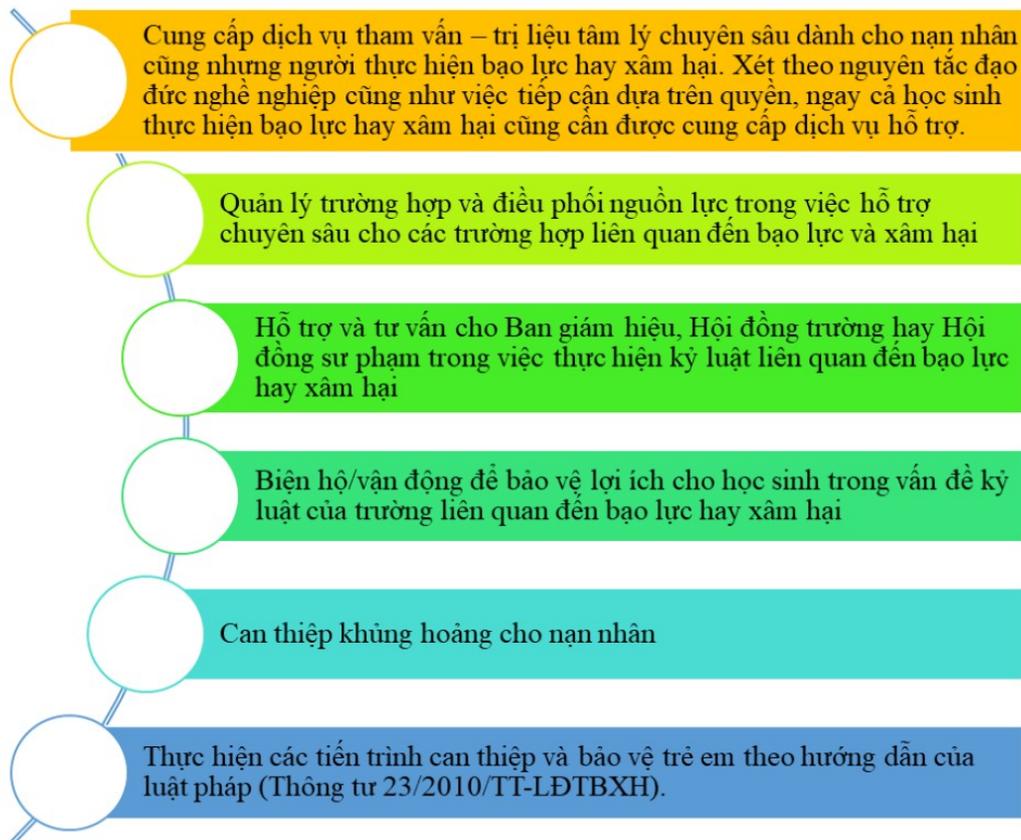
b. Hoạt động can thiệp khẩn cấp



Hình 3.14. Các hoạt động can thiệp khẩn cấp khi học sinh bị bạo lực và xâm hại

c. Hoạt động can thiệp chuyên sâu

Hoạt động can thiệp chuyên sâu này có thể được xem là hoạt động “sau cùng” trong công tác xã hội trường học với những vấn đề liên quan đến bạo lực và xâm hại:



Hình 3.15. Can thiệp chuyên sâu với học sinh bị xâm hại và bạo lực

3.2.3. Các vấn đề liên quan tới nghiện chất

Bước 1: Đánh giá chi tiết vấn đề và nhu cầu của học sinh

Quá trình đánh giá sẽ bao gồm việc thu thập tất cả các thông tin có liên quan tới học sinh bao gồm:

- Quá trình phát triển phát triển thể chất và các vấn đề y khoa, bao gồm sức khỏe tổng quát, sức khỏe nha khoa, và sự biểu hiện về các bệnh truyền nhiễm như lao phổi, gan, HIV, và các bệnh lây lan qua đường tình dục khác.

- Lịch sử sử dụng chất gây nghiện và bất cứ phương pháp điều trị trước đó nào đã từng sử dụng, chú ý đặc biệt tới:

- + Các loại chất cồn, thuốc lá và các loại chất gây nghiện khác và cách sử dụng.
- + Các triệu chứng thể chất của hội chứng tăng liều dùng
- + Sự mất kiểm soát.
- + Những nỗ lực che giấu sử dụng thuốc.
- + Tự sử dụng thuốc.
- + Các hành vi sử dụng thuốc như tự sử dụng 1 mình hoặc trao đổi tình dục lấy các chất gây nghiện.

- Các vấn đề tâm lý xã hội xuất hiện trước, xảy ra đồng thời, hoặc tiếp sau của việc sử dụng chất gây nghiện. Các vấn đề tâm lý xã hội cần được đánh giá có thể bao gồm các vấn đề quan hệ gia đình và bạn bè, các vấn đề học tập ở trường học.

- Lịch sử các chứng rối loạn tâm thần và các điều trị trước đó.

- Các khó khăn và thử thách khác trong cuộc sống của học sinh, như tình trạng bị bạo lực, nghèo đói hoặc gia đình có người sử dụng ma túy.

Đầu ra của bước 1 là một bản thông tin mô tả chi tiết về vấn đề của học sinh cũng như nhu cầu hiện tại của học sinh này là gì? Đây là những gợi ý để nhân viên công tác xã hội trường học có thể tiếp tục xây dựng kế hoạch hỗ trợ chi tiết nhằm hỗ trợ học sinh.

Bước 2: Lập và triển khai kế hoạch hỗ trợ

Đây là bước mà nhân viên công tác xã hội trường học sắp xếp các hoạt động cụ thể theo trình tự ưu tiên để hỗ trợ học sinh dựa trên các vấn đề đã được đánh giá, tìm hiểu ở bước 1. Trong kế hoạch, nhân viên công tác xã hội trường học kết hợp nhiều những chiến lược khác nhau để hỗ trợ học sinh, các chiến lược có thể bao gồm: tư vấn cá nhân; các hoạt động nhóm; làm việc cùng với gia đình; phối hợp với các bên liên quan khác như y tế; lao động - thương binh và xã hội để thực hiện các can thiệp chuyên sâu.

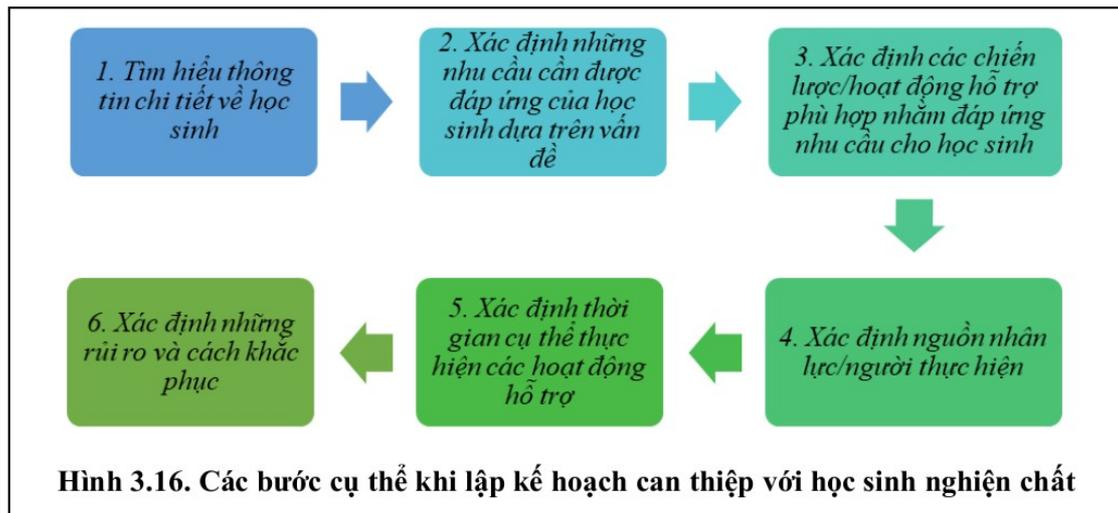
Các hoạt động trong kế hoạch thường được thực xây dựng trong vòng 3 - 6 tháng. Sau thời gian triển khai, kế hoạch hỗ trợ cần được đánh giá, xem xét hiệu quả và xây dựng kế hoạch can thiệp mới cho các giai đoạn tiếp theo.

Sự phối hợp chặt chẽ của gia đình là điều quan trọng trong việc hỗ trợ các trường hợp học sinh có sử dụng các chất gây nghiện. Vì thế, các hoạt động trong kế hoạch hỗ trợ cần đảm bảo sự tham gia rất tích cực từ phía gia đình và thậm chí là các cơ quan khác trong cộng đồng, như là công an, chính quyền địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ, nhân viên công tác xã hội trường học liên tục thực hiện việc rà soát nhằm kịp thời xác định các vấn đề nảy sinh và điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ cho phù hợp. Việc rà soát có thể được thực hiện thông qua quan sát trực tiếp học sinh, thông qua thông báo từ giáo viên chủ nhiệm hoặc các bạn khác trong lớp, cũng như thông tin từ gia đình và các bên có liên quan khác.

Cần có sự tham gia chặt chẽ của ban giám hiệu nhà trường trong quá trình lập kế hoạch hỗ trợ học sinh, cũng như việc theo dõi giám sát và đánh giá hoạt động.

Các bước cụ thể khi lập kế hoạch hỗ trợ



Bước 3: Đánh giá hoạt động hỗ trợ

Sau khi kết thúc quá trình hỗ trợ, nhân viên công tác xã hội trường học thực hiện việc đánh giá nhằm mục đích trả lời câu hỏi: Hoạt động can thiệp có đạt kết quả tốt hay không?

Để trả lời câu hỏi này, nhân viên công tác xã hội trường học xem xét lại các nhu cầu cần được đáp ứng của học sinh, và xem xét liệu các nhu cầu này đã được đáp ứng hay chưa? Nếu được đáp ứng thì ở mức độ nào (toàn bộ, hay một phần).

Việc đánh giá cũng được xem là một quá trình thu thập thông tin về những gì đã diễn ra và từ nhiều các nguồn thông tin khác nhau. Nhân viên công tác xã hội trường học chú ý tới việc thu thập các thông tin đánh giá từ bản thân học sinh, từ giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác trong nhà trường, từ học sinh, cha mẹ học sinh, ...

Nhân viên công tác xã hội cuối cùng đưa ra quyết định về việc tiếp tục hay kết thúc quá trình trợ giúp cho học sinh. Điều này tùy thuộc vào vấn đề của học sinh vẫn còn tồn tại hay đã được giải quyết hoàn toàn.

Sau khi kết thúc quá trình hỗ trợ chính thức, luôn có quá trình theo dõi sau hỗ trợ ít nhất khoảng 3 tháng đối với mỗi trường hợp học sinh. Việc theo dõi nhằm hỗ trợ kịp thời việc các em học sinh có thể tái nghiện, hoặc rơi vào các hoàn cảnh khó khăn dẫn tới nguy cơ tái nghiện cao.

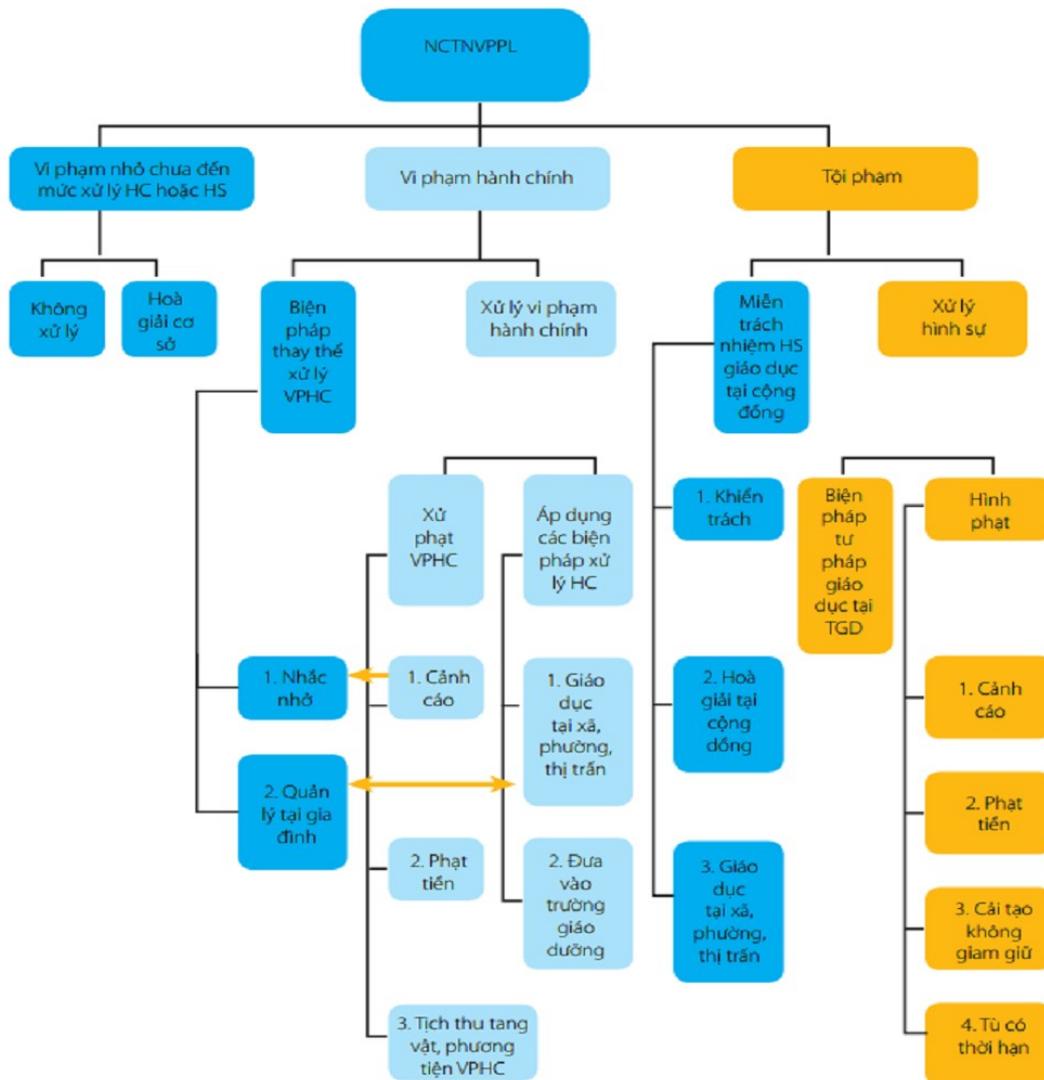
3.2.4. Các vấn đề liên quan tới hành vi vi phạm pháp luật

Luật Trẻ em quy định các nguyên tắc chung về bảo đảm quyền của trẻ em (Điều 5), bao gồm: Không phân biệt đối xử với trẻ em (khoản 2); Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em (khoản 3); Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em (khoản 4).

Việc xử lý học sinh vi phạm pháp luật trước hết phải tuân thủ những quy định về bảo vệ quyền con người của Hiến pháp 2013, đặc biệt là những quy định sau:

- Mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về thân thể;
- Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang;

- Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - Người bị buộc tội phải được xét xử kịp thời, trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai;
 - Không ai bị kết tội hai lần về một tội phạm;
 - Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.
- Các biện pháp xử lý học sinh vi phạm pháp luật:



Hình 3.17. Các biện pháp xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật

(Nguồn: Bộ Tư pháp và UNICEF, 2019)

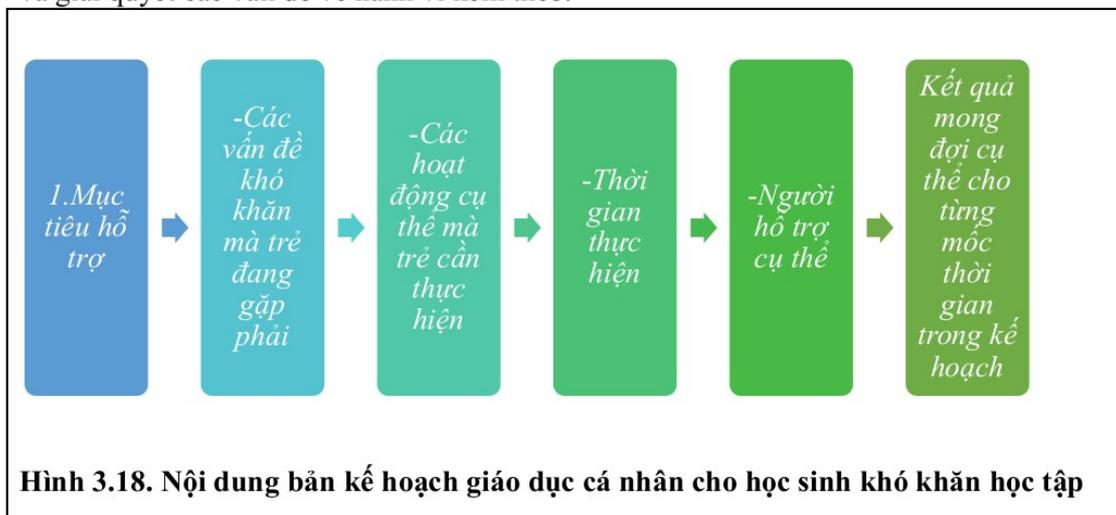
Đồng thời, học sinh vi phạm pháp luật cũng cần được chẩn đoán, đánh giá về sức khỏe tinh thần, được tư vấn, tham vấn tâm lý dưới sự đồng ý của học sinh và người đại

diện hợp pháp. Quá trình tư vấn, tham vấn hay trị liệu tâm lý học đường được triển khai theo các nguyên tắc, quy trình và phương pháp cụ thể của nhân viên tư vấn học đường.

3.2.5. Các vấn đề liên quan tới khó khăn học tập

Đối với mỗi dạng khó khăn học tập khác nhau ở học sinh thì cần có các phương pháp và kỹ thuật trợ giúp riêng biệt. Các hoạt động trợ giúp này thường được thực hiện bởi giáo viên giáo dục đặc biệt trong trường học. Tuy nhiên, hiện nay số lượng giáo viên giáo dục đặc biệt trong trường phổ thông rất ít. Do đó, nhân viên công tác xã hội trường học cùng với giáo viên chủ nhiệm có thể xem xét hỗ trợ các học sinh này thông qua việc xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ.

Kế hoạch giáo dục cá nhân thường được xây dựng theo mỗi tháng, nó cũng tương tự như một bản kế hoạch hỗ trợ cho trẻ gặp các vấn đề khác trong trường học. Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục cá nhân chỉ tập trung vào việc phát triển kỹ năng học tập cho học sinh và giải quyết các vấn đề về hành vi kèm theo.



Hình 3.18. Nội dung bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khó khăn học tập

Ngoài việc hỗ trợ trực tiếp cho học sinh có khó khăn học tập. Nhân viên công tác xã hội trường học cần hỗ trợ giáo viên xây dựng một môi trường lớp học an toàn, thân thiện tránh các hành vi kỳ thị, bắt nạt những học sinh có khó khăn trong lớp học. Điều này rất cần thiết và ảnh hưởng rất nhiều tới chính kết quả học tập, và kết quả hỗ trợ của giáo viên cũng như nhân viên công tác xã hội trường học.

Nhân viên công tác xã hội trường học cũng cần làm việc với gia đình, nhằm cung cấp kiến thức, và kỹ năng hỗ trợ cho những học sinh này và đảm bảo rằng gia đình không dùng các hình phạt mang tính bạo lực đối với trẻ. Bởi gia đình có thể cho rằng trẻ lười học, không chú ý hoặc có thái độ chống đối học tập mà không hiểu rằng đây là những khó khăn mà trẻ gặp phải và cần được giúp đỡ.

3.2.6. Các vấn đề liên quan tới gia đình và cộng đồng

- Với học sinh bị ảnh hưởng bởi bạo lực gia đình và cộng đồng: Điều quan trọng là các nhân viên xã hội trường học phải thiết lập mối quan hệ trị liệu với những học sinh bị bạo lực và bị bỏ rơi. Trường học phải là một nơi an toàn cho đứa trẻ, nơi có khả năng sự bối rối, lo ngại hoặc các mối đe dọa được giảm thiểu. Nhân viên xã hội trường học nên thông báo cho giáo viên những dấu hiệu cảnh báo lạm dụng và bỏ mặc con cái của cha

mẹ để giáo viên có thể giúp xác định những trẻ có nguy cơ gặp vấn đề. Nhân viên xã hội nên hợp tác với giáo viên để tạo ra một môi trường lớp học và trường học an toàn và không căng thẳng cho trẻ em bị chấn thương sau sang chấn.

- Với các học sinh có cha mẹ lạm dụng/nghiện chất gây nghiện

- Với các tác động của thiên tai/dịch bệnh: nhân viên xã hội trường học có thể hỗ trợ ở mức độ tình cảm, cũng như cung cấp thông tin các nguồn lực cộng đồng về quần áo, thực phẩm và tiền mặt. Nhân viên công tác xã hội trường học có thể giúp quyên góp tiền bạc, quần áo và đồ gia dụng từ nhà trường và cộng đồng cũng như hỗ trợ, động viên các em trong suốt quá trình các em di dời chỗ ở tới các địa điểm công cộng (trường học).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Chí An (2011). *Từ thế giới nhìn về công tác xã hội học đường ở Việt Nam*. Tham luận Hội thảo Công tác xã hội học đường, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.
- Lê Văn An, Ngô Tùng Đức (2016), *Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng*, Nhà xuất bản Thanh niên.
- Kim Anh (26/06/2021). *Thực trạng của vấn đề tự tử và các dấu hiệu tự tử ở trẻ em và trẻ vị thành niên*. Văn phòng Tham vấn và Trị liệu Tâm lý Nụ cười Trái tim. Truy xuất tại: <http://nucuoitraitim.com/bai-viet/thuc-trang-cua-van-de-tu-tu-va-cac-dau-hieu-tu-tu-o-tre-em-va-tre-vi-thanh-nien/>
- Bộ GD-ĐT (2014). Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GD&ĐT về việc: *Ban hành Quy chế đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bộ GD-ĐT (2011). Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT về việc: *Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2018). Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: *Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học*.
- Bộ GD-ĐT (2020). Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4-9-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bộ GD-ĐT (2020). Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4-9-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Ban hành Điều lệ Trường tiểu học*.
- Bộ GD-ĐT (2020). Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15-09-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.
- Bộ GD-ĐT (2021). Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20-7-2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.
- Bộ Tư pháp và UNICEF (2019), *Báo cáo nghiên cứu pháp luật về phòng ngừa, xử lý, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật và tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại Việt Nam*
- David Dupper (2002), *School Social Work: Skills and Interventions for Effective Practice*, John Wiley & Sons, INC.
- Dibble, N. (1999). *Outcome evaluation of school social work services*. Madison: Wisconsin Department of Public Instruction.
- Dimmit, C. (2003). *Transforming school counseling practice through collaboration and the use of data: A study of academic failure in high school*. Professional School Counseling, Vol. 6, pp. 340- 349.
- Vũ Mộng Đóa (2019), Những yếu tố tác động đến thất bại học đường của học sinh, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 7/2019, tr 151-156.
- Trần Thị Minh Đức (2010), *Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Bản quyền của tổ chức Plan tại Việt Nam.
- Đại học Sư phạm Hà Nội (2017). *Tài liệu tập huấn Kỹ năng tham vấn tâm lý học đường*

- Hines, P. L. (2002). Transforming the rural school counselor. *Theory into Practice*, Vol. 41, pp. 192- 201.
- Kearney, C. A. (2003). Bridging the gap among professionals who address youths with school absenteeism: overview and suggestions for consensus. *Professional Psychology: Research and Practice*, Vol. 1, pp. 57-65.
- McCluskey, C. P. - Bynum, T. S., - Patchin, J. W. (2004). Reducing chronic absenteeism: An assessment of an early truancy initiative. *Crime & Delinquency*, Vol. 50, pp. 214-234.
- Mayo Clinic (2022). *Drug addiction (substance use disorder)*. Truy xuất từ: <https://www.mayoclinic.org/diseases-conditions/drug-addiction/symptoms-causes/syc-20365112>
- Jussim, L., - Harber, K. D. (2005). Teacher expectations and self-fulfilling prophecies: Knowns and unknowns, resolved and unresolved controversies. *Personality & Social Psychology Review*, Vol. 9, pp. 131-155.
- Jimerson, S. R., - Schuder, M. R. (1996). *Is grade retention an appropriate academic intervention? Longitudinal data provide further insights*. Paper presented at Head Start's Third National research Conference, Washington, DC. Juntunen, C. L.
- Jimerson, S. r. - Anderson, G. E., - Whipple, A. D. (2002). Winning the battle and losing the war: Examining the relation between grade retention and dropping out of high school. *Psychology in the Schools*, Vol. 39, pp. 441-457.
- Trần Thị Lệ Thu, Trần Thành Nam và Nguyễn Thị Phương (2018). *Cẩm nang tâm lý học đường: Dành cho cha mẹ, giáo viên, học sinh, sinh viên*. NXB Văn hóa – Văn nghệ, Hà Nội.
- Khazaal, Y., Chatton, A., Rothen, S., Achab, S., Thorens, G., Zullino, D., et al. (2016). *Psychometric properties of the 7-item game addiction scale among French and German adults*. *BMC Psychiatry* 16:132.
- Petry, N. M., Rehbein, F., Ko, C. H., and O'Brien, C. H. (2015). *Internet gaming disorders in the DSM-5*. *Curr. Psychiatry Rep.* 17:19.
- Griffiths, M., Kuss, D., and King, D. (2012). Video game addiction: past. Present and future. *Curr. Psychiatry Rev.* 8, 308–318.
- Sharon Levy (2017), Harvard Medical School. *Sử dụng ma túy và chất gây nghiện ở thanh thiếu niên*. Truy xuất tại: <https://www.msmanuals.com/vi/chuyên-gia/nhi-khoa/vấn-đề-ở-thanh-thiếu-niên/sử-dụng-ma-túy-và-chất-gây-nghiện-ở-thanh-thiếu-niên> .
- Nguyễn Văn Tường (2014), *Giải pháp phòng ngừa và ngăn chặn người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Người chưa thành niên vi phạm pháp luật, thực trạng và giải pháp, Hội Khoa học TL-GD Đồng Nai - Trường giáo dưỡng số 4 (Bộ Công An), NXB ĐHQG TP.HCM, tr 118 – 132.
- Nguyễn Văn Tường (2016), *Hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học và mô hình phòng ngừa – can thiệp (Sách chuyên khảo)*, NXB Đại học Thái Nguyên.

- Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Viện Nghiên cứu Phát triển Hải ngoại (ODI) (2017), *Bản chất vấn đề tự tử ở trẻ em và thanh thiếu niên tại một số tỉnh/thành phố ở Việt Nam*, truy xuất tại: <https://www.unicef.org/vietnam/>
- Mattson, A., Seese, L. R., & Hawkins, J. W. (1969). Suicidal behavior as a child psychiatric emergency: Clinical characteristics and follow-up results. *Archives of General Psychiatry*, 20, 100-109.
- Unicef và MOLISA (2017). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác xã hội cá nhân*
- Unicef và MOLISA (2017). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác xã hội nhóm*
- Unicef và MOLISA (2016). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Tham vấn căn bản*
- World Health Organization [WHO] (2018). *Addictive behaviors: Gaming disorder*. Available at: <https://www.who.int/features/qa/gaming-disorder/en/> (accessed December, 2018).

PHỤ LỤC

(Tham khảo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)

Mẫu số 01	Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em
Mẫu số 02	Đánh giá nguy cơ ban đầu, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ em
Mẫu số 03	Báo cáo thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể
Mẫu số 04	Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp
Mẫu số 05	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp
Mẫu số 06	Rà soát, đánh giá tình trạng của trẻ em sau khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp
Mẫu số 07	Phiếu chuyển dịch vụ công tác xã hội

Mẫu số
01

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TIẾP NHẬN THÔNG TIN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...

Số:...../BC-(2)

...(3)...., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
TIẾP NHẬN THÔNG TIN HỌC SINH.....(4)....

A. Thông tin chung

1. Nguồn nhận thông tin

Thông qua (điện thoại/gặp trực tiếp/người khác báo):.....

Thời gian (mấy giờ)..... Ngày tháng..... năm

2. Thông tin về trẻ em

Họ và tên trẻ em (5).....

Ngày tháng năm sinh (5).....hoặc ước lượng tuổi.....

Giới tính (5): Nam.....Nữ.....Không biết.....

Địa điểm xảy ra vụ việc.....

Tình trạng hiện tại của trẻ em: (6).....

Phỏng đoán hậu quả có thể sẽ xảy ra cho trẻ em nếu không có được hỗ trợ, can thiệp?.

Họ và tên cha: (5).....Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Họ và tên mẹ: (5).....Tuổi.....Nghề nghiệp.....

Hoàn cảnh gia đình: (5).....

Hiện tại ai là người chăm sóc trẻ em (nếu biết).....

Những hành động hỗ trợ, can thiệp đã được thực hiện đối với trẻ em trước khi nhận được thông tin:

3. Thông tin về người cung cấp thông tin (nếu đồng ý cung cấp)

Họ và tên..... Số điện thoại.....

Địa chỉ.....

Ghi chú thêm.....

Cán bộ tiếp nhận thông tin

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan tiếp nhận thông tin.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan tiếp nhận thông tin.

(3) Địa danh.

(4) Trẻ em thuộc đối tượng: bị xâm hại/có nguy cơ bị bạo lực/bóc lột/bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

(5) Cán bộ ghi thông tin nếu biết hoặc được cung cấp.

(6) Thông tin về thể chất, tinh thần của trẻ em.

Mẫu số 02

ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ BAN ĐẦU, THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN TẠM THỜI CHO TRẺ EM

Ngày, tháng, năm tiến hành đánh giá:

1. Đánh giá nguy cơ sơ bộ

1. Đánh giá mức độ tổn hại (Cao, Trung bình, Thấp)			
1.1. Mức độ tổn hại của trẻ em	Cao (trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng, đe dọa tính mạng); Trung bình (trẻ em bị tổn hại, nhưng không nghiêm trọng); Thấp (trẻ em ít hoặc không bị tổn hại).		
1.2. Nguy cơ trẻ em tiếp tục bị tổn hại nếu ở trong tình trạng hiện tại	Cao (đối tượng xâm hại có khả năng tiếp cận trẻ em dễ dàng và thường xuyên); Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ em, nhưng không thường xuyên); Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ em).		
Tổng số (số lượng Cao, Trung bình, Thấp)	Cao:	Trung bình:	Thấp:
2. Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em (Cao, Trung bình, Thấp)			
2.1. Khả năng tự bảo vệ của trẻ em trước các tổn hại	Cao (trẻ em có khả năng khắc phục được những tổn hại); Trung bình (trẻ em có một ít khả năng khắc phục được những tổn hại); Thấp (trẻ em không thể khắc phục được những tổn hại).		
2.2. Khả năng của trẻ em trong việc tiếp nhận sự hỗ trợ, bảo vệ của người lớn	Cao (Ngay lập tức tìm được người lớn có khả năng bảo vệ hữu hiệu cho trẻ em); Trung bình (chỉ có một số khả năng tìm được người bảo vệ hữu hiệu); Thấp (không có khả năng tìm người bảo vệ).		
Tổng số (số lượng Cao, Trung bình, Thấp)	Cao:	Trung bình:	Thấp:

*** Kết luận về tình trạng của trẻ em:**

- Trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp
- Trẻ em cần được áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp
- Trẻ em cần được tiếp tục theo dõi

2. Các biện pháp can thiệp khẩn cấp nhằm đảm bảo nhu cầu an toàn tạm thời cho trẻ em:

Nhu cầu về an toàn của trẻ em	Dịch vụ cung cấp	Đơn vị cung cấp dịch vụ
1. Chỗ ở và các điều kiện sinh hoạt	- Nơi chăm sóc tạm thời - Thức ăn - Quần áo	
2. An toàn thể chất	- Chăm sóc y tế - Chăm sóc tinh thần	

Nơi nhận:

-
- Lưu hồ sơ.

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 03

BÁO CÁO**THU THẬP THÔNG TIN, XÁC MINH VÀ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ CỤ THỂ**

Họ và tên trẻ em:

Họ và tên người đánh giá:

Ngày, tháng, năm thực hiện bản đánh giá

1. Thu thập thông tin

Câu hỏi	Trả lời
Tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm của trẻ em (trẻ em đã bị xâm hại hay chưa)?	Mô tả
Hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ của trẻ em và năng lực bảo vệ trẻ em của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình (đặc biệt là những người trực tiếp chăm sóc trẻ em, chất lượng chăm sóc như thế nào)?	
Các yếu tố tác động đến chất lượng của sự chăm sóc trẻ em?	Yếu tố tích cực:
	Yếu tố tiêu cực:
Trong thời gian tới ai sẽ là người chăm sóc trẻ em?	
Các yếu tố có thể sẽ tác động đến việc chăm sóc trẻ em trong thời gian tới?	Yếu tố tích cực:
	Yếu tố tiêu cực:

2. Đánh giá nguy cơ cụ thể:**a) Đánh giá mức độ tổn hại**

Đánh giá mức độ tổn hại	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Đánh giá mức độ trẻ em bị tổn hại	Cao (trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng); Trung bình (trẻ em bị tổn hại nhưng không nghiêm trọng); Thấp (trẻ em bị tổn hại ít hoặc không bị tổn hại).
2. Khả năng tiếp cận trẻ em của đối tượng xâm hại (trong tương lai)	Cao (đối tượng xâm hại có khả năng tiếp cận trẻ em dễ dàng và thường xuyên); Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ em, nhưng không thường xuyên); Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ em).
3. Tác động của hành vi xâm hại đến sự phát triển của trẻ em (thể chất, tâm lý, tình cảm)	Cao (có tác động nghiêm trọng đến trẻ em); Trung bình (có một vài tác động đến sự phát triển của trẻ em); Thấp (có ít hoặc không có tác động đến sự phát

	triển của trẻ em).
4. Những trở ngại trong môi trường chăm sóc trẻ em đối với việc bảo đảm an toàn cho trẻ em	Cao (có nhiều trở ngại để đảm bảo an toàn cho trẻ em); Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng trẻ em vẫn có được sự bảo vệ nhất định); Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ trẻ em).
5. Không có người sẵn sàng hoặc có khả năng bảo vệ trẻ em	Cao (Không có người nào có thể bảo vệ trẻ em hoặc có người bảo vệ nhưng không được tốt); Trung bình (có một số người có thể bảo vệ trẻ em, nhưng khả năng và độ tin cậy chưa cao); Thấp (có một số người có thể bảo vệ trẻ em).
Tổng số (số lượng Cao, Trung bình, Thấp)	Cao: Trung bình: Thấp:

b) Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em

Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Khả năng tự bảo vệ của trẻ em trước những hành động của đối tượng xâm hại	Cao (trẻ em có khả năng tự bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng, nhưng không cao); Thấp (trẻ em không tự bảo vệ được).
2. Khả năng biết được những người có khả năng bảo vệ mình	Cao (trẻ em biết được người lớn nào có thể bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em biết ít về người lớn nào có thể bảo vệ mình); Thấp (trẻ em không biết người lớn nào có thể bảo vệ mình).
3. Khả năng của trẻ em trong việc thiết lập mối quan hệ với những người có thể bảo vệ mình	Cao (trẻ em sẵn sàng và có khả năng nói chuyện với người lớn có thể bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng liên hệ với người lớn nào có thể bảo vệ mình); Thấp (trẻ em không có khả năng liên hệ với người lớn).
4. Khả năng của trẻ em trong việc nhờ người bảo vệ trẻ em	Cao (trẻ em có khả năng liên hệ với người lớn và cho người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng liên hệ với người lớn và cho người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); Thấp (trẻ em không có khả năng liên hệ với người lớn và cho người lớn biết về tình trạng không an toàn).

	của mình).
5. Trẻ em có được sự theo dõi và sẵn sàng giúp đỡ của những người khác (không phải là đối tượng xâm hại)	Cao (những người hàng xóm, thầy giáo, cô giáo... thường xuyên quan sát được trẻ em); Trung bình (chỉ quan sát trẻ em ở một số thời điểm nhất định); Thấp (trẻ em ít được mọi người trông thấy).
Tổng số (số lượng Cao, Trung bình, Thấp)	Cao: Trung bình: Thấp:

3. Kết luận các nguy cơ: Trên cơ sở so sánh mức độ (Cao, Thấp, Trung bình) giữa Đánh giá mức độ tổn hại với Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em:

- Trường hợp Đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em ở mức độ Cao nhiều hơn Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em: Trẻ em có nguy cơ cao tiếp tục bị xâm hại hoặc mức độ trẻ em bị tổn hại vẫn rất nghiêm trọng.
- Trường hợp Đánh giá mức độ tổn hại ở mức độ Cao ít hơn hoặc tương đương với Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em: Trẻ em không có hoặc ít có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại hoặc mức độ tổn hại của trẻ em ít nghiêm trọng.

4. Xác định các vấn đề của trẻ em: Trên cơ sở kết luận các nguy cơ, xác định các vấn đề của trẻ em (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cần hỗ trợ, can thiệp).

Ví dụ:

- Các tổn hại về thể chất, tâm lý, tình cảm nghiêm trọng.
- Môi trường chăm sóc trẻ có nhiều nguy cơ có thể khiến trẻ em tiếp tục bị xâm hại.

5. Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em:

6. Ý kiến, nguyện vọng của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em:

7. Xác định nhu cầu cần cung cấp dịch vụ của trẻ em:

- Chăm sóc, chữa trị các tổn hại (đáp ứng nhu cầu trẻ em cần sự chăm sóc về thể chất, tinh thần);
- Tư vấn, trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác (đáp ứng nhu cầu trẻ em cần có một môi trường sống an toàn, đảm bảo các điều kiện để hòa nhập cộng đồng).

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 04

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ, CAN THIỆP*(Trường hợp trẻ em bị xâm hại/nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi)***1. Mục tiêu**

- Các tổn hại của trẻ em được phục hồi;
- Các yếu tố không an toàn trong môi trường sống của trẻ em cần được khắc phục;
- Bảo đảm các điều kiện cần thiết để trẻ em hòa nhập cộng đồng;

2. Các hoạt động

- Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý;
- Các hoạt động trợ giúp xã hội;
- Các hoạt động hỗ trợ giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp;
- Các hoạt động trợ giúp pháp lý (nếu cần);
- Các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác.

3. Tổ chức thực hiện

Stt	Tên hoạt động	Cán bộ thực hiện	Cán bộ phối hợp	Thời gian thực hiện
1
2
3

4. Kinh phí

(Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo)/.

Người thực hiện*(Ký, ghi rõ họ và tên)***ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC***(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp được xây dựng để nhằm mục đích cung cấp dịch vụ hỗ trợ, can thiệp dành cho trẻ em bị xâm hại/nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; giải quyết các nhu cầu được an toàn, bảo vệ và chăm sóc trước mắt và lâu dài cho trẻ em.

Mẫu số 05

CƠ SỞ GIÁO DỤC (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.../QĐ-...

....(2)...., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với ... (3)...****THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ... (1)....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày..... /.... /2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em;

Căn cứ Nghị định về Công tác xã hội số /20.../NĐ-CP ngày..... /.... /20.. của Chính phủ

Xét đề nghị của ông/bà ...(4)....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với(3).... (Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp kèm theo).**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công trong Kế hoạch chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.**TM. CƠ SỞ GIÁO DỤC****HIỆU TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng LĐTBXH cấp ... (để b/c);
- Sở LĐTBXH (để b/c);
- Lưu hồ sơ.

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở giáo dục
- (2) Địa danh.
- (3) Tên trẻ em bị xâm hại/có nguy cơ bị bạo lực/bóc lột/bỏ rơi.
- (4) Tên người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.

Mẫu số 06

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG CỦA TRẺ EM SAU KHI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ, CAN THIỆP

Họ và tên trẻ em:

Họ và tên cán bộ thực hiện:

Ngày, tháng, năm thực hiện:

1. Đánh giá nguy cơ tại giai đoạn kết thúc

a) Đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em

Đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Mức độ tổn hại của trẻ em có còn nghiêm trọng không	Cao (tổn hại của trẻ em vẫn còn rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em); Trung bình (tổn hại của trẻ em còn ít nghiêm trọng); Thấp (tổn hại của trẻ em không còn nghiêm trọng).
2. Khả năng tiếp cận trẻ em của đối tượng xâm hại	Cao (đối tượng xâm hại vẫn có khả năng tiếp cận trẻ em và thường xuyên); Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ em, nhưng không thường xuyên); Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ em).
3. Những trở ngại trong môi trường chăm sóc trẻ em đối với việc bảo đảm an toàn cho trẻ em	Cao (môi trường chăm sóc vẫn có nhiều trở ngại đáng kể để bảo đảm an toàn cho trẻ em); Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng trẻ em vẫn có được sự bảo vệ nhất định); Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ trẻ em).
Tổng số	Cao: Trung bình: Thấp:

b) Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em

Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Khả năng tự bảo vệ của trẻ em trước những hành động của đối tượng xâm hại	Cao (trẻ em có khả năng tự bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng, nhưng không cao); Thấp (trẻ em không tự bảo vệ được).
2. Trẻ em có được sự theo dõi và sẵn sàng giúp đỡ của những người khác (không phải là đối tượng)	Cao (những người hàng xóm, thầy cô... thường xuyên quan sát được trẻ em); Trung bình (chỉ quan sát trẻ em ở một số thời điểm nhất định);

xâm hại)	Thấp (trẻ em ít được mọi người trông thấy).
3. Khả năng của trẻ em trong việc nhờ người bảo vệ trẻ em	Cao (trẻ em có khả năng liên hệ với người lớn và cho biết người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng liên hệ với người lớn); Thấp (trẻ em không có khả năng liên hệ với người lớn).
Tổng số	Cao: Trung bình: Thấp:

2. Kết luận về tình trạng của trẻ em: Trên cơ sở so sánh mức độ (Cao, Thấp, Trung bình) giữa Đánh giá mức độ tổn hại với Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em:

- Nếu nguy cơ trẻ em vẫn tiếp tục bị xâm hại/tổn hại, cần có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp tiếp theo đối với trẻ em.
- Nếu kết quả can thiệp, trợ giúp đảm bảo trẻ em ổn định và nguy cơ xâm hại không còn, theo dõi trong thời gian 3 tháng và kết thúc.

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

CƠ SỞ GIÁO DỤC (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.../QĐ-...

...(2)...., ngày tháng năm 20....

PHIẾU CHUYỂN DỊCH VỤ HỖ TRỢ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Kính chuyển Trung tâm/Văn phòng:

.....

Địa chỉ:

.....

Tên thân chủ được chuyển:

Giới tính:

Tuổi:

Công việc:

Đánh giá sơ bộ nan đề của thân chủ:**Lý do chuyển:**

Ngày tháng năm
 Người đại diện giới thiệu chuyển
 (ký tên)

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

- 1. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Giang**
 - Địa chỉ: Tổ 8, phường Quang Trung, TP Hà Giang
 - Điện thoại: 02193810480
- 2. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Lào Cai**
 - Địa chỉ: Tổ 3, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai
 - Điện thoại: 1800 1136
 - Email: ttctxh-sldtbxh@laocai.gov.vn
- 3. Trung tâm Bảo Trợ Xã Hội Cao Bằng**
 - Địa chỉ: Tổ 16, P. Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.
 - ĐT: 0206 3852 064
- 4. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tỉnh Lai Châu**
 - Địa chỉ: Bản Mới, Xã Sang Thàng, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.
 - ĐT: 0213 3876 209
- 5. Trung tâm Bảo Trợ Xã Hội Tỉnh Lạng Sơn**
 - Địa chỉ: Thôn Vĩ Thượng, Xã Hoàng Đồng, Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn
 - ĐT: 0205 3871 536 – 0205 3875 803
- 6. Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp và Công tác xã hội**
 - Địa chỉ: Tổ 1a, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Cạn, Bắc Cạn
 - Điện thoại: 0209 3878 187
- 7. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tỉnh Điện Biên**
 - Địa chỉ: Nguyễn Hữu Thọ, Thanh Bình, Thành phố Điện Biên Phủ, Điện Biên
 - ĐT: 0215 6290 688
- 8. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội tỉnh Sơn La**
 - Địa chỉ: Lê Đức Thọ, Tổ 14, Phường Quyết Thắng, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La
 - ĐT: 02126.279.150 - 02123.851.829
 - Email: ttbttxh@sonla.gov.vn
- 9. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hòa Bình**
 - Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình
 - Điện thoại: 02183842236
 - Đại diện pháp lý: Đỗ Văn Chiến
- 10. Trung tâm Công tác Xã hội và Quỹ Bảo trợ Trẻ Em tỉnh Tuyên Quang**
 - Địa chỉ: Tổ 6, Phường Hưng Thành, Thành Phố Tuyên Quang , Tuyên Quang .
 - ĐT: 0273 872227
- 11. Trung tâm Bảo Trợ và Công tác Xã hội tỉnh Thái Nguyên**
 - Địa chỉ: Số 47, Tổ 36, Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 - ĐT: 02083 857 473
 - Email: btxhvt.sold@thainguyen.gov.vn
- 12. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Bắc Giang**
 - Địa chỉ: Số 185 Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - ĐT: 02043. 559.486
 - Email: ttctxh_sldtbxh@bacgiang.gov.vn

- 13. Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ Xã hội tỉnh Bắc Ninh**
 - Địa chỉ: 124 Lê Phụng Hiểu, P.Vệ An, Bắc Ninh
 - ĐT: 0222 3821 215
- 14. Phòng Công tác Xã hội - Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh**
 - Địa chỉ: Huyện Quang, Đại Phúc, Bắc Ninh, Việt Nam
 - ĐT: 0886 114 966
- 15. Trung tâm Công tác Xã hội Tỉnh Hà Nam**
 - Địa chỉ: Quốc lộ 21a, Liêm Tiết, Xã Liêm Tiết, H. Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam
 - ĐT: 0914295050
- 16. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Hà Nam**
 - Địa chỉ: Xã Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam.
 - ĐT: 0226 3531 694
- 17. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Hải Dương**
 - Địa chỉ: 93 Nguyễn Lương Bằng, P. Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương, Hải Dương
 - ĐT: 0220 3890 108
- 18. Trung tâm Công tác Xã hội thành phố Hải Phòng**
 - Địa chỉ: 60 Nguyễn Văn Hới, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng
 - ĐT: 0225 3700 799
- 19. Trung tâm Bảo trợ Xã hội và Công tác Xã hội tỉnh Hưng Yên**
 - Địa chỉ: Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
 - ĐT: 02213 830 789
- 20. Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Hà Nội**
 a. Trụ sở chính: Số 45 Bà Triệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông;
 Số điện thoại: 0243.35525651
 b. Cơ sở 2: thôn Đồng Dầu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.
 Số điện thoại: 0243.9613113
- 21. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh**
 - Địa chỉ: Số 35A Điện Biên Phủ, P. Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
 - Điện thoại: 0203.3513130
 - Người đại diện: Nguyễn Văn Hòa
- 22. Cơ sở Bảo trợ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh**
 - Địa chỉ: Số 5, tổ 7 khu 5, P. Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 - ĐT: 0203 3835315 - 02033 833824
 - Email: ttbttehcdb.sldtbxh@quangninh.gov.vn
- 23. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc**
 - Địa chỉ: Hoàng Hoa Thám, phường Đồng Tâm, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 - Điện thoại: 1800 585898
 - <http://congtacxahoivinhphuc.vn/>
- 24. Trung tâm Công tác Xã hội và Bảo trợ Xã hội tỉnh Yên Bái**
 - Địa chỉ: Tổ 36, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
 - ĐT: 02163890522
- 25. Trung tâm Công tác Xã hội và Bảo trợ Xã hội tỉnh Thái Bình**

- Địa chỉ: Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- ĐT: 0363 826 679
- 26. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Nam**
 - Địa chỉ: Quốc lộ 21A, xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, Hà Nam
 - Điện thoại: 0914 295 050 (chị Hồng)
 - Người phụ trách: Nguyễn Quang Huy
- 27. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tỉnh Nam Định**
 - Địa chỉ: Đường Không Tên, Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định
 - ĐT: 0228 3886 142
- 28. Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội tỉnh Ninh Bình**
 - Địa chỉ: 228, Phố Bắc Phong, phường Nam Bình, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
 - ĐT: 02293 875 252
- 29. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Thanh Hóa**
 - Địa chỉ: 313Đ, Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
 - Điện thoại: 0237 3961 739
 - Người đại diện: Trương Hải Dương
- 30. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Nghệ An**
 - Địa chỉ: Xóm Trần Phú, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
 - Điện thoại: 02383 691 121
- 31. Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh Quảng Bình**
 - Địa chỉ: Tiểu Khu 3, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình
 - ĐT: 0232 3836 733
- 32. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tổng hợp Tỉnh Quảng Trị**
 - Địa chỉ: thôn Định Xá, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
 - ĐT: 0233 3861 260
- 33. Trung tâm Công tác Xã hội và Quỹ Bảo trợ Trẻ em tỉnh Thừa Thiên Huế**
 - Địa chỉ: 65 Đặng Tất, An Hòa, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế
 - ĐT: 0234 3589 788
- 34. Trung tâm cung cấp Dịch vụ Công tác xã hội Đà Nẵng**
 - Địa chỉ: 64 Đống Đa, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 - Điện thoại:
 - Người đại diện: Nguyễn Văn Châu
- 35. Trung tâm Công tác Xã hội TP Đà Nẵng**
 - Địa chỉ: 64 Đống Đa, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 - ĐT: 0236.2217809
 - Email: ctxh.dn2010@gmail.com
- 36. Trung tâm cung cấp Dịch vụ Công tác xã hội tỉnh Quảng Nam**
 - Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
 - Điện thoại: 1235 3829609
 - Người đại diện: Võ Văn Kiến
- 37. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi**
 - Địa chỉ: phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Điện thoại: 02553 824823
- Người phụ trách: Nguyễn Thu Trang
- 38. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Phú Yên**
 - Địa chỉ: 54 Nguyễn Thái Học, phường 5, Tuy Hòa, Phú Yên
 - Điện thoại: 0257 3890000
 - Đại diện pháp luật: Huỳnh Phạm Ái Thi
- 39. Trung Tâm Bảo Trợ Xã Hội Tỉnh Bình Định**
 - Địa chỉ: 41 Quang Trung, Huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
 - ĐT : 0256 3835 361
- 40. Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định**
 - Địa chỉ: 78 Ngô Đức Đệ, TT. Bình Định, An Nhơn, Bình Định
- 41. Trung tâm Công tác Xã hội và Quỹ bảo trợ Trẻ em tỉnh Khánh Hòa**
 - Địa chỉ: 193 Phước Long, Phước Trung, Nha Trang, Khánh Hòa
 - ĐT: 0258 3882 808
- 42. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Ninh Thuận**
 - a. Trung tâm Công tác xã hội cơ sở 1**
 - Địa chỉ: 33 Cao Bá Quát, phường Thanh Sơn, Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận
 - Điện thoại: 0683 822956
 - b. Trung tâm Công tác xã hội cơ sở 2**
 - Địa chỉ: 79 Ngô Gia Tự, Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận
 - Điện thoại: 0683 822956
- 43. Trung tâm Bảo Trợ Xã Hội Tổng Hợp tỉnh Bình Thuận**
 - Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phú Tài, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận
 - ĐT: 0252 3756 039
- 44. Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Đắk Lắk**
 - Địa chỉ: Hòa Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Dak Lak
 - ĐT: 0262 3820 155
- 45. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tỉnh Đắk Nông**
 - Địa chỉ: Khối 13, Đắk Mít, Đắk Nông
 - ĐT: 0261 3751 373
- 46. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tổng hợp Gia Lai**
 - Địa chỉ: 61 Hải Thượng Lãn Ông, phường Yên Thế, Thành phố Pleiku, Gia Lai.
 - ĐT: 0269 3865 219
- 47. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Kon Tum**
 - Địa chỉ: 115 Bắc Kạn, Thành phố Kon Tum. Tỉnh Kon Tum
 - ĐT:0603862677
- 48. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tỉnh Lâm Đồng**
 - Địa chỉ: 233 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng
 - ĐT: 0263 3834 805
- 49. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh TP Hồ Chí Minh**
 - a. Trung tâm Công tác xã hội Thanh niên**

- Địa chỉ: 05 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0838 239735/Hotline: 0913 338 332/0908 657882
- www.congtacxahoi.vn

b. Trung tâm Công tác xã hội Ánh Dương

- Địa chỉ: 71 Võ Thị Sáu, phường 6, Quận 3. TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 02838 209426/ Điện thoại tư vấn: 02838 208470

50. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ: KP5, phường Tân hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 012513892185
- Người đại diện: Nguyễn Huỳnh Nhật Giang

51. Trung tâm bảo trợ & công tác xã hội tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ: 87 Đ. Đoàn Thị Liên, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- ĐT: 0274 3897 205

52. Trung Tâm Công Tác Xã Hội Tỉnh Bình Phước

- Địa chỉ: Đường Trần Phú, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
- ĐT: 06513825825

53. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Tây Ninh

- Địa chỉ: Hẻm 37 Đường 786 Thanh Thuận, Thanh Điền, Châu Thành, Tây Ninh
- ĐT: 0276 3826 305

54. Hội Bảo Trợ Người Khuyết tật và Quyền trẻ em tỉnh Tây Ninh

- Địa chỉ: số 140, QL22B, Long Yên, Hoà Thành, Tây Ninh
- ĐT: 096 861 33 47

55. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

- Địa chỉ: Số 120 Nguyễn Văn Hường, Long Tâm, TP. Bà Rịa, Bà Rịa- Vũng Tàu.
- Điện thoại: 0643 829366

56. Trung tâm Công tác xã hội Long An

- Địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Tâm, TP. Long An, tỉnh Long An
- Điện thoại: 0723 829 573

57. Trung tâm Công tác xã hội Tiền Giang

- Địa chỉ: Ấp Phong Thuận B, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Điện thoại: 02733 650121

58. Trung tâm Cung cấp dịch vụ Công tác xã hội tỉnh Bến Tre

- Địa chỉ: Số 94 đường Hùng Vương, phường 2, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 0275 6250 9999

59. Trung tâm Bảo trợ trẻ em tỉnh Bến Tre.

- Địa chỉ: 99 Đoàn Hoàng Minh, Phường 6, Bến Tre
- ĐT: 0275 3822 523

60. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long

- Địa chỉ: Ấp Phước Yên B, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: 02703 811878
- Người đại diện: Nguyễn Văn Châu/điện thoại: 0948 137 151

61. Trung tâm Công tác xã hội thành phố Cần Thơ

- Địa chỉ: 251/1 đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Điện thoại: 02992 3838901
- Đại diện pháp luật: Hồ Thanh Hải
- 62. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang**
 - Địa chỉ: ấp 2, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
 - Điện thoại: 12033 962277
 - Người đại diện: Lê Văn Cao
- 63. Trung tâm Công tác xã hội Bảo vệ trẻ em tỉnh An Giang**
 - Địa chỉ: 65 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 - Điện thoại: 0296 3989 707
 - Người đại diện: Nguyễn Văn Nguyễn.
- 64. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh An Giang**
 - Địa chỉ: Tổ 8, Trần Khắc Chung, Phường Đông Xuyên, Long Xuyên, An Giang
 - ĐT: 0296 3841 394
- 65. Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
 - Ấp 6 Tóc tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu –
 - ĐT: 0254 3893 188
- 66. Trung tâm Công tác xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
 - Địa chỉ: 26 đường Ngô Quyền, phường Thắng Nhất, TP VT, Tỉnh BRVT
 - ĐT: 0254 3560 522 - 02543 615 339
 - Email: trungtamctxhvabtte@gmail.com
- 67. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Bạc Liêu**
 - Địa chỉ: Ấp Nước Mặn, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
 - ĐT: 02913610237
 - Email: ttbtXH@baclieu.gov.vn
- 68. Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Cà Mau**
 - Địa chỉ: Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, Thành phố Cà Mau
 - ĐT: 0290.3684600
- 69. Trung Tâm Công tác xã hội thành phố Cần Thơ**
 - Địa chỉ: 251/1 đường Tầm Vu, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
 - ĐT: 18008065
 - Email: ttctXH@gmail.com
- 70. Trung Tâm Công Tác Xã Hội Trẻ Em**
 - Địa chỉ: 288, Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
 - ĐT: 0292 3783 208
- 71. Trung tâm Bảo Trợ Xã hội Tổng hợp Tỉnh Đồng Tháp**
 - Địa chỉ: Đường Đầm Dơi, ấp Mỹ Đông, Cao Lãnh, Đồng Tháp
 - ĐT: 0277 3821 282
- 72. Trung tâm Công tác Xã hội Bảo vệ trẻ em Tỉnh Đồng Tháp**
 - Địa chỉ: Số 02/1 Nguyễn Quang Diêu, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
- 73. Trung tâm Công tác Xã hội Tỉnh Hậu Giang**
 - Địa chỉ: ấp 2 - Thị trấn Nàng Mau - Huyện Vị Thủy - Hậu Giang

74. Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Kiên Giang

- Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, Xã Mong Thọ, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- ĐT: (0297) 3837529
- Email: ttbtXH.sld@kiengiang.gov.vn

75. Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Sóc Trăng

- Địa chỉ: 244 Đường Lê Hồng Phong, Phường 3, Sóc Trăng
- ĐT: 0299 3827 625

76. Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tỉnh Trà Vinh

- Địa chỉ: Ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- ĐT:(0294) 384 8561 (0294) 384 2287 (0294) 384 2388
- Email: ttbtXHTV@travinh.gov.vn